

II. Phạm vi, ranh giới, diện tích và quy mô dân số:

1. Phạm vi khu vực lập quy hoạch: Thuộc địa giới hành chính xã An Ninh, huyện Quỳnh Phụ; ranh giới cụ thể:

- + Phía Đông Bắc : Giáp khu công nghiệp THACO;
- + Phía Đông Nam : Giáp khu dân cư hiện có và đất nông nghiệp;
- + Phía Tây Bắc : Giáp đất nông nghiệp;
- + Phía Tây Nam : Giáp đường huyện ĐH.72.

2. Tổng diện tích lập quy hoạch là: **88.419,2 m²**. Chia làm 2 giai đoạn, cụ thể:

- + Giai đoạn 1 diện tích khoảng: **33.013,8m²**;
- + Giai đoạn 2 diện tích khoảng: **55.405,4m²**.

3. Quy mô dân số dự kiến: Khoảng 1.200 người.

III. Nội dung quy hoạch chi tiết:

1. Quy hoạch sử dụng đất:

BẢNG TỔNG HỢP QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT (GIAI ĐOẠN 1+2)								
TT	Tên loại đất	Ký hiệu	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)	Mật độ XD tối đa (%)	Tầng cao tối đa	Hệ số SĐĐ tối đa	Số lô
1	Đất nhà ở		35.628,2	40,29				330
	Đất ở liền kề 1	LK-01	2.771,9		86,0	5	4,3	20
	Đất ở liền kề 2	LK-02	3.664,8		86,0	5	4,3	25
	Đất ở liền kề 3	LK-03	729,8		85,4	5	4,27	5
	Đất ở liền kề 4	LK-04	3.321,0		94,0	5	4,7	32
	Đất ở liền kề 5	LK-05	3.321,0		94,0	5	4,7	32
	Đất ở liền kề 6	LK-06	3.128,0		94,0	5	4,7	32
	Đất ở liền kề 7	LK-07	2.168,0		94,0	5	4,7	22
	Đất ở liền kề 8	LK-08	2.301,0		94,0	5	4,7	22
	Đất ở liền kề 9	LK-09	2.168,0		94,0	5	4,7	22
	Đất ở liền kề 10	LK-10	3.393,7		94,0	5	4,7	34
	Đất ở liền kề 11	LK-11	3.464,5		94,0	5	4,7	33
	Đất ở liền kề 12	LK-12	3.276,5		94,0	5	4,7	31
	Đất ở liền kề 13	LK-13	1.920,0		94,0	5	4,7	20
2	Đất công trình hạ tầng xã hội	HTXH	4.741,0	5,36				
	Đất cây xanh sử dụng công cộng	CX	4.741,0		5	1	0,05	

3	Đất giao thông	GT	41.195,9	46,59				
4	Đất bãi đỗ xe	BĐX	1.871,6	2,12				
5	Đất công trình hạ tầng KT khác		4.982,5	5,64				
	Đất khu xử lý nước thải	XLNT	292,0					
	Đất khe hạ tầng	KHT	4.690,5					
	TỔNG		88.419,2	100				

Trong đó:

1.1. Giai đoạn 1

BẢNG TỔNG HỢP QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT GIAI ĐOẠN 1								
TT	Tên loại đất	Ký hiệu	Diện tích (m2)	Tỷ lệ (%)	Mật độ XD tối đa(%)	Tầng cao tối đa	Hệ số SĐĐ tối đa	Số lô
1	Đất nhà ở		14.238,7	43,13				123
	Đất ở liền kề 1	LK-01	2.771,9		86,0	5	4,3	20
	Đất ở liền kề 2	LK-02	3.664,8		86,0	5	4,3	25
	Đất ở liền kề 4	LK-04	2.653,0		94,0	5	4,7	26
	Đất ở liền kề 5	LK-05	2.653,0		94,0	5	4,7	26
	Đất ở liền kề 6	LK-06	2.496,0		94,0	5	4,7	26
2	Đất công trình hạ tầng xã hội	HTXH	1.680,8	5,09				
	Đất cây xanh sử dụng công cộng	CX	1.680,8		5	1	0,05	
3	Đất giao thông	GT	14.454,2	43,78				
4	Đất bãi đỗ xe	BĐX	942,2	2,85				
5	Đất công trình hạ tầng KT khác		1.697,9	5,14				
	Đất khu xử lý nước thải	XLNT	0,0					
	Đất khe hạ tầng	KHT	1.697,9					
	TỔNG		33.013,8	100				

1.2. Giai đoạn 2

BẢNG TỔNG HỢP QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT GIAI ĐOẠN 2								
TT	Tên loại đất	Ký hiệu	Diện tích (m²)	Tỷ lệ (%)	Mật độ XD tối đa(%)	Tầng cao tối đa	Hệ số SĐĐ tối đa	Số lô
1	Đất nhà ở		21.389,5	38,61				207
	Đất ở liền kề 3	LK-03	729,8		85,4	5	4,27	5
	Đất ở liền kề 4	LK-04	668,0		94,0	5	4,7	6
	Đất ở liền kề 5	LK-05	668,0		94,0	5	4,7	6
	Đất ở liền kề 6	LK-06	632,0		94,0	5	4,7	6
	Đất ở liền kề 7	LK-07	2.168,0		94,0	5	4,7	22
	Đất ở liền kề 8	LK-08	2.301,0		94,0	5	4,7	22
	Đất ở liền kề 9	LK-09	2.168,0		94,0	5	4,7	22
	Đất ở liền kề 10	LK-10	3.393,7		94,0	5	4,7	34
	Đất ở liền kề 11	LK-11	3.464,5		94,0	5	4,7	33
	Đất ở liền kề 12	LK-12	3.276,5		94,0	5	4,7	31
	Đất ở liền kề 13	LK-13	1.920,0		94,0	5	4,7	20
2	Đất công trình hạ tầng xã hội	HTXH	3.060,2	5,52				
	Đất cây xanh sử dụng công cộng	CX	3.060,2		5	1	0,05	
3	Đất giao thông	GT	26.741,7	48,27				
4	Đất bãi đỗ xe	BĐX	929,4	1,68				
5	Đất công trình hạ tầng kỹ thuật khác		3.284,6	5,93				
	Đất khu xử lý nước thải	XLNT	292,0					
	Đất khe hạ tầng	KHT	2.992,6					
	TỔNG		55.405,4	100,00				

- Các chỉ tiêu sử dụng đất chi tiết tại hồ sơ Thuyết minh và Đồ án quy hoạch kèm theo.

2. Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật:

a. Quy hoạch san nền (theo hệ cao độ chuẩn quốc gia):

- Cao độ hiện trạng tuyến ĐH.72 qua khu đất: Từ + 1,45 m đến + 1,60 m.

- Cao độ tim các tuyến đường quy hoạch +1,35 m đến + 1,50 m.

b. Quy hoạch giao thông tại khu vực:

- Đường huyện ĐH.72 phía Tây Nam khu dân cư có lộ giới 29,0m, bố trí dạng đường đôi; bao gồm lòng đường mỗi bên rộng 8,0m, dải phân cách giữa rộng 3,0m, vỉa hè mỗi bên rộng 5,0, mặt cắt $(5,0 + 8,0 + 3,0 + 8,0 + 5,0)$.

- Đường quy hoạch số 1, 2, 4, 5, 6, 8, 9 có bề rộng 13,0m, bao gồm lòng đường rộng 7,0m, vỉa hè mỗi bên rộng 3,0m, mặt cắt $(3,0 + 7,0 + 3,0)$.

- Đường quy hoạch số 1 đoạn qua khu dân cư hiện có, có bề rộng 11,5m, bao gồm lòng đường rộng 7,0m, vỉa hè phía dân cư mới rộng 3,0m, vỉa hè phía dân cư hiện có rộng 1,5m, mặt cắt $(3,0 + 7,0 + 1,5)$.

- Đường quy hoạch số 3 có bề rộng 28,0m, bố trí dạng đường đôi; bao gồm lòng đường mỗi bên rộng 7,5m, dải phân cách giữa rộng 3,0m, vỉa hè mỗi bên rộng 5,0m, mặt cắt $(5,0 + 7,5 + 3,0 + 7,5 + 5,0)$.

- Đường quy hoạch số 7 có bề rộng 20,5m, bao gồm lòng đường rộng 10,5m, vỉa hè mỗi bên rộng 5,0m, mặt cắt $(5,0 + 10,5 + 5,0)$.

* Toàn bộ hệ thống giao thông trong khu dân cư được đầu nối với tuyến đường đối ngoại đường huyện ĐH.72 thông qua tuyến đường quy hoạch số 1, số 3, số 5.

- Trong khu vực nghiên cứu quy hoạch bố trí các bãi đỗ xe tập trung, phân bố đều trong khu vực quy hoạch, trong khuôn viên nhà ở riêng lẻ. Diện tích đảm bảo theo quy định.

c. Quy hoạch cấp nước:

- Nhu cầu cấp nước: Khoảng 420 m³/ngày đêm.

- Nguồn nước sạch cung cấp cho khu vực quy hoạch được lấy từ đường ống cấp nước truyền dẫn của nhà máy nước sạch cụm xã đặt tại xã An Đồng..

- Mạng lưới đường ống: Mạng lưới cấp nước cho khu quy hoạch là mạng vòng kết hợp mạng nhánh. Các đường ống cấp nước phân phối được thiết kế mạng vòng có đường kính 110 mm. Đường ống cấp nước dịch vụ được thiết kế mạng nhánh cụt có đường kính 32 mm cấp nước đến từng công trình.

- Hệ thống cấp nước cứu hoả: Nước cứu hỏa lấy từ mạng vòng đường kính 110 mm thông qua các trụ cứu hoả dọc đường. Áp lực nước tối thiểu tại trụ cứu hoả là 10m cột nước.

d. Quy hoạch cấp năng lượng và chiếu sáng:

- Tổng nhu cầu điện cho toàn khu dân cư khoảng 1,300KVA.

- Nguồn điện cấp cho khu vực quy hoạch được lấy từ đường điện 22KV hiện có nằm ở phía Tây khu đất quy hoạch.

- Xây dựng mới 02 trạm biến áp cấp điện chiếu sáng và sinh hoạt cho khu dân cư.

- Mạng lưới điện hạ áp 0,4KV cấp điện sinh hoạt của khu dân cư lấy từ trạm biến áp. Lưới điện chiếu sáng được thiết kế theo Tiêu chuẩn thiết kế chiếu sáng nhân tạo đường, đường phố, quảng trường đô thị. Mạng lưới cấp điện chiếu sáng sử dụng hệ thống điện riêng đi ngầm, đèn chiếu sáng sử dụng đèn tiết kiệm công suất 150W.

e. Quy hoạch thông tin liên lạc:

Mạng lưới thông tin liên lạc được cấp từ khu vực đường huyện ĐH.72. Cấp thông tin được ngầm hóa và đặt trong các ống kỹ thuật. Đường dây thông tin được luồn trong các ống thép, vỏ kim loại được nối đất, từ đó cung cấp hệ thống thông tin liên lạc cho từng công trình.

f. Quy hoạch thoát nước đô thị:

- Thoát nước mưa:

+ Thiết kế mạng lưới thoát nước mưa dạng phân tán để giảm kích thước đường cống. Hệ thống thoát nước sử dụng cống tròn bê tông cốt thép có đường kính D600 mm; D800 mm.

- Kết cấu: Rãnh thoát nước sử dụng bê tông cốt thép đúc sẵn; miệng ga hố thăm bằng BTCT mác 200, đáy hố BTCT mác 200, nắp ga dùng bằng gang hoặc BTCT.

- Thoát nước thải:

+ Lượng nước thải: Khoảng 336,0 m³/ngày đêm.

+ Mạng lưới thoát nước: Sử dụng hệ thống thoát nước thải riêng. Tận dụng tối đa địa hình tự nhiên thiết kế đường ống thoát nước theo nguyên tắc tự chảy, tạo nên mạng lưới thông nhất. Nước thải sau khi xử lý cục bộ tại công trình (bằng bể tự hoại) được thoát vào hệ thống thoát nước thải riêng dẫn về trạm xử lý tập trung của khu vực quy hoạch. Nước thải sau khi được xử lý tập trung tại trạm xử lý phải đạt tiêu chuẩn theo quy định.

g. Quy hoạch xử lý chất thải rắn:

- Lượng chất thải rắn phát sinh: Khoảng 0,96 tấn/ngày đêm.

- Chất thải rắn được tập kết tại các thùng rác công cộng, sau đó được thu gom trong ngày, đưa về khu xử lý chất thải rắn tập trung.

IV. Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch: Nội dung chi tiết tại Quy định quản lý theo đồ án Quy hoạch chi tiết Khu dân cư Năm Thành, xã An Ninh, huyện Quỳnh Phụ kèm theo.

Điều 2. Chủ đầu tư và đơn vị tư vấn lập quy hoạch có trách nhiệm hoàn chỉnh hồ sơ, bản vẽ theo nội dung được phê duyệt để làm cơ sở quản lý xây dựng theo quy hoạch, lưu trữ hồ sơ và thực hiện công bố công khai quy hoạch để nhân dân biết, thực hiện.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND - UBND huyện; Trưởng các phòng: Kinh tế và Hạ tầng, Tài nguyên và Môi trường, Tài chính kế hoạch, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã An Ninh; Thủ trưởng các ngành, cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu VT, KTHT, PVD.

CHỦ TỊCH**Nguyễn Tiến Quyền**

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ PHỤ DỤC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 359/UBND-KT

Phụ Dục, ngày 28 tháng 11 năm 2025

V/v cấp điện đầu nối cho dự án:
Xây dựng hạ tầng khu dân cư
Năm Thành, xã An Ninh,
huyện Quỳnh Phụ (nay là xã
Phụ Dục, tỉnh Hưng Yên).

Kính gửi: Đội quản lý Điện lực khu vực Quỳnh Phụ.

Dự án Xây dựng hạ tầng khu dân cư Năm Thành, xã An Ninh, huyện Quỳnh Phụ được Hội đồng nhân dân huyện Quỳnh Phụ phê duyệt chủ trương đầu tư dự án tại Nghị quyết số 31/NQ-HĐND ngày 17/09/2024 phù hợp với quy hoạch chung và đảm bảo khả năng phục vụ cho nhu cầu phát triển nhà ở của xã Phụ Dục nói riêng và tỉnh Hưng Yên nói chung. UBND xã Phụ Dục đang triển khai thực hiện đầu tư dự án: Xây dựng hạ tầng khu dân cư Năm Thành, xã An Ninh, huyện Quỳnh Phụ.

UBND xã đang thực hiện các bước chuẩn bị đầu tư xây dựng công trình thuộc dự án. Để đáp ứng nhu cầu cung cấp điện ổn định, liên tục và đảm bảo chất lượng điện năng cần thiết phải đầu tư xây dựng hệ thống cấp điện cho dự án với những nội dung sau:

- Điểm đầu nối số 1: tại cột 17.40-2 đường dây 22kV lộ 471 E11.8.
- Xây dựng đường cáp ngầm 22kV cấp điện Trạm biến áp với công suất 560kVA – 22/0,4kV.
- Điểm đầu nối số 2: tại cột 17.40-1 đường dây 22kV lộ 471 E11.8.
- Xây dựng đường cáp ngầm 22kV cấp điện Trạm biến áp với công suất 630kVA – 22/0,4kV.
- Xây dựng đường cáp ngầm 0,4kV cấp điện sinh hoạt và chiếu sáng khu dân cư.

Thực hiện đúng quy trình, quy phạm của ngành điện, UBND xã đề nghị Đội QLĐLKV Quỳnh Phụ tạo điều kiện đồng ý cấp điện và thỏa thuận đầu nối dự án: Xây dựng hạ tầng khu dân cư Năm Thành, xã An Ninh, huyện Quỳnh Phụ với những nội dung trên.

Nhận công văn, đề nghị Đội quản lý Điện lực khu vực Quỳnh Phụ quan tâm, tạo điều kiện thực hiện dự án. 

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, KT, ĐTĐ.



**KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nam Đức Thuận

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ PHỤ DỤC**

Số: 360 /UBND-KT

V/v Thỏa thuận cấp nước sạch cho
dự án Xây dựng hạ tầng khu dân cư
Năm Thành, xã An Ninh, huyện
Quỳnh Phụ.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phụ Dục, ngày 28 tháng 11 năm 2025

Kính gửi: Công ty cổ phần nước sạch Thành Đạt An Đồng

Dự án Xây dựng hạ tầng khu dân cư Năm Thành, xã An Ninh, huyện Quỳnh Phụ được Hội đồng nhân dân huyện Quỳnh Phụ phê duyệt chủ trương đầu tư dự án tại Nghị quyết số 31/NQ-HĐND ngày 17/09/2024 phù hợp với quy hoạch chung và đảm bảo khả năng phục vụ cho nhu cầu phát triển nhà ở của xã Phụ Dục nói riêng và tỉnh Hưng Yên nói chung. UBND xã Phụ Dục đang triển khai thực hiện đầu tư dự án: Xây dựng hạ tầng khu dân cư Năm Thành, xã An Ninh, huyện Quỳnh Phụ;

UBND xã đang thực hiện các bước chuẩn bị đầu tư xây dựng công trình thuộc dự án. Để đáp ứng nhu cầu cung cấp nước ổn định, liên tục và đảm bảo chất lượng nước sạch cần thiết phải đầu tư xây dựng hệ thống cấp nước cho dự án với những nội dung sau:

Theo quy hoạch nước sạch cấp cho Năm Thành, xã Phụ Dục được cấp nguồn từ mạng lưới cấp nước của Công ty cổ phần nước sạch Thành Đạt An Đồng.

Theo hồ sơ thiết kế dự án bố trí điểm đầu nối cấp nước cho dự án tại 01 điểm trên đường ĐH.72 (qua phía trước nhà máy nước An Đồng) theo yêu cầu thiết kế lưu lượng nước đảm bảo $Q = 420 \text{ m}^3/\text{h}$, $H = 25 \text{ m}$, áp lực nước $1.5\text{-}2 \text{ Kg/cm}^2$.

Để có cơ sở đảm bảo điều kiện cung cấp nước cho dự án sau này, UBND xã Phụ Dục đề nghị Công ty cổ phần nước sạch Thành Đạt An Đồng chấp thuận cung cấp nước sạch và bố trí điểm đầu nối.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu: VT, KT, ĐTD.



**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Thạm Đức Thuận

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ PHỤ DỤC
Số: 361 /UBND-KT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Phụ Dục, ngày 28 tháng 11 năm 2025

(Về việc chấp thuận đầu nối hệ thống thoát nước mặt, nước thải thuộc dự án: Xây dựng hạ tầng khu dân cư Năm Thành, xã An Ninh, huyện Quỳnh Phụ)

Căn cứ Quyết định số 13/2019/QĐ-UBND ngày 13/08/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình ban hành Quy định quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên địa bàn tỉnh Thái Bình;

Căn cứ quyết định số 136/2025/QĐ – UBND ngày 13/10/2025 của UBND tỉnh Hưng Yên ban hành Quy định phân cấp, phân công nhiệm vụ trong hoạt động xây dựng trên địa bàn tỉnh Hưng Yên

Căn cứ vào Nghị quyết số 31/NQ-HĐND ngày 17/9/2024 của Hội đồng nhân dân huyện Quỳnh Phụ về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án: Xây dựng hạ tầng khu dân cư Năm Thành, xã An Ninh, huyện Quỳnh Phụ;

Sau khi xem xét, Ủy ban nhân dân xã Phụ Dục chấp thuận vị trí đầu nối thoát nước mặt, nước thải dự án Xây dựng hạ tầng khu dân cư Năm Thành, xã An Ninh, huyện Quỳnh Phụ như sau:

1. Vị trí điểm xả nước mặt (nước mưa):

- Thống nhất 01 vị trí điểm xả nước mặt (nước mưa): Toàn bộ nước mặt được gom vào rãnh thoát nước và xả vào ruộng đất hiện có tọa độ:

$$X(m) = 595021.81; Y(m) = 2286692.80$$

2. Vị trí điểm xả nước thải:

- Thống nhất 01 vị trí điểm xả nước thải sau xử lý thoát ra hệ thống thoát nước mặt đường quy hoạch số 5 có tọa độ: $X(m) = 595028.12; Y(m) = 2286682.54$.

- Nước thải phát sinh từ dự án phải được xử lý đạt yêu cầu theo quy định của pháp luật trước khi xả thải ra nguồn tiếp nhận.

- Trang bị lắp đặt biển báo vị trí xả nước thải từ dự án theo quy định của pháp luật.

Trên đây là ý kiến Ủy ban nhân dân xã Phụ Dục, kính mong các đơn vị liên quan triển khai thực hiện.

Nơi nhận:

- Ban thường vụ Đảng ủy;
- Lãnh đạo HĐND;
- Lãnh đạo UBND;
- Lưu VT, KT, ĐTD.



ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HUNG YÊN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 844 /QĐ-UBND

Hung Yên, ngày 04 tháng 9 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc điều chỉnh, bổ sung chuyển giao nhiệm vụ chủ đầu tư các công trình, dự án đầu tư công trên địa bàn tỉnh Thái Bình (đơn vị hành chính trước ngày 01/7/2025) khi thực hiện chính quyền địa phương 02 cấp

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HUNG YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 29 tháng 11 năm 2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý; sử dụng tài sản công ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014 và Luật số 62/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 125/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tài chính;

Căn cứ Văn bản số 4738/BTC-TH ngày 14 tháng 4 năm 2025 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chuyển tiếp quản lý các chương trình, nhiệm vụ, dự án, kế hoạch đầu tư công trong quá trình sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy chính quyền địa phương 02 cấp;

Căn cứ Quyết định số 310/QĐ-UBND ngày 16 tháng 7 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc điều chuyển nhiệm vụ chủ đầu tư các công trình, dự án đầu tư công trên địa bàn tỉnh Thái Bình (đơn vị hành chính trước ngày 01/7/2025) khi thực hiện chính quyền địa phương 02 cấp;

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 139/TTr-STC ngày 29 tháng 8 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh nhiệm vụ chủ đầu tư tiếp quản (sau sáp nhập) 10 công trình, dự án tại Phụ lục III ban hành kèm theo Quyết định số 310/QĐ-UBND ngày 16 tháng 7 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh như sau:

- Điều chỉnh nhiệm vụ chủ đầu tư tiếp quản 02 công trình, dự án do cấp tỉnh quản lý.
- Điều chỉnh nhiệm vụ chủ đầu tư tiếp quản 07 công trình, dự án do cấp xã quản lý.

- Chuyển giao 01 công trình, dự án về cấp tỉnh quản lý và điều chỉnh nhiệm vụ chủ đầu tư về Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh.

(Chi tiết tại Phụ lục 01 kèm theo).

Điều 2. Bổ sung khoản 4, khoản 5 Điều 1 Quyết định số 310/QĐ-UBND ngày 16 tháng 7 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh như sau:

“4. Điều chuyển nhiệm vụ chủ đầu tư đối với 13 công trình, dự án thuộc cấp tỉnh quản lý đã giao Ủy ban nhân dân cấp huyện làm chủ đầu tư về Ủy ban nhân dân cấp xã làm chủ đầu tư; điều chuyển nhiệm vụ chủ đầu tư đối với 01 dự án thuộc cấp tỉnh quản lý đã giao Ủy ban nhân dân cấp huyện làm chủ đầu tư về Sở Xây dựng làm chủ đầu tư; chuyển giao 01 công trình, dự án thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện quản lý về cấp tỉnh quản lý và điều chuyển nhiệm vụ chủ đầu tư dự án về Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh.

(Chi tiết tại Phụ lục 02 kèm theo)

5. Chuyển giao 128 công trình, dự án thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện quản lý về cấp xã quản lý và điều chỉnh nhiệm vụ chủ đầu tư về Ủy ban nhân dân cấp xã mới để tiếp tục triển khai thực hiện dự án. Giao Ủy ban nhân dân xã, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã tiếp nhận công trình, dự án thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn, thẩm quyền của cấp quyết định chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư đối với công trình, dự án bảo đảm theo quy định.

(Chi tiết tại Phụ lục 03 kèm theo)”

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Các nội dung khác tại Quyết định số 310/QĐ-UBND ngày 16 tháng 7 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh vẫn giữ nguyên hiệu lực thi hành.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành: Tài chính, Xây dựng, Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng số 02, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Kho bạc Nhà nước khu vực IV; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, chủ đầu tư dự án và các đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./. *Ph*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, Các PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TH^{Đm}



Nguyễn Quang Hưng

Phụ lục 01
ĐIỀU CHỈNH NHIỆM VỤ CHỦ ĐẦU TƯ TIẾP QUẢN CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÔNG TẠI CÁC PHỤ LỤC
BAN HÀNH KÈM THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 310/QĐ-UBND NGÀY 16/7/2025 CỦA CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
(Kèm theo Quyết định số 844/QĐ-UBND ngày 04 tháng 9 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

Stt	Tên công trình, dự án	Số quyết định; ngày, tháng năm ban hành quyết định	Cấp quyết định đầu tư trước khi sắp xếp ĐVHC	Chủ đầu tư (trước sắp nhập)	Địa điểm đầu tư (sau sắp nhập)	Chủ đầu tư tiếp quản tại Quyết định 310/QĐ-UBND	Điều chỉnh chủ đầu tư tiếp quản (sau sắp nhập)	Danh mục tại Quyết định 310/QĐ-UBND	Ghi chú
I	Dự án do cấp tỉnh quản lý								
1	Cải tạo và xây dựng hệ thống thoát nước thành phố Thái Bình	3683; 14/12/2016	UBND tỉnh	UBND thành phố Thái Bình	các phường: Thái Bình, Trần Hưng Đạo, Trần Lãm	BQLDA ĐTXD số 02	Sở Xây dựng	STT 3 Phụ lục I kèm theo Quyết định số 310/QĐ-UBND	
2	Cải tạo nâng cấp đường cứu hộ, cứu nạn liên xã Quang Bình, Quang Minh, Minh Tân, Bình Thanh huyện Kiến Xương	2435; 28/9/2018	UBND tỉnh	UBND huyện Kiến Xương	xã Kiến Xương, xã Bình Thanh	UBND xã Kiến Xương	BQLDA ĐTXD số 02	STT 24 Phụ lục I kèm theo Quyết định số 310/QĐ-UBND	
II	Dự án chuyển giao về cấp xã quản lý								
1	HTKT khu ĐOC Đồng Lôi (HM chưa thực hiện)	6021; 30/10/2015	UBND TP Thái Bình	BQLDA XDCSHT TP. Thái Bình	phường Trần Lãm	UBND phường Trần Hưng Đạo	UBND phường Trần Lãm	STT 02 Phụ lục III kèm theo Quyết định số 310/QĐ-UBND	UBND phường Trần Lãm có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các UBND phường: Trần Hưng Đạo, Thái Bình và Trung tâm Phát triển Quỹ đất số 02 và các đơn vị có liên quan hợp, thống nhất bằng biên bản và triển khai thực hiện dự án phải báo đảm việc tái định cư cho các hộ dân đã có trong phương án hoặc dự kiến phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của các dự án trên địa bàn Thành phố Thái Bình (trước sắp nhập) (như dự án tuyến đường tỉnh 454, đoạn từ đường Trần Thái Tông đến nút giao Quốc lộ 10 tại Khu công nghiệp TBS Sông Trà (BT), ...)
2	Đường QH số 2 thuộc QH Bến xe khách phía Tây thành phố Thái Bình	4051; 29/10/2019	UBND TP Thái Bình	BQLDA XDCSHT TP. Thái Bình	phường Trần Hưng Đạo	UBND phường Thái Bình	UBND phường Trần Hưng Đạo	STT 17 Phụ lục III kèm theo Quyết định số 310/QĐ-UBND	
3	Đường vào khu Lăng mộ Thái úy Lưu Khánh Đàm, kết hợp làm đường cứu hộ cứu nạn để bồi đắp lưu xá xã Canh Tân	1874; 25/3/2025	UBND huyện Hưng Hà	BQLDA huyện Hưng Hà	xã Ngự Thiên, xã Long Hưng	UBND xã Long Hưng	UBND xã Ngự Thiên	STT 201 Phụ lục III kèm theo Quyết định số 310/QĐ-UBND	
4	Tuyến đường nối từ đường ĐH 66B với đường Tỉnh ĐT.468 (Đường Từ thái Bình - Hà Nam) đoạn từ 453 đến đường ĐH 66B	1626; 24/2/2025	UBND huyện Hưng Hà	BQLDA huyện Hưng Hà	xã Long Hưng, xã Lê Quý Đôn	UBND xã Lê Quý Đôn	UBND xã Long Hưng	STT 203 Phụ lục III kèm theo Quyết định số 310/QĐ-UBND	
5	Cải tạo, sửa chữa khu lưu niệm chi bộ Thư Vũ	2836/QĐ-UBND 17/5/2024	UBND huyện Vũ Thư	BQLDA ĐTXD huyện Vũ Thư	Xã Thư Vũ	UBND xã Vũ Thư	UBND xã Thư Vũ	STT 310 Phụ lục III kèm theo Quyết định số 310/QĐ-UBND	
6	Tu bổ, tôn tạo khu lưu niệm chủ tịch Hồ Chí Minh (xã Tân Hòa)	09/NQ; 07/6/2024	UBND huyện Vũ Thư	BQLDA ĐTXD huyện Vũ Thư	phường Thái Bình	UBND xã Vũ Thư	UBND phường Thái Bình	STT 355 Phụ lục III kèm theo Quyết định số 310/QĐ-UBND	
7	Nâng cấp, cải tạo đường ĐH.65A, ĐH.65B huyện Hưng Hà; Đoạn từ Quốc lộ 39 (Km46+100) đến đường ĐH.59 đi tích lịch sử Quốc gia đền Tiên La, huyện Hưng Hà	2189; 26/4/2024	UBND huyện Hưng Hà	BQLDA huyện Hưng Hà	xã Long Hưng, xã Tiên La, xã Ngự Thiên	UBND xã Long Hưng	UBND xã Tiên La	STT 176 Phụ lục III kèm theo Quyết định số 310/QĐ-UBND	
III	Dự án chuyển giao về cấp tỉnh quản lý								
1	Xây dựng Hầm trung tâm Sở chỉ huy cơ bản khu vực phòng thủ thành phố Thái Bình	Số 01; ngày 27/9/2024	UBND thành phố Thái Bình	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Thái Bình	phường Vũ Phúc	UBND phường Vũ Phúc	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Hưng Yên	STT 31 Phụ lục III kèm theo Quyết định số 310/QĐ-UBND	

Phụ lục 02
DANH MỤC DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÔNG CẤP TỈNH QUẢN LÝ ĐIỀU CHUYỂN NHIỆM VỤ CHỦ ĐẦU TƯ
 (Kèm theo Quyết định số **844/QĐ-UBND** ngày **04** tháng **9** năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

Stt	Tên công trình, dự án	Số quyết định; ngày, tháng năm ban hành quyết định	Cấp quyết định đầu tư trước khi sắp xếp ĐVHC	Chủ đầu tư (trước sắp nhập)	Địa điểm đầu tư (trước sắp nhập)	Địa điểm đầu tư (sau sắp nhập)	Chủ đầu tư tiếp quản (sau sắp nhập)	Ghi chú
I	Dự án do cấp tỉnh quản lý							
1	Xử lý cấp bách đề Tả Trà Lý đoạn từ K6+600 đến K7+600 xã Hồng Bạch, huyện Đông Hưng (nay là xã Tiên Hưng)	1721/QĐ-UBND ngày 18/10/2024	UBND tỉnh Thái Bình	UBND huyện Đông Hưng	xã Hồng Bạch	xã Tiên Hưng	UBND xã Tiên Hưng	
2	Đầu tư xây dựng tuyến đường tỉnh 456 (đường trục 1) từ cầu Vồ Hối đến Diêm Điền, huyện Thái Thụy	3124; 31/10/2016	UBND tỉnh Thái Bình	UBND huyện Thái Thụy	Thụy Thanh, Thụy Duyên, Thụy Phong, Thụy Sơn, Thụy Bình, Thụy Liên, Diêm Điền	Tây Thụy Anh, Thụy Anh, Bắc Thụy Anh và Thái Thụy	Sở Xây dựng	
3	Xử lý khẩn cấp đề cửa sông Hữu Hóa đoạn từ K2+900 đến K7+000, huyện Thái Thụy	1406; 07/6/2017	UBND tỉnh Thái Bình	UBND huyện Thái Thụy	Xã Hồng Dũng	Xã Đông Thụy Anh	UBND xã Thái Thụy	
4	Xử lý cấp bách kè bảo vệ đề phía sông, đoạn từ K10+350 đến K11+050 đề cửa sông Trà Lý địa phận xã Thái Thọ	3889; 31/12/2019	UBND tỉnh Thái Bình	UBND huyện Thái Thụy	Xã Thái Thọ	Xã Nam Thái Ninh	UBND xã Thái Thụy	
5	Xử lý cấp bách nâng cấp cứng hóa mặt đề từ K0+450 đến K4+800 và làm tường chắn sóng đoạn từ K0+450 đến K1+050 đề cửa sông Diêm Hộ, địa phận xã Thái Nguyên, huyện Thái Thụy	97; 09/01/2020	UBND tỉnh Thái Bình	UBND huyện Thái Thụy	Xã Thái Nguyên	Xã Thái Ninh	UBND xã Thái Thụy	
6	Xử lý cấp bách kè Thiên Kiều thuộc đề cửa sông Trà Lý đoạn từ K3+040 đến K4+000, huyện Thái Thụy	2527; 27/8/2020	UBND tỉnh Thái Bình	UBND huyện Thái Thụy	Xã Thái Thọ, huyện Thái Thụy	Xã Nam Thái Ninh	UBND xã Thái Thụy	
7	Xử lý nạo vét và gia cố mái sông N2, huyện Thái Thụy	2018; 18/8/2021	UBND tỉnh Thái Bình	UBND huyện Thái Thụy	Xã Thụy Quỳnh, xã Hồng Dũng	Xã Đông Thụy Anh	UBND xã Thái Thụy	
8	Xây dựng kè chống sạt lở bờ, bãi sông tả Trà lý đoạn từ K46+520 đến K46+650 và đoạn từ K47+200 đến K48+000 địa phận xã Thái Phúc, huyện Thái Thụy	1115; 10/5/2021	UBND tỉnh Thái Bình	UBND huyện Thái Thụy	Xã Thái Phúc	Xã Bắc Thái Ninh	UBND xã Thái Thụy	
9	Xử lý cấp bách kè bảo vệ phía sông đề Hữu Hóa đoạn từ K20+165 đến Km20+575 thuộc địa phận xã Thụy Hưng và đoạn từ K24+840 đến Km25+330 thuộc địa phận xã Thụy Việt, xã Thụy Quỳnh, Thái Thụy	1641; 29/7/2022	UBND tỉnh Thái Bình	UBND huyện Thái Thụy	Xã Thụy Hưng, Xã Thụy Việt	Xã Bắc Thụy Anh	UBND xã Thái Thụy	

Stt	Tên công trình, dự án	Số quyết định; ngày, tháng năm ban hành quyết định	Cấp quyết định đầu tư trước khi sắp xếp ĐVHC	Chủ đầu tư (trước sắp nhập)	Địa điểm đầu tư (trước sắp nhập)	Địa điểm đầu tư (sau sắp nhập)	Chủ đầu tư tiếp quản (sau sắp nhập)	Ghi chú
10	Kè chống sạt lở đê bồi Lưu Xá, xã Canh Tân đoạn từ K3+250 đến K3+700 đê Hữu Luộc, huyện Hưng Hà	1839; 29/7/2021	UBND tỉnh Thái Bình	UBND huyện Hưng Hà	xã Canh Tân	xã Ngự Thiên	UBND xã Hưng Hà	
11	Xử lý cấp bách kè Nhâm Lang đoạn từ K9+100 đến K10+200 đê Hữu Luộc, huyện Hưng Hà	1686; 13/7/2021	UBND tỉnh Thái Bình	UBND huyện Hưng Hà	xã Hòa Tiến	xã Ngự Thiên	UBND xã Hưng Hà	
12	Đường trục xã nối từ đường 226 vào khu vực Đền Mẫu khu di tích lịch sử Nhà Trần, xã Tiến Đức, huyện Hưng Hà	2243; 23/9/2009	UBND tỉnh Thái Bình	UBND huyện Hưng Hà	xã Tiến Đức	xã Long Hưng	UBND xã Long Hưng	
13	Xử lý cấp bách nạo vét sông Tân Việt và sông Bút Mực, huyện Hưng Hà	1532; 30/6/2021	UBND tỉnh Thái Bình	UBND huyện Hưng Hà	xã Minh Tân, xã Thái Phương, xã Kim Trung	Lê Quý Đôn, Tiên La, Hưng Hà	UBND xã Hưng Hà	
14	Nạo vét kênh Đô Kỳ, xã Tây Đô, huyện Hưng Hà	2894; 14/12/2022	UBND tỉnh Thái Bình	UBND huyện Hưng Hà	Văn Cẩm, Thống Nhất, Đông Đô, Tây Đô	xã Diên Hà, xã Hưng Hà, xã Thần Khê	UBND xã Hưng Hà	
II	<i>Dự án chuyển giao về cấp tỉnh quản lý</i>							
1	Nhà Hội trường, nhà thể thao đa năng và các hạng mục phụ trợ của Ban Chỉ huy quân sự huyện Đông Hưng	1527; 27/3/2024	UBND huyện Đông Hưng	Ban Chỉ huy Quân sự huyện Đông Hưng	Xã Nguyên Xá	Xã Đông Hưng	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Hưng Yên	

Phụ lục 03
DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÔNG CHUYỂN GIAO VỀ UBND CẤP XÃ QUẢN LÝ
 (Kèm theo Quyết định số 844 /QĐ-UBND ngày 04 tháng 9 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

STT	Tên công trình, dự án	Số quyết định; ngày, tháng năm ban hành quyết định	Cấp quyết định đầu tư trước khi sắp xếp ĐVHC	Chủ đầu tư (trước sắp nhập)	Địa điểm đầu tư (trước sắp nhập)	Địa điểm đầu tư (sau sắp nhập)	Chủ đầu tư tiếp quản (sau sắp nhập)	Ghi chú
1	Xây dựng hạ tầng khu dân cư Quỳnh Ngọc - giai đoạn 2, huyện Quỳnh Phụ	50/NQ; 08/10/2024	UBND huyện Quỳnh Phụ	BQLDA ĐTXD huyện Quỳnh Phụ	xã Quỳnh Ngọc	xã Ngọc Lâm	UBND xã Ngọc Lâm	
2	Xây dựng hạ tầng khu dân cư Năm Thành, xã An Ninh, huyện Quỳnh Phụ	34/NQ; 17/9/2024	UBND huyện Quỳnh Phụ	BQLDA ĐTXD huyện Quỳnh Phụ	xã An Ninh	xã Phú Dục	UBND xã Phú Dục	
3	Xây dựng hạ tầng khu dân cư Quỳnh Hưng - giai đoạn 3, huyện Quỳnh Phụ	47/NQ; 08/10/2024	UBND huyện Quỳnh Phụ	BQLDA ĐTXD huyện Quỳnh Phụ	xã Quỳnh Hưng	xã Quỳnh Phụ	UBND xã Quỳnh Phụ	
4	Xây dựng hạ tầng khu dân cư Tài Giá, xã Quỳnh Hưng, huyện Quỳnh Phụ	09/NQ, 14/3/2022; 56/NQ, 08/10/2024	UBND huyện Quỳnh Phụ	BQLDA ĐTXD huyện Quỳnh Phụ	xã Quỳnh Hưng	xã Quỳnh Phụ	UBND xã Quỳnh Phụ	
5	Xây dựng hạ tầng khu dân cư Phúc Bồi, xã Quỳnh Hưng, huyện Quỳnh Phụ	59/NQ; 08/10/2024	UBND huyện Quỳnh Phụ	BQLDA ĐTXD huyện Quỳnh Phụ	xã Quỳnh Hưng	xã Quỳnh Phụ	UBND xã Quỳnh Phụ	
6	Xây dựng hạ tầng khu dân cư Cầu Xá, xã Quỳnh Hải, huyện Quỳnh Phụ	48/NQ; 08/10/2024	UBND huyện Quỳnh Phụ	BQLDA ĐTXD huyện Quỳnh Phụ	xã Quỳnh Hải	xã Quỳnh Phụ	UBND xã Quỳnh Phụ	
7	Xây dựng hạ tầng khu dân cư Quỳnh Hồng, huyện Quỳnh Phụ	32/NQ; 17/9/2024	UBND huyện Quỳnh Phụ	BQLDA ĐTXD huyện Quỳnh Phụ	xã Quỳnh Hồng	xã Quỳnh Phụ	UBND xã Quỳnh Phụ	
8	Xây dựng hạ tầng khu dân cư Lượng Cự Bắc, xã Quỳnh Hồng, huyện Quỳnh Phụ	46/NQ; 08/10/2024	UBND huyện Quỳnh Phụ	BQLDA ĐTXD huyện Quỳnh Phụ	xã Quỳnh Hồng	xã Quỳnh Phụ	UBND xã Quỳnh Phụ	
9	Xây dựng hạ tầng khu dân cư An Đồng - giai đoạn 2, huyện Quỳnh Phụ	51/NQ; 08/10/2024	UBND huyện Quỳnh Phụ	BQLDA ĐTXD huyện Quỳnh Phụ	xã An Đồng	xã A Sào	UBND xã A Sào	
10	Đường vào nghĩa trang thôn Lang Trung và thôn An Lộc, xã Trung An, huyện Vũ Thư	7433/QĐ; 22/11/2023	UBND huyện Vũ Thư	BQLDA ĐTXD huyện Vũ Thư	xã Trung An	phường Vũ Phúc	UBND phường Vũ Phúc	
11	Xử lý cấp bách nâng cấp tuyến đê bồi Trà Giang - Hồng Thái, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình	1116/QĐ; 27/3/2015	UBND huyện Kiến Xương	BQLDA ĐTXD huyện Kiến Xương	xã Trà Giang, xã Hồng Thái	xã Trà Giang	UBND xã Trà Giang	
12	Nhà trưng bày giới thiệu sản phẩm làng nghề truyền thống chạm bạc Đồng Xâm, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình	990/QĐ; 20/9/2020	UBND huyện Kiến Xương	BQLDA ĐTXD huyện Kiến Xương	xã Hồng Thái	xã Trà Giang	UBND xã Trà Giang	

STT	Tên công trình, dự án	Số quyết định; ngày, tháng năm ban hành quyết định	Cấp quyết định đầu tư trước khi sắp xếp ĐVHC	Chủ đầu tư (trước sắp nhập)	Địa điểm đầu tư (trước sắp nhập)	Địa điểm đầu tư (sau sắp nhập)	Chủ đầu tư tiếp quản (sau sắp nhập)	Ghi chú
13	Đường vào nhà máy đốt chất thải rắn phát điện công nghệ hiện đại tại xã Thụy Trinh, huyện Thái Thụy (nay là xã Thái Thụy, tỉnh Hưng Yên)	1433; 19/5/2025	UBND huyện Thái Thụy	BQLDA XDCSHT huyện Thái Thụy	xã Thụy Trinh	xã Thái Thụy	UBND xã Thái Thụy	
14	Đường ĐH.87 đoạn từ ngã ba ông Đình đến chợ bái xã Thái An, huyện Thái Thụy	4307; 14/10/2021	UBND huyện Thái Thụy	BQLDA XDCSHT huyện Thái Thụy	Xã Thái An	Xã Thái Ninh	UBND xã Thái Thụy	
15	Đầu tư xây dựng cầu Đen trên đường ĐH.87, huyện Thái Thụy	5443; 29/11/2021	UBND huyện Thái Thụy	BQLDA XDCSHT huyện Thái Thụy	Xã Thái Độ, Xã Mỹ Lộc	Xã Đông Thái Ninh	UBND xã Thái Thụy	
16	Xây dựng cầu Cơ Gối (Km0+960) trên đường Đh.98, huyện Thái Thụy	5164; 09/11/2021	UBND huyện Thái Thụy	BQLDA XDCSHT huyện Thái Thụy	Xã Tân Học	Xã Đông Thái Ninh	UBND xã Thái Thụy	
17	Đầu tư xây dựng cầu Chiêu trên đường ĐH.93F, huyện Thái Thụy	5789; 22/12/2021	UBND huyện Thái Thụy	BQLDA XDCSHT huyện Thái Thụy	Xã Mỹ Lộc	Xã Đông Thái Ninh	UBND xã Thái Thụy	
18	Đầu tư xây dựng Hạ tầng khu tái định cư xã Thụy Liên, huyện Thái Thụy	315; 16/02/2022	UBND huyện Thái Thụy	BQLDA XDCSHT huyện Thái Thụy	Xã Thụy Liên	Xã Thái Thụy	UBND xã Thái Thụy	
19	Tuyến đường nối đường Thái Bình - Hà Nam (tại Km5+940) với đường tỉnh ĐT.453 (tại Km7+500), huyện Hưng Hà (giai đoạn 1)	698; 27/2/2018	UBND Huyện Hưng Hà	BQLDA ĐTXD huyện Hưng Hà	Xã Minh Tân, xã Thái Phương	Xã Tiên La, xã Lê Quý Đôn	UBND xã Hưng Hà	
20	Dự án Xây dựng khẩn cấp cầu Đồng Lạc giai đoạn 2: Đường nối từ cầu Đồng Lạc đi ngã ba Cống Chéo xã Tây Đô, huyện Hưng Hà	4918; 17/9/2019	UBND Huyện Hưng Hà	BQLDA ĐTXD huyện Hưng Hà	Xã Minh Khai, Tây Đô	Xã Hưng Hà, xã Thần Khê	UBND xã Hưng Hà	
21	Đầu tư xây dựng tuyến đường ĐH.60, đoạn từ xã Văn Cẩm đi xã Dân Chủ, huyện Hưng Hà	6312; 31/10/2019	UBND Huyện Hưng Hà	BQLDA ĐTXD huyện Hưng Hà	Văn Cẩm, Dân Chủ, Duyên Hải	Xã Diên Hà	UBND xã Diên Hà	
22	Đầu tư xây dựng tuyến đường ĐH.60 đi đường ĐH.64, huyện Hưng Hà	336; 9/8/2021	UBND Huyện Hưng Hà	BQLDA ĐTXD huyện Hưng Hà	Xã Tây Đô, Đông Đô	Xã Thần Khê	UBND xã Hưng Hà	
23	Xây dựng đường trục huyện ĐH 71, đoạn từ đường ĐH.64A qua xã Hòa Bình, Tây Đô đến đường ĐT.455 (đường 216 cũ) huyện Hưng Hà; Giai đoạn 2	1547; 10/3/2021	UBND Huyện Hưng Hà	BQLDA ĐTXD huyện Hưng Hà	Xã Hòa Bình, Tây Đô	Xã Hưng Hà, xã Thần Khê	UBND xã Hưng Hà	
24	Đường từ ĐT.454 vào khu di tích Hành cung Lỗ Giang xã Hồng Minh; Giai đoạn 1 và Giai đoạn 2	8054; 30/10/2018	UBND Huyện Hưng Hà	BQLDA ĐTXD huyện Hưng Hà	Xã Hồng Minh	Xã Hồng Minh	UBND xã Hưng Hà	
25	Đầu tư xây dựng tuyến đường từ UBND xã Hòa Bình đi UBND xã Chi Lăng, huyện Hưng Hà, giai đoạn 2	6313; 31/10/2019	UBND Huyện Hưng Hà	BQLDA ĐTXD huyện Hưng Hà	Xã Hòa Bình, Chi Lăng	Xã Hưng Hà, xã Thần Khê	UBND xã Hưng Hà	
26	Đường ĐH.64 huyện Hưng Hà (đoạn từ ĐT.452 đi đường ĐT.455); Giai đoạn 2: Đoạn từ Km3+500 đến cuối tuyến	6574; 28/9/2018	UBND Huyện Hưng Hà	BQLDA ĐTXD huyện Hưng Hà	Xã Thống Nhất, Tây Đô	Xã Hưng Hà, xã Thần Khê	UBND xã Hưng Hà	

STT	Tên công trình, dự án	Số quyết định; ngày, tháng năm ban hành quyết định	Cấp quyết định đầu tư trước khi sắp xếp ĐVHC	Chủ đầu tư (trước sắp nhập)	Địa điểm đầu tư (trước sắp nhập)	Địa điểm đầu tư (sau sắp nhập)	Chủ đầu tư tiếp quản (sau sắp nhập)	Ghi chú
27	Tuyến đường nối đường Thái Bình - Hà Nam (tại Km5+940) với đường tỉnh ĐT.453 (tại Km7+500), huyện Hưng Hà (giai đoạn 2)	698; 24/2/2018	UBND Huyện Hưng Hà	BQLDA ĐTXD huyện Hưng Hà	Xã Thái Phương, Minh Tân	Xã Tiên La, xã Lê Quý Đôn	UBND xã Hưng Hà	
28	Xây dựng chính trang hạ tầng kỹ thuật khu dân cư nông thôn mới nâng cao xã Hồng Minh, huyện Hưng Hà	6325; 31/10/2019	UBND Huyện Hưng Hà	BQLDA ĐTXD huyện Hưng Hà	Xã Hồng Minh	Xã Hồng Minh	UBND xã Hưng Hà	
29	Đường cứu hộ, cứu nạn từ Quốc lộ 39 đi đê sông Hồng (đoạn qua khu Đặng Xá) thị trấn Hưng Nhân, huyện Hưng Hà	6303; 30/10/2019	UBND Huyện Hưng Hà	BQLDA ĐTXD huyện Hưng Hà	TT Hưng Nhân	Xã Long Hưng	UBND xã Hưng Hà	
30	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường ĐH.61 đoạn từ ngã ba Giếng Đầu và đường ĐH.59 đoạn từ đường Thái Bình - Hà Nam đi di tích lịch sử Quốc gia đền Tiên La, huyện Hưng Hà (giai đoạn 1)	6314; 31/10/2019	UBND Huyện Hưng Hà	BQLDA ĐTXD huyện Hưng Hà	Tân Hòa, Hòa Tiến, Tân Tiến, Đoàn Hùng, TT Hưng Nhân, TT Hưng Hà	Long Hưng, Ngự Thiên, Tiên La, Hưng Hà	UBND xã Hưng Hà	
31	Nạo vét khẩn cấp sông Bán, sông Ba Chai, xã Phúc Khánh	9450; 29/4/2022	UBND Huyện Hưng Hà	BQLDA ĐTXD huyện Hưng Hà	Xã Phúc Khánh	xã Tiên La	UBND xã Hưng Hà	
32	Bảo tồn quần thể di tích kiến trúc thời Trần dưới lòng đất tại Khu di tích Hành cung Lỗ Gang xã Hồng Minh	6324; 31/10/2019	UBND Huyện Hưng Hà	BQLDA ĐTXD huyện Hưng Hà	Xã Hồng Minh	Xã Hồng Minh	UBND xã Hưng Hà	
33	Đường cứu hộ cứu nạn, đoạn từ đường ĐT.454 xã Minh Hòa đi đê Trà Lý xã Hồng Minh (giai đoạn 2)	5340; 2/10/2019	UBND Huyện Hưng Hà	BQLDA ĐTXD huyện Hưng Hà	xã Hồng Minh, xã Chí hòa	Xã Hồng Minh	UBND xã Hồng Minh	
34	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường ĐH.61A, ĐH.67A; đoạn từ đường QL39 đến đường ĐH.65, huyện Hưng Hà (giai đoạn 1)	7238; 23/9/2021	UBND Huyện Hưng Hà	BQLDA ĐTXD huyện Hưng Hà	Các xã: Phúc Khánh, Hòa Tiến, Tân Hòa, Cộng Hòa, Cảnh Tân	xã Tiên La, xã Ngự Thiên	UBND xã Hưng Hà	
35	Nạo vét sông trục B đoạn từ ngã tư Thanh Lãng xã Minh Hòa đi cầu Chanh xã Chí Hòa	3878; 26/5/2023	UBND Huyện Hưng Hà	BQLDA ĐTXD huyện Hưng Hà	Các xã: Minh Hòa, Chí Hòa	Hồng Minh	UBND xã Hưng Hà	
36	Xử lý cấp bách Trung tâm Văn hóa - Thể thao và các hạng mục phụ trợ thuộc Trụ sở Huyện ủy, huyện Hưng Hà	6617; 03/10/2023	UBND Huyện Hưng Hà	BQLDA ĐTXD huyện Hưng Hà	Xã Hưng Hà	Xã Hưng Hà	UBND xã Hưng Hà	
37	Lắp đặt Camera an ninh tại các địa bàn trọng điểm phục vụ công tác phòng, ngừa, đấu tranh tội phạm, bảo đảm an ninh trật tự an toàn xã hội trên địa bàn huyện - giai đoạn 1	8100; 17/11/2023	UBND Huyện Hưng Hà	BQLDA ĐTXD huyện Hưng Hà	Các xã trên địa bàn huyện	Xã Hưng Hà	UBND xã Hưng Hà	
38	Đường kết nối từ khu di tích lịch sử cách mạng Trường Vị Sỹ đến khu di tích lịch sử văn hóa đền thờ Diệu Dung công chúa, xã Chí Hòa, huyện Hưng Hà (giai đoạn 2)	5471; 16/10/2019	UBND Huyện Hưng Hà	BQLDA ĐTXD huyện Hưng Hà	xã Hồng Minh, xã Chí hòa	Hồng Minh	UBND xã Hưng Hà	
39	Xây dựng công trình đường vào đền Tiên La, huyện Hưng Hà; đoạn nối từ đường ĐH.59 (Km4+850) với đường ĐH.70B (tại Km3+300)	6315; 31/10/2019	UBND Huyện Hưng Hà	BQLDA ĐTXD huyện Hưng Hà	Xã Tân Tiến, Đoàn Hùng	Xã Tiên La	UBND xã Tiên La	

STT	Tên công trình, dự án	Số quyết định; ngày, tháng năm ban hành quyết định	Cấp quyết định đầu tư trước khi sắp xếp ĐVHC	Chủ đầu tư (trước sắp nhập)	Địa điểm đầu tư (trước sắp nhập)	Địa điểm đầu tư (sau sắp nhập)	Chủ đầu tư tiếp quản (sau sắp nhập)	Ghi chú
40	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu dân cư Phúc Lộc (giai đoạn 2), thị trấn Hưng Hà	5757; 10/8/2023	UBND Huyện Hưng Hà	BQLDA ĐTXD huyện Hưng Hà	TT Hưng Hà, Xã Kim Trung	Xã Hưng Hà	UBND xã Hưng Hà	
41	Tuyến đường T45 đoạn từ QL 39 (xã Liên Hiệp) đến khu DTLS Quốc gia đặc biệt đề thờ và lăng mộ các vị vua Triều Trần, xã Tiến Đức, huyện Hưng Hà	2127; 9/4/2021	UBND Huyện Hưng Hà	BQLDA ĐTXD huyện Hưng Hà	xã Liên Hiệp, Tiến Đức, Thái Hưng	Xã Long Hưng	UBND xã Long Hưng	
42	Điều chỉnh tổng thể quy hoạch chung xây dựng thị trấn Hưng Hà, huyện Hưng Hà đến năm 2023	8443; 26/11/2018	UBND Huyện Hưng Hà	BQLDA ĐTXD huyện Hưng Hà	TT Hưng Hà	Xã Hưng Hà	UBND xã Hưng Hà	
43	Điều chỉnh tổng thể quy hoạch chung xây dựng thị trấn Hưng Nhân, huyện Hưng Hà đến năm 2023	8444; 26/11/2018	UBND Huyện Hưng Hà	BQLDA ĐTXD huyện Hưng Hà	TT Hưng Nhân	xã Long Hưng	UBND xã Long Hưng	
44	Cải tạo, sửa chữa trụ sở xã, Trung tâm phục vụ hành chính công xã Hưng Hà	6244; 9/6/2025	UBND Huyện Hưng Hà	BQLDA ĐTXD huyện Hưng Hà	TT Hưng Hà	Xã Hưng Hà	UBND xã Hưng Hà	
45	Dự án hạ tầng kỹ thuật dân cư Nhân Cầu 1, thị trấn Hưng Hà, huyện Hưng Hà	2962; 28/4/2023	UBND Huyện Hưng Hà	BQLDA ĐTXD huyện Hưng Hà	TT Hưng Hà	Xã Hưng Hà	UBND xã Hưng Hà	
46	Tu sửa một số hạng mục công trình Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên huyện Hưng Hà	6834; 19/6/2025	UBND Huyện Hưng Hà	BQLDA ĐTXD huyện Hưng Hà	TT Hưng Hà	Xã Hưng Hà	UBND xã Hưng Hà	
47	TT giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên huyện Đông Hưng; hạng mục nhà học 3 tầng và các phòng chức năng	3612; 05/5/2021	UBND huyện Đông Hưng	Ban QLDA ĐTXD huyện Đông Hưng	TT Đông Hưng	Xã Đông Hưng	UBND xã Đông Hưng	
48	Đường ĐH54 từ đê tả sông Trà Lý đến ngã tư Đông Giang	6212; 28/9/2020	UBND huyện Đông Hưng	Ban QLDA ĐTXD huyện Đông Hưng	Đông Giang; Đông Vinh; Đông Á; Đông Phong; Đông Huy	Xã Đông Quan; Bắc Đông Quan	UBND xã Đông Hưng	
49	Nâng cấp, cải tạo đường cứu hộ cứu nạn ĐH.48 từ đê tả Trà lý đến cầu Phiến, huyện Đông Hưng	7948; 01/11/2021	UBND huyện Đông Hưng	Ban QLDA ĐTXD huyện Đông Hưng	Hồng Bạch; Hồng Giang	Xã Tiên Hưng; Nam Tiên Hưng	UBND xã Đông Hưng	
50	Đầu tư xây dựng công trình Trường THCS Phạm Huy Quang, hạng mục : Nhà lớp học 03 tầng 24 phòng học và nhà Hiệu bộ	1127; 25/3/2022	UBND huyện Đông Hưng	Ban QLDA ĐTXD huyện Đông Hưng	TT Đông Hưng	Xã Đông Hưng	UBND xã Đông Hưng	
51	Đường ĐH.53 đoạn từ cầu Lan xã Đông Vinh đến đường ĐT.396B xã Đông Kinh, huyện Đông Hưng	3256; 06/7/2022	UBND huyện Đông Hưng	Ban QLDA ĐTXD huyện Đông Hưng	Đông Vinh; Đông Tân; Đông Kinh	Xã Đông Quan; Bắc Đông Quan	UBND xã Đông Hưng	
52	Đường cứu hộ, cứu nạn từ QL39 đến đê tả Trà lý qua xã Phú châu, xã Trọng quan, huyện Đông Hưng	3620; 15/7/2022	UBND huyện Đông Hưng	Ban QLDA ĐTXD huyện Đông Hưng	Phú Châu; Trọng Quan	Đông Tiên Hưng; Nam Tiên Hưng	UBND xã Đông Hưng	
53	Cải tạo, nâng cấp nghĩa trang Liệt sỹ huyện Đông Hưng - Giai đoạn 1	576; 16/2/2023	UBND huyện Đông Hưng	Ban QLDA ĐTXD huyện Đông Hưng	Nguyễn Xá	Xã Đông Hưng	UBND xã Đông Hưng	

STT	Tên công trình, dự án	Số quyết định; ngày, tháng năm ban hành quyết định	Cấp quyết định đầu tư trước khi sắp xếp ĐVHC	Chủ đầu tư (trước sắp nhập)	Địa điểm đầu tư (trước sắp nhập)	Địa điểm đầu tư (sau sắp nhập)	Chủ đầu tư tiếp quản (sau sắp nhập)	Ghi chú
54	Cải tạo, nâng cấp nghĩa trang Liệt sỹ huyện Đông Hưng Giai đoạn 2	8249; 25/12/2023	UBND huyện Đông Hưng	Ban QLDA ĐTXD huyện Đông Hưng	Nguyễn Xá	Xã Đông Hưng	UBND xã Đông Hưng	
55	Xây dựng hạ tầng khu đất 5% dịch vụ tại thôn Bảo Châu xã Đông La	747; 06/02/2024	UBND huyện Đông Hưng	Ban QLDA ĐTXD huyện Đông Hưng	Đông La	Xã Đông Hưng	UBND xã Đông Hưng	
56	Đường ven sông Thống nhất đoạn từ đền thờ đại tướng Võ Nguyên Giáp đến cầu Thống Nhất, huyện Đông Hưng	6059; 02/10/2023	UBND huyện Đông Hưng	Ban QLDA ĐTXD huyện Đông Hưng	Nguyễn Xá	Xã Đông Hưng	UBND xã Đông Hưng	
57	Xây dựng công trình thủy lợi, giao thông nội đồng vùng sản xuất tập trung hợp tác xã Đông Xá	5876; 08/11/2022	UBND huyện Đông Hưng	BQLDA kiểm nhiệm (Phòng NN và MT)	xã Đông Xá	Xã Bắc Đông Hưng	UBND xã Bắc Đông Hưng	
58	Xây dựng công trình thủy lợi, giao thông nội đồng vùng sản xuất tập trung hợp tác xã Hợp Tiến	5879; 08/11/2022	UBND huyện Đông Hưng	BQLDA kiểm nhiệm (Phòng NN và MT)	xã Phong Dương Tiến	xã Đông Tiên Hưng	UBND xã Đông Tiên Hưng	
59	Xây dựng công trình thủy lợi, giao thông nội đồng vùng sản xuất tập trung hợp tác xã An Châu	698; 20/02/2023	UBND huyện Đông Hưng	BQLDA kiểm nhiệm (Phòng NN và MT)	xã Liên An Đô	xã Bắc Tiên Hưng	UBND xã Bắc Tiên Hưng	
60	Xây dựng công trình thủy lợi, giao thông nội đồng vùng sản xuất tập trung hợp tác xã Lô Giang	7668; 08/12/2023	UBND huyện Đông Hưng	BQLDA kiểm nhiệm (Phòng NN và MT)	xã Lô Giang	xã Bắc Tiên Hưng	UBND xã Bắc Tiên Hưng	
61	Khu tái định cư xã Đông Vinh phục vụ dự án ĐTXD tuyến đường bộ từ thành phố Thái Bình đi cầu ngòi	6842; 16/9/2023	UBND huyện Đông Hưng	Hội đồng GPMB tuyến đường bộ từ TP. Thái Bình đi cầu Ngòi	xã Đông Vinh	xã Bắc Đông Quan	UBND xã Bắc Đông Quan	
62	Đường liên xã Chương Dương - Minh Phú giai đoạn 2	4811; 05/7/2021	UBND huyện Đông Hưng	Phòng KT-HT và ĐT huyện Đông Hưng	Xã Phong Dương Tiến, xã Minh Phú	Đông Tiên Hưng, Nam Tiên Hưng	UBND xã Đông Tiên Hưng	
63	Xử lý cấp bách công Trống Phú	4371; 15/06/2021	UBND huyện Đông Hưng	Phòng KT-HT và ĐT huyện Đông Hưng	Xã Phú Châu, Trống Quan	Đông Tiên Hưng, Nam Tiên Hưng	UBND xã Đông Tiên Hưng	
64	Đường cứu hộ đoạn từ QL 39 đến đê Trà Lý xã Đông Hoàng	1985; 29/3/2021	UBND huyện Đông Hưng	Phòng KT-HT và ĐT huyện Đông Hưng	xã Đông Hoàng	xã Nam Đông Hưng	UBND xã Nam Đông Hưng	
65	Cải tạo nc cầu Bái thôn Long Bối xã Đông Hợp	6225; 10/10/2023	UBND huyện Đông Hưng	Phòng KT-HT và ĐT huyện Đông Hưng	xã Đông hợp	Xã Đông Hưng	UBND xã Đông Hưng	
66	Cải tạo, nâng cấp cầu Hợp Tiến, xã Hợp Tiến, huyện Đông Hưng	4945; 28/07/2023	UBND huyện Đông Hưng	Phòng KT-HT và ĐT huyện Đông Hưng	xã Phong Dương Tiến	xã Đông Tiên Hưng	UBND xã Đông Tiên Hưng	

STT	Tên công trình, dự án	Số quyết định; ngày, tháng năm ban hành quyết định	Cấp quyết định đầu tư trước khi sắp xếp ĐVHC	Chủ đầu tư (trước sắp nhập)	Địa điểm đầu tư (trước sắp nhập)	Địa điểm đầu tư (sau sắp nhập)	Chủ đầu tư tiếp quản (sau sắp nhập)	Ghi chú
67	Cải tạo, nâng cấp cầu Chương Dương, xã Chương Dương, huyện Đông Hưng	5870; 19/09/2023	UBND huyện Đông Hưng	Phòng KT-HT và ĐT huyện Đông Hưng	xã Phong Dương Tiến	xã Đông Tiên Hưng	UBND xã Đông Tiên Hưng	
68	HTKT khu dân cư, tái định cư và công trình công cộng xã Phú Xuân, thành phố Thái Bình	Số 3628 ngày 25/12/2012	UBND thành phố Thái Bình	BQLDA XDCSHT TP.Thái Bình	Xã Phú Xuân	phường Trần Hưng Đạo	UBND phường Trần Hưng Đạo	UBND phường Trần Hưng Đạo có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các UBND phường, xã có liên quan và Trung tâm Phát triển Quỹ đất số 02 và các đơn vị có liên quan hợp, thống nhất bằng biên bản và triển khai thực hiện dự án phải bảo đảm việc tái định cư cho các hộ dân đã có trong phương án hoặc dự kiến phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của các dự án trên địa bàn Thành phố Thái Bình và các huyện lân cận (trước sắp nhập)
69	Các hạng mục còn lại khu dân cư, tái định cư và công trình công cộng xã Phú Xuân, thành phố Thái Bình	Số 3757 ngày 7/11/2023	UBND thành phố Thái Bình	BQLDA XDCSHT TP.Thái Bình	Xã Phú Xuân	phường Trần Hưng Đạo	UBND phường Trần Hưng Đạo	UBND phường Trần Hưng Đạo có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các UBND phường, xã có liên quan và Trung tâm Phát triển Quỹ đất số 02 và các đơn vị có liên quan hợp, thống nhất bằng biên bản và triển khai thực hiện dự án phải bảo đảm việc tái định cư cho các hộ dân đã có trong phương án hoặc dự kiến phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của các dự án trên địa bàn Thành phố Thái Bình và các huyện lân cận (trước sắp nhập)
70	HTKT khu dân cư tiếp giáp khu TĐC Đồng Lôi và khu đất còn lại của quy hoạch TĐC Đồng Lôi, phường Kỳ Bá	Số 5939 ngày 30/10/2015	UBND thành phố Thái Bình	BQLDA XDCSHT TP.Thái Bình	phường Kỳ Bá	phường Trần Lãm	UBND phường Trần Lãm	UBND phường Trần Lãm có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các UBND phường, xã có liên quan và Trung tâm Phát triển Quỹ đất số 02 và các đơn vị có liên quan hợp, thống nhất bằng biên bản và triển khai thực hiện dự án phải bảo đảm việc tái định cư cho các hộ dân đã có trong phương án hoặc dự kiến phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của các dự án trên địa bàn Thành phố Thái Bình (trước sắp nhập)
71	Đường Ngô Quyền (đoạn còn lại đến đường Lý Thường Kiệt), thành phố Thái Bình.	Số 5459 ngày 28/11/2022	UBND thành phố Thái Bình	BQLDA XDCSHT TP.Thái Bình	phường Trần Lãm	phường Trần Lãm	UBND phường Trần Lãm	
72	Trường tiểu học Hoàng Diệu	Số 4697 ngày 30/11/2021	UBND thành phố Thái Bình	BQLDA XDCSHT TP.Thái Bình	phường Hoàng Diệu	phường Trà Lý	UBND phường Trà Lý	Dự tạm ứng
73	Trường THCS Hoàng Diệu	Số 4421 ngày 15/11/2021	UBND thành phố Thái Bình	BQLDA XDCSHT TP.Thái Bình	phường Hoàng Diệu	phường Trà Lý	UBND phường Trà Lý	
74	Cải tạo, nâng cấp lòng đường, vỉa hè, hệ thống thoát nước đường Lê Đại Hành (Từ Lê Quý Đôn đến Lý Bôn)	Số 3434 ngày 24/8/2022	UBND thành phố Thái Bình	BQLDA XDCSHT TP.Thái Bình	phường Trần Lãm	phường Trần Lãm	UBND phường Trần Lãm	Dự tạm ứng

STT	Tên công trình, dự án	Số quyết định; ngày, tháng năm ban hành quyết định	Cấp quyết định đầu tư trước khi sắp xếp ĐVHC	Chủ đầu tư (trước sắp nhập)	Địa điểm đầu tư (trước sắp nhập)	Địa điểm đầu tư (sau sắp nhập)	Chủ đầu tư tiếp quản (sau sắp nhập)	Ghi chú
75	Cầu Phạm Thế Hiển (Nối đường Phạm Thế Hiển)	Số 2460 ngày 12/7/2023	UBND thành phố Thái Bình	BQLDA XDCSHT TP.Thái Bình	phường Trần Hưng Đạo	phường Trần Hưng Đạo	UBND phường Trần Hưng Đạo	Dự tạm ứng
76	Đường nối từ đường Trần Phú đến đường Phạm Thế Hiển (giáp công viên phía Nam thuộc công viên 30-6)	Số 853 ngày 11/4/2022	UBND thành phố Thái Bình	BQLDA XDCSHT TP.Thái Bình	phường Trần Hưng Đạo	phường Trần Hưng Đạo	UBND phường Trần Hưng Đạo	Dự tạm ứng
77	Trường Tiểu học Lý Tự Trọng	Số 4264 ngày 2/11/2022	UBND thành phố Thái Bình	BQLDA XDCSHT TP.Thái Bình	phường Bỏ Xuyên	phường Thái Bình	UBND phường Thái Bình	Dự tạm ứng
78	Trường tiểu học Tiên Phong, thành phố Thái Bình	Số 2576 ngày 4/8/2023	UBND thành phố Thái Bình	BQLDA XDCSHT TP.Thái Bình	phường Bỏ Xuyên	phường Thái Bình	UBND phường Thái Bình	Dự tạm ứng
79	Trường Tiểu học Phúc Khánh, thành phố Thái Bình	Số 3129 ngày 5/8/2022	UBND thành phố Thái Bình	BQLDA XDCSHT TP.Thái Bình	phường Phúc Khánh	phường Vũ Phúc	UBND phường Vũ Phúc	Dự tạm ứng
80	Cầu Máy Miến, thành phố Thái Bình	Số 4220 ngày 27/10/2022	UBND thành phố Thái Bình	BQLDA XDCSHT TP.Thái Bình	phường Trần Hưng Đạo	phường Trần Hưng Đạo	UBND phường Trần Hưng Đạo	Dự tạm ứng
81	Cầu Phan Bội Châu, thành phố Thái Bình	Số 1119 ngày 04/11/2022	UBND thành phố Thái Bình	BQLDA XDCSHT TP.Thái Bình	Liên phường	phường Trần Lãm - phường Thái Bình	UBND phường Thái Bình	Dự tạm ứng
82	HTKT nhóm nhà ở tại khu đất Ao chiến thắng cũ, phường Trần Hưng Đạo, thành phố Thái Bình	Số 2712 ngày 30/6/2022	UBND thành phố Thái Bình	BQLDA XDCSHT TP.Thái Bình	phường Trần Hưng Đạo	phường Trần Hưng Đạo	UBND phường Trần Hưng Đạo	Dự tạm ứng
83	Cải tạo, nâng cấp vỉa hè, lòng đường, hệ thống thoát nước đường Bỏ Xuyên (từ Lý Thường Kiệt đến Lê Quý Đôn) và đường Đỗ Lý Khiêm	Số 3758 ngày 07/11/2023	UBND thành phố Thái Bình	BQLDA XDCSHT TP.Thái Bình	phường Bỏ Xuyên	phường Thái Bình	UBND phường Thái Bình	Dự tạm ứng
84	Cải tạo, nâng cấp vỉa hè đường Quang Trung (đoạn từ Cổng Trắng đến cầu Chu Văn An) và cải tạo, sửa chữa lan can đường Hùng Vương (đoạn từ nút giao Phúc Khánh đến hết địa phận thành phố Thái Bình)	Số 4184 ngày 4/12/2023	UBND thành phố Thái Bình	BQLDA XDCSHT TP.Thái Bình	phường Quang Trung	phường Trần Hưng Đạo	UBND phường Trần Hưng Đạo	Dự tạm ứng
85	Cải tạo, chỉnh trang vỉa hè phố Trần Hưng Đạo (đoạn từ đường Kỳ Đồng đến phố Lý Thường Kiệt) và đường Kỳ Đồng (đoạn từ đường Quang Trung đến phố Trần Hưng Đạo), thành phố Thái Bình	3107/QĐ-UBND ngày 15/9/2023	UBND thành phố Thái Bình	BQLDA XDCSHT TP.Thái Bình	phường Trần Hưng Đạo	phường Trần Hưng Đạo	UBND phường Trần Hưng Đạo	Dự tạm ứng
86	Cải tạo, sửa chữa trụ sở Thành ủy	Số 5043 ngày 5/12/2021	UBND thành phố Thái Bình	BQLDA XDCSHT TP.Thái Bình	phường Trần Hưng Đạo	phường Trần Hưng Đạo	UBND phường Trần Hưng Đạo	UBND phường Trần Hưng Đạo có trách nhiệm triển khai và hoàn thành đầy đủ nghĩa vụ của chủ đầu tư đối với Dự án để bàn giao tài sản công (trụ sở Thành ủy Thái Bình) cho Bảo tàng tỉnh Hưng Yên bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật về đầu tư công, tài sản công,...

STT	Tên công trình, dự án	Số quyết định; ngày, tháng năm ban hành quyết định	Cấp quyết định đầu tư trước khi sắp xếp ĐVHC	Chủ đầu tư (trước sắp nhập)	Địa điểm đầu tư (trước sắp nhập)	Địa điểm đầu tư (sau sắp nhập)	Chủ đầu tư tiếp quản (sau sắp nhập)	Ghi chú
87	Cải tạo, sửa chữa Trụ sở HĐND và UBND thành phố	Số 1178 ngày 26/4/2023	UBND thành phố Thái Bình	BQLDA XDCHT TP.Thái Bình	phường Trần Hưng Đạo	phường Trần Hưng Đạo	UBND phường Trần Hưng Đạo	Dự tạm ứng
88	Cải tạo nâng cấp cầu Lương Thực	3543/QĐ-UBND ngày 30/10/2023	UBND thành phố Thái Bình	BQLDA XDCHT TP.Thái Bình	Phường Đề Thám	phường Trần Hưng Đạo	UBND phường Trần Hưng Đạo	
89	Công viên Kỳ Bá	Số 2478 ngày 8/7/2023	UBND thành phố Thái Bình	BQLDA XDCHT TP.Thái Bình	Phường Kỳ Bá	phường Trần Lãm	UBND phường Trần Lãm	Dự tạm ứng
90	Cầu qua sông 3-2 (nối đường Kỳ Bá với đường Ngô Quyền), thành phố Thái Bình		UBND thành phố Thái Bình	BQLDA XDCHT TP.Thái Bình	phường Trần Lãm	phường Trần Lãm	UBND phường Trần Lãm	Chưa PD DA
91	Hồ Ty Diệu	Số 4912 ngày 25/12/2020	UBND thành phố Thái Bình	BQLDA XDCHT TP.Thái Bình	phường Bồ Xuyên	Phường Thái Bình	UBND phường Thái Bình	
92	Xây dựng khu dân cư, TĐC và CTCC phường Trần Lãm	Số 297 ngày 06/02/2013	UBND thành phố Thái Bình	BQLDA XDCHT TP.Thái Bình	phường Trần Lãm	phường Trần Lãm	UBND phường Trần Lãm	UBND phường Trần Lãm có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các UBND phường, xã có liên quan và Trung tâm Phát triển Quỹ đất số 02 và các đơn vị có liên quan hợp, thống nhất bằng biên bản và triển khai thực hiện dự án phải bảo đảm việc tái định cư cho các hộ dân đã có trong phương án hoặc dự kiến phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của các dự án trên địa bàn Thành phố Thái Bình và các huyện lân cận (trước sắp nhập)
93	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư và các công trình công cộng tại tổ 7 phường Phú Khánh (giai đoạn 2)	Số 4780 ngày 31/10/2018	UBND thành phố Thái Bình	BQLDA XDCHT TP.Thái Bình	phường Phú Khánh	Phường Vũ Phúc	UBND phường Vũ Phúc	
94	Quy hoạch chi tiết hệ thống giao thông xã Phú Xuân	Số 1950 ngày 14/11/2014	UBND thành phố Thái Bình	UBND xã Phú Xuân	xã Phú Xuân	phường Trần Hưng Đạo	UBND phường Trần Hưng Đạo	
95	GPMB mở rộng KCN Phúc Khánh		UBND thành phố Thái Bình	Trung tâm PTQĐ TP. Thái Bình	phường Phú Khánh	phường Vũ Phúc	UBND phường Vũ Phúc	DA thực hiện từ những năm 2002-2003
96	GPMB KCN Nguyễn Đức Cảnh		UBND thành phố Thái Bình	Trung tâm PTQĐ TP. Thái Bình	xã Phú Xuân	phường Trần Hưng Đạo	UBND phường Trần Hưng Đạo	DA thực hiện từ những năm 2002-2003
97	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường ĐH.30 (giai đoạn 2) đoạn từ đường Đại Đồng đến ĐT.462 xã Nam Trung, huyện Tiền Hải	337; 19/01/2021	UBND huyện Tiền Hải	Ban QLDA ĐTXD huyện Tiền Hải	Xã Nam Trung	Xã Hưng Phú	UBND xã Tiền Hải	
98	Cải tạo, nâng cấp đường Tây Ninh, Đông Phong, huyện Tiền Hải	4786; 28/6/2021	UBND huyện Tiền Hải	Ban QLDA ĐTXD huyện Tiền Hải	Xã Tây Ninh, Đông Quang	Xã Tiền Hải, Đông Tiền Hải	UBND xã Tiền Hải	

STT	Tên công trình, dự án	Số quyết định; ngày, tháng năm ban hành quyết định	Cấp quyết định đầu tư trước khi sắp xếp ĐVHC	Chủ đầu tư (trước sắp nhập)	Địa điểm đầu tư (trước sắp nhập)	Địa điểm đầu tư (sau sắp nhập)	Chủ đầu tư tiếp quản (sau sắp nhập)	Ghi chú
99	Xây dựng, nâng cấp đường cứu hộ, cứu nạn Đông Trà - Đông Xuyên kéo dài giao đường cứu hộ cứu nạn 221D (ĐH.31)	9886; 26/12/2023	UBND huyện Tiền Hải	Ban QLDA ĐTXD huyện Tiền Hải	Xã Đông Trà, Đông Xuyên	Xã Đông Tiền Hải	UBND xã Tiền Hải	
100	Cải tạo, mở rộng đường cứu hộ, cứu nạn ĐH.32 từ ĐT.464 ngã ba Đông Xuyên đi xã Đông Long đến đê biển số 6	1250; 10/3/2022	UBND huyện Tiền Hải	Ban QLDA ĐTXD huyện Tiền Hải	Xã Đông Xuyên, Đông Long	Xã Đông Tiền Hải	UBND xã Tiền Hải	
101	Tôn tạo di tích khu lưu niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh tại xã Nam Cường, huyện Tiền Hải (gd2)	1995; 14/4/2023	UBND huyện Tiền Hải	Ban QLDA ĐTXD huyện Tiền Hải	Xã Nam Cường	Xã Nam Cường	UBND xã Tiền Hải	
102	Xây dựng cầu Vũ Lăng trên đường Tây An - Vũ Lăng (ĐH.38), huyện Tiền Hải	2553; 29/4/2022	UBND huyện Tiền Hải	Ban QLDA ĐTXD huyện Tiền Hải	Xã Vũ Lăng	Xã Tiền Hải	UBND xã Tiền Hải	
103	Nâng cấp, cải tạo tuyến đường kết nối khu dân cư thôn Quán Trách xã Tây Phong với đường huyện ĐH.30, huyện Tiền Hải	1738; 04/4/2023	UBND huyện Tiền Hải	Ban QLDA ĐTXD huyện Tiền Hải	Xã Tây Phong	Xã Ái Quốc	UBND xã Tiền Hải	
104	Đường liên xã từ đường 221D xã Đông Quý đi xã Đông Trà, huyện Tiền Hải.	1992; 14/4/2023	UBND huyện Tiền Hải	Ban QLDA ĐTXD huyện Tiền Hải	Xã Đông Quý, Đông Trà	Xã Đông Tiền Hải	UBND xã Tiền Hải	
105	Cải tạo số súng các HM NLV Huyện ủy-HĐND-UBND huyện Tiền Hải và các phòng chuyên môn. Hạng mục: Cải tạo BS NLV Huyện ủy và các phòng chuyên môn-UBND-phòng TNMT-TTPTQĐ&CCN-CNVPĐKĐĐ-TTBDCT	4378; 27/6/2023	UBND huyện Tiền Hải	Ban QLDA ĐTXD huyện Tiền Hải	Thị trấn Tiền Hải	Xã Tiền Hải	UBND xã Tiền Hải	
106	Hạ tầng khu dân cư khu đất cũ Nhà máy kéo tại thị trấn Tiền Hải, huyện Tiền Hải	5444; 21/7/2023	UBND huyện Tiền Hải	Ban QLDA ĐTXD huyện Tiền Hải	Thị trấn Tiền Hải	Xã Tiền Hải	UBND xã Tiền Hải	
107	Cải tạo, nâng cấp đường Phan Ái (Từ hiệu thuốc TL.458 đến TL.465)	611; 06/2/2024	UBND huyện Tiền Hải	Ban QLDA ĐTXD huyện Tiền Hải	Thị trấn Tiền Hải	Xã Tiền Hải	UBND xã Tiền Hải	
108	Nâng cấp mở rộng đường từ ngã 3 Trường Tiểu học Đông Hải đến cổng An Long xã Đông Long.	920; 27/02/2024	UBND huyện Tiền Hải	Ban QLDA ĐTXD huyện Tiền Hải	Xã Đông Long	Xã Đông Tiền Hải	UBND xã Tiền Hải	
109	Xây dựng các hạng mục phụ trợ sân, công tường rào, rãnh thoát nước thuộc công trình phục vụ phòng, chống dịch và tiêm chủng mở rộng tại Trung tâm y tế huyện Tiền Hải	3519; 09/7/2024	UBND huyện Tiền Hải	Ban QLDA ĐTXD huyện Tiền Hải	Xã Tây Giang	Xã Ái Quốc	UBND xã Tiền Hải	
110	Nhiệm vụ Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu dân cư phía Nam kênh Cổ Rồng xã Tây Giang, huyện Tiền Hải.	1100; 08/3/2023	UBND huyện Tiền Hải	Ban QLDA ĐTXD huyện Tiền Hải	Xã Tây Giang	Xã Ái Quốc	UBND xã Tiền Hải	
111	Nhiệm vụ Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu dân cư phía Bắc kênh Cổ Rồng xã Tây Giang, huyện Tiền Hải.	1101; 08/3/2023	UBND huyện Tiền Hải	Ban QLDA ĐTXD huyện Tiền Hải	Xã Tây Giang	Xã Ái Quốc	UBND xã Tiền Hải	

STT	Tên công trình, dự án	Số quyết định; ngày, tháng năm ban hành quyết định	Cấp quyết định đầu tư trước khi sắp xếp ĐVHC	Chủ đầu tư (trước sắp nhập)	Địa điểm đầu tư (trước sắp nhập)	Địa điểm đầu tư (sau sắp nhập)	Chủ đầu tư tiếp quản (sau sắp nhập)	Ghi chú
112	Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu dân cư - tái định cư tuyến đường trục kết nối khu kinh tế Thái Bình (phục vụ GPMB) tại xã Nam Hải, huyện Tiền Hải.	2309; 26/04/2023	UBND huyện Tiền Hải	Ban QLDA ĐTXD huyện Tiền Hải	Xã Nam Hải	Xã Nam Tiền Hải	UBND xã Tiền Hải	
113	Cải tạo Nhà làm việc Huyện uỷ - HĐND - UBND huyện Tiền Hải và cơ sở vật chất hạ tầng kỹ thuật.	926; 11/02/2025	UBND huyện Tiền Hải	Ban QLDA ĐTXD huyện Tiền Hải	Thị trấn Tiền Hải	Xã Tiền Hải	UBND xã Tiền Hải	
114	Xử lý khẩn cấp sạt lở đường vào khu quản lý Cồn Vành xã Nam Phú huyện Tiền Hải	1419; 06/3/2025	UBND huyện Tiền Hải	Ban QLDA ĐTXD huyện Tiền Hải	xã Nam Phú	Xã Hưng Phú	UBND xã Tiền Hải	
115	Xây mới các cống qua đường trên tuyến đường ĐH.36 (Đoạn từ xã Đông Cơ đi xã Đông Trung) Hạng mục: Xây mới cống và cải tạo đường	1656; 17/3/2025	UBND huyện Tiền Hải	Ban QLDA ĐTXD huyện Tiền Hải	Đông Cơ, Đông Trung	Xã Đông Tiền Hải	UBND xã Đông Tiền Hải	
116	Xây dựng trạm bơm tưới xã Đông Phong, huyện Tiền Hải	69; 11/1/2022	UBND huyện Tiền Hải	BQLDA kiêm nhiệm (Phòng NN&MT)	xã Đông Phong	Xã Đông Tiền Hải	UBND Xã Đông Tiền Hải	
117	Xây dựng cống Gốc Bàng xã Nam Thịnh, huyện Tiền Hải	64; 10/1/2022	UBND huyện Tiền Hải	BQLDA kiêm nhiệm (Phòng NN&MT)	xã Nam Thịnh	Xã Nam Cường	UBND Xã Nam Cường	
118	Xây dựng công trình thủy lợi, giao thông nội đồng vùng sản xuất tập trung hợp tác xã Nam Thịnh	7854; 03/11/2022	UBND huyện Tiền Hải	BQLDA kiêm nhiệm (Phòng NN&MT)	xã Nam Thịnh	Xã Nam Cường	UBND Xã Nam Cường	
119	Xây mới trạm bơm tưới thôn Đông Hào, xã Nam Hà	8189; 18/11/2022	UBND huyện Tiền Hải	BQLDA kiêm nhiệm (Phòng NN&MT)	xã Nam Hà	Xã Nam Tiền Hải	UBND Xã Nam Tiền Hải	
120	Hạ tầng vùng sản xuất lúa hàng hoá tập trung xã Nam Chính, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình	4518; 9/9/2024	UBND huyện Tiền Hải	BQLDA kiêm nhiệm (Phòng NN&MT)	xã Nam Chính	Xã Nam Cường	UBND Xã Nam Cường	
121	Hạ tầng vùng sản xuất lúa hàng hoá tập trung xã Đông Trà	3867; 29/7/2024	UBND huyện Tiền Hải	BQLDA kiêm nhiệm (Phòng NN&MT)	xã Đông Trà	Xã Đông Tiền Hải	UBND Xã Đông Tiền Hải	
122	Hạ tầng vùng sản xuất lúa hàng hoá tập trung xã Nam Hưng	3868; 29/7/2024	UBND huyện Tiền Hải	BQLDA kiêm nhiệm (Phòng NN&MT)	xã Nam Hưng	Xã Hưng Phú	UBND Xã Hưng Phú	
123	Kè nâng bãi, tạo hành lang bảo vệ đê kết hợp sân bãi đỗ xe, sân khấu ngoài trời đền Hưng Long, xã Đông Long	2255; 21/5/2024	UBND huyện Tiền Hải	BQLDA kiêm nhiệm (Phòng NN&MT)	xã Đông Long	Xã Đông Tiền Hải	UBND Xã Đông Tiền Hải	
124	Xây dựng công trình thủy lợi, giao thông nội đồng vùng sản xuất tập trung hợp tác xã Đông Trung	7198; 10/10/2023	UBND huyện Tiền Hải	BQLDA kiêm nhiệm (Phòng NN&MT)	xã Đông Trung	Xã Đông Tiền Hải	UBND Xã Đông Tiền Hải	
125	Xây dựng công trình thủy lợi, giao thông nội đồng vùng sản xuất tập trung hợp tác xã Phương Công	1737; 19/4/2024	UBND huyện Tiền Hải	BQLDA kiêm nhiệm (Phòng NN&MT)	xã Phương Công	Xã Tây Tiền Hải	UBND Xã Tây Tiền Hải	

STT	Tên công trình, dự án	Số quyết định; ngày, tháng năm ban hành quyết định	Cấp quyết định đầu tư trước khi sắp xếp ĐVHC	Chủ đầu tư (trước sắp nhập)	Địa điểm đầu tư (trước sắp nhập)	Địa điểm đầu tư (sau sắp nhập)	Chủ đầu tư tiếp quản (sau sắp nhập)	Ghi chú
126	Tuyến đường nối từ đường tỉnh Đ.463 vào Khu di tích lịch sử quốc gia Chùa Keo	334; 01/02/2016	UBND huyện Vũ Thư	Ban QLDA ĐTXD huyện Vũ Thư	xã Vũ Tiến	xã Vũ Tiến	UBND xã Vũ Thư	
127	Quy hoạch chi tiết tỉ lệ 1/500 đường số 2 kéo dài và các khu dân cư hai bên đường số 2, huyện Vũ Thư	3872; 04/7/2017	UBND huyện Vũ Thư	BQLDA ĐTXD huyện Vũ Thư	xã Minh Lăng, Minh Quang	xã Vũ Thư; xã Thư Trì	UBND xã Vũ Thư	
128	Đường vào nghĩa trang thôn Lang Trung và thôn An Lộc, xã Trung An, huyện Vũ Thư	1622; 29/3/2023	UBND huyện Vũ Thư	BQLDA ĐTXD huyện Vũ Thư	xã Trung An	phường Vũ Phúc	UBND phường Vũ Phúc	

PHỤ LỤC 2

KẾT QUẢ QUAN TRẮC HIỆN TRẠNG MÔI TRƯỜNG NỀN

EnvirGreen
Lab



CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG XANH
PHÒNG QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG
Địa chỉ: Ô DV-4, Lô số 25, P. Hoàng Liệt, Tp. Hà Nội

Hưng Yên, ngày 13 tháng 9 năm 2025

BIÊN BẢN XÁC NHẬN CÔNG VIỆC
ĐO ĐẠC, LẤY MẪU, QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG

Mã ký: 5632*25T9NT

Mã KH: HTAC238

STT ký: 954

I. Tên khách hàng: Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư xây dựng và môi trường Hà Nội Green

Cơ sở lấy mẫu: Dự án "Xây dựng hạ tầng khu dân cư Năm Thành, xã An Ninh, huyện Quỳnh Phụ (nay là xã Phụ Dực, tỉnh Hưng Yên)"

Địa chỉ quan trắc: Xã Phụ Dực, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

1. Đại diện: Hoàng Anh Đức Chức vụ:
2. Đại diện: Chức vụ:

II. Tên đơn vị thực hiện quan trắc: Công ty TNHH Tư vấn và Công nghệ Môi trường Xanh

1. Đại diện: Nguyễn Văn Mạnh Chức vụ: NVQT
2. Đại diện: Chức vụ:

III. Đơn vị:

1. Đại diện: Chức vụ:
2. Đại diện: Chức vụ:

IV. Đơn vị:

1. Đại diện: Chức vụ:
2. Đại diện: Chức vụ:

Cùng nhau thực hiện, tham gia chứng kiến công việc đo đạc, lấy mẫu môi trường tại cơ sở được quan trắc.

V. Điều kiện quan trắc tại cơ sở:

Thời tiết: nắng

VI. Nội dung quan trắc môi trường tại cơ sở

STT	Vị trí đo đạc, lấy mẫu	Ký hiệu mẫu HT	Tọa độ	Ghi chú
1	Mẫu không khí tại khu vực phía Bắc dự án, giáp ruộng lúa thôn Năm Thành	HTAC238.25T9NT.KK1	N: 20°40'10.1 E: 106°24'51.6	
2	Mẫu không khí tại khu vực phía Đông dự án, giáp khu dân cư thôn Năm Thành	HTAC238.25T9NT.KK2	N: 20°40'2.1 E: 106°24'50.8	
3	Mẫu không khí tại khu vực phía Tây dự án, giáp khu dân cư thôn Lương Cả	HTAC238.25T9NT.KK3	N: 20°40'3.4 E: 106°24'41.6	

4	Mẫu nước mặt tại kênh mương khu vực phía Bắc dự án, giáp ruộng lúa thôn Năm Thành	HTAC238.25T9NT.NM1	N: 20°40'10.7 E: 106°24'51.5	
5	Mẫu nước mặt tại kênh mương khu vực phía Đông dự án, giáp khu dân cư thôn Năm Thành	HTAC238.25T9NT.NM2	N: 20°40'3.2 E: 106°24'50.2	
6	Mẫu nước ngầm tại hộ gia đình Nguyễn Văn Lưu, thôn Năm Thành	HTAC238.25T9NT.NN1	N: 20°40'0.0 E: 106°24'51.4	
7	Mẫu nước ngầm tại hộ gia đình Phạm Văn Đô, thôn Năm Thành	HTAC238.25T9NT.NN2	N: 20°40'1.7 E: 106°24'50.4	
8	Mẫu đất tại khu vực phía Bắc dự án, giáp ruộng lúa thôn Năm Thành	HTAC238.25T9NT.D1	N: 20°40'11.0 E: 106°24'51.3	
9	Mẫu đất tại khu vực phía Nam dự án, Giáp Khu dân cư thôn Năm Thành	HTAC238.25T9NT.D2	N: 20°39'59.1 E: 106°24'46.4	

Số lượng chỉ tiêu quan trắc và phân tích: Xem nội dung công việc kèm theo

Biên bản lấy mẫu và quan trắc được lập thành bản, mỗi bên giữ bản, có giá trị pháp lý như nhau

Đại diện cơ sở/Khách hàng

Đại diện đơn vị quan trắc

Đại diện.....

Đại diện.....


Hoàng Anh Đức


Nguyễn Văn Mạnh

Số TN: 0456/DAK/2025/2953/NTX-MTX-KQ/HTAC238/954

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

1. Tên khách hàng : Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư xây dựng và môi trường Hà Nội Green
2. Cơ sở được lấy mẫu : Dự án "Xây dựng hạ tầng khu dân cư Năm Thành, xã An Ninh, huyện Quỳnh Phụ (nay là xã Phụ Dực, tỉnh Hưng Yên)"
3. Địa chỉ : Xã Phụ Dực, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam
4. Loại mẫu : Không khí xung quanh
5. Ký hiệu mẫu : KK1; KK2; KK3
6. Ngày lấy mẫu : 13/09/2025

STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp	KK1	KK2	KK3	QCVN 05: 2023/ BTNMT (TB 1h) ⁽²⁶⁾
1	Nhiệt độ	°C	QCVN 46:2022 /BTNMT	34,3	34,1	34,2	-
2	Độ ẩm	%	QCVN 46:2022 /BTNMT	67,2	67,2	67,2	-
3	Tốc độ gió	m/s	QCVN 46:2022 /BTNMT	0,9	0,9	0,9	-
4	Hướng gió	-	QCVN 46:2022 /BTNMT	Đông Bắc	Đông Bắc	Đông Bắc	-
5	Tiếng ồn (Leq)	dBA	TCVN 7878-2:2018	57,1	57,2	58,9	70 ⁽²⁶⁾
6	Tổng hạt bụi lơ lửng (TSP)	µg/Nm ³	TCVN 5067:1995	87,2	85,1	88,9	300
7	CO	µg/Nm ³	MTX.PT.KK-05	<LOQ (9600)	<LOQ (9600)	<LOQ (9600)	30000
8	NO ₂	µg/Nm ³	TCVN 6137:2009	54,9	45,4	44,8	200
9	SO ₂	µg/Nm ³	TCVN 5971:1995	43,5	58,1	42,3	350

Ghi chú:

- QCVN 05: 2023/ BTNMT (TB 1h) ⁽²⁶⁾: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí - Trung bình 1 giờ; ⁽²⁶⁾QCVN 26:2010 / BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

- KK1 (HTAC238.25T9NT.KK1): Mẫu không khí tại khu vực phía Bắc dự án, giáp ruộng lúa thôn Năm Thành; KK2 (HTAC238.25T9NT.KK2): Mẫu không khí tại khu vực phía Đông dự án, giáp khu dân cư thôn Năm Thành; KK3 (HTAC238.25T9NT.KK3): Mẫu không khí tại khu vực phía Tây dự án, giáp khu dân cư thôn Lương Cả.

(*) : Được phân tích bởi thầu phụ; (°) : Được chứng nhận Vilas; (#) Không quy định trong quy chuẩn; (KPH): Không phát hiện; (-): Không quy định; (+): Không phân tích

TRƯỞNG PHÒNG

(Signature)

Nguyễn Thị Hiền

QA/QC

(Signature)

Bùi Phương Thảo

Hà Nội, ngày 13 tháng 9 năm 2025



GIÁM ĐỐC

(Signature)
Lương Văn Ninh

- Thông tin mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của người gửi mẫu
- Không sao chép một phần kết quả phân tích nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của PTN (Phòng thí nghiệm)
- Phiếu kết quả chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm của Khách hàng đưa đến hoặc do mẫu của PTN lấy về
- Thời gian lưu mẫu 07 ngày, kể từ ngày trả kết quả. Hết thời gian lưu mẫu, PTN không giải quyết việc khiếu nại thử nghiệm



KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

- Tên khách hàng : Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư xây dựng và môi trường Hà Nội Green
- Cơ sở được lấy mẫu : Dự án "Xây dựng hạ tầng khu dân cư Năm Thành, xã An Ninh, huyện Quỳnh Phụ (nay là xã Phụ Dực, tỉnh Hưng Yên)"
- Địa chỉ : Xã Phụ Dực, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam
- Loại mẫu : Nước mặt
- Ký hiệu mẫu : NM1; NM2
- Ngày lấy mẫu : 13/09/2025

STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp	NM1	NM2	QCVN 08: 2023/BTNMT (B-B ₁)
1	Nhu cầu oxy hóa học (COD)	mg/L	SMEWW 5220C:2023	24,0	11,2	≤ 15
2	Nhu cầu oxy sinh hóa BOD ₅	mg/L	TCVN 6001-1:2021	10,6	4,9	≤ 6
3	Amoni (NH ₄ ⁺ tính theo N)	mg/L	TCVN 6179-1:1996	0,26	0,11	0,3
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	TCVN 6625:2000	17,6	13,1	≤ 100
5	Sắt (Fe)	mg/L	TCVN 6177:1996	0,24	0,37	0,5
6	Asen (As)	mg/L	SMEWW 3114B:2023	<0,001	<0,001	0,01
7	E.coli	MPN/100ml	SMEWW 9221B&F:2023	14	17	20
8	Tổng Nitơ	mg/L	SMEWW 4500.N.C:2023	0,68	1,01	≤ 1,5
9	Tổng Photpho	mg/L	TCVN 6202:2008	0,31	0,28	≤ 0,3
10	Nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N)	mg/L	TCVN 6178:1996	0,352	0,021	0,05
11	Clorua (Cl ⁻)	mg/L	TCVN 6194:1996	<LOQ (18)	32,8	250

Ghi chú:

- QCVN 08:2023/BTNMT (B-B₁): Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt - Chất lượng nước trung bình (Phục vụ phân loại chất lượng nước sông, suối, kênh, mương, khe, rạch và bảo vệ môi trường sống dưới nước).

- NM1 (HTAC238.25T9NT.NM1): Mẫu nước mặt tại kênh mương khu vực phía Bắc dự án, giáp ruộng lúa thôn Năm Thành; NM2 (HTAC238.25T9NT.NM2): Mẫu nước mặt tại kênh mương khu vực phía Đông dự án, giáp khu dân cư thôn Năm Thành.

(*) : Được phân tích bởi thầu phụ; (✓) : Được chứng nhận Vilas; (#) Không quy định trong quy chuẩn; (KPH): Không phát hiện; (-): Không quy định; (+): Không phân tích

Hà Nội, ngày 22/09/2025

TRƯỞNG PHÒNG

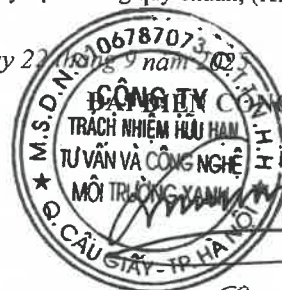
(Signature)

Nguyễn Thị Hiền

QA/QC

(Signature)

Bùi Phương Thảo



GIÁM ĐỐC

(Signature)
Lương Văn Ninh



- Thông tin mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của người gửi mẫu
- Không sao chép một phần kết quả phân tích nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của PTN (Phòng thí nghiệm)
- Phiếu kết quả chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm của Khách hàng đưa đến hoặc do mẫu của PTN lấy về
- Thời gian lưu mẫu 07 ngày, kể từ ngày trả kết quả. Hết thời gian lưu mẫu, PTN không giải quyết việc khiếu nại thử nghiệm

Số TN: 0458/DAK/2025/2955/NTX/MTX-KQ/HTAC238/954

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

- Tên khách hàng : Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư xây dựng và môi trường Hà Nội Green
- Cơ sở được lấy mẫu : Dự án "Xây dựng hạ tầng khu dân cư Năm Thành, xã An Ninh, huyện Quỳnh Phụ (nay là xã Phụ Dực, tỉnh Hưng Yên)"
- Địa chỉ : Xã Phụ Dực, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam
- Loại mẫu : Nước ngầm
- Ký hiệu mẫu : NN1; NN2
- Ngày lấy mẫu : 13/09/2025

STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp	NN1	NN2	QCVN 09: 2023/BTNMT
1	pH	-	TCVN 6492:2011	6,4	6,5	5,8-8,5
2	Độ cứng tổng số (tính theo CaCO ₃)	mg/L	TCVN 6224:1996	116,0	153	500,0
3	Đồng (Cu)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	<0,04	<0,04	1
4	Kẽm (Zn)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	<LOQ (0,12)	<0,04	3
5	Sắt (Fe)	mg/L	TCVN 6177:1996	<LOQ (0,09)	<0,03	5
6	Mangan (Mn)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	0,2	<LOQ (0,06)	0,5
7	Asen (As)	mg/L	SMEWW 3114B:2023	<0,001	<0,001	0,05
8	Sulfat (SO ₄ ²⁻)	mg/L	SMEWW 4500 SO ₄ ²⁻ E: 2023	28,1	30,2	400
9	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N)	mg/L	TCVN 6180:1996	0,2	<LOQ (0,06)	15
10	Amoni (NH ₄ ⁺ tính theo N)	mg/L	TCVN 6179-1:1996	<0,02	<0,02	1
11	Clorua (Cl ⁻)	mg/L	TCVN 6194:1996	107,8	139,7	250
12	Coliform	MPN/100 mL	SMEWW 9221B:2023	KPH	KPH	3

Ghi chú:

- QCVN 09:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước dưới đất.
- NN1 (HTAC238.25T9NT.NN1): Mẫu nước ngầm tại hộ gia đình Nguyễn Văn Lưu, thôn Năm Thành; NN2 (HTAC238.25T9NT.NN2): Mẫu nước ngầm tại hộ gia đình Phạm Văn Đô, thôn Năm Thành.
- (*): Được phân tích bởi thấu phụ; (v): Được chứng nhận Vilas; (#) Không quy định trong quy chuẩn; (KPH): Không phát hiện; (-): Không quy định; (+): Không phân tích

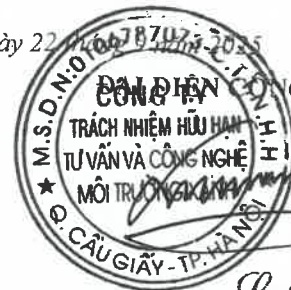
TRƯỞNG PHÒNG

(Signature)
Nguyễn Thị Hiền

QA/QC

(Signature)
Bùi Phương Thảo

Hà Nội, ngày 22/09/2025



GIÁM ĐỐC

(Signature)
Lương Văn Ninh

- Thông tin mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của người gửi mẫu
- Không sao chép một phần kết quả phân tích nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của PTN (Phòng thí nghiệm)
- Phiếu kết quả chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm của Khách hàng đưa đến hoặc do mẫu của PTN lấy về
- Thời gian lưu mẫu 07 ngày, kể từ ngày trả kết quả. Hết thời gian lưu mẫu, PTN không giải quyết việc khiếu nại thử nghiệm



Số TN: 0459/DAK/2025/2956/NTX/MTX-KQ/HTAC238/954

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

1. Tên khách hàng : Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư xây dựng và môi trường Hà Nội Green
2. Cơ sở được lấy mẫu : Dự án "Xây dựng hạ tầng khu dân cư Năm Thành, xã An Ninh, huyện Quỳnh Phụ (nay là xã Phụ Dực, tỉnh Hưng Yên)"
3. Địa chỉ : Xã Phụ Dực, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam
4. Loại mẫu : Đất
5. Ký hiệu mẫu : Đ1; Đ2
6. Ngày lấy mẫu : 13/09/2025

STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp	Đ1	Đ2	QCVN 03: 2023/BTNMT (Loại I)
1	Asen (As)	mg/kg	US EPA Method 3051A +US EPA Method 7010	<0,5	<0,5	25
2	Cadmi (Cd)	mg/kg	US EPA Method 3051A +US EPA Method 7010	<0,5	<0,5	4,0
3	Chì (Pb)	mg/kg	US EPA Method 3051A +US EPA Method 7010	<0,5	<0,5	200
4	Đồng (Cu)	mg/kg	US EPA Method 3051A +US EPA Method 7000B	54,2	25,5	150
5	Kẽm (Zn)	mg/kg	US EPA Method 3051A +US EPA Method 7000B	17,6	20,1	300

Ghi chú:

- QCVN 03:2023/BTNMT (Loại I): Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng đất (Đất nông nghiệp; đất nuôi trồng thủy sản; đất ở nông thôn, đất ở đô thị; đất sản xuất vật liệu xây dựng; đất di tích lịch sử).

- Đ1 (HTAC238.25T9NT.Đ1): Mẫu đất tại khu vực phía Bắc dự án, giáp ruộng lúa thôn Năm Thành; Đ2 (HTAC238.25T9NT.Đ2): Mẫu đất tại khu vực phía Nam dự án, Giáp Khu dân cư thôn Năm Thành.

(*): Được phân tích bởi thuê phụ; (*): Được chứng nhận Vilas; (#) Không quy định trong quy chuẩn; (KPH): Không phát hiện; (-): Không quy định; (+): Không phân tích

TRƯỞNG PHÒNG


Nguyễn Thị Hiền

QA/QC


Bùi Phương Thảo

Hà Nội, ngày 22 tháng 9 năm 2025



GIÁM ĐỐC

Lương Văn Ninh



- Thông tin mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của người gửi mẫu
- Không sao chép một phần kết quả phân tích nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của PTN (Phòng thí nghiệm)
- Phiếu kết quả chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm của Khách hàng đưa đến hoặc do mẫu của PTN lấy về
- Thời gian lưu mẫu 07 ngày, kể từ ngày trả kết quả. Hết thời gian lưu mẫu, PTN không giải quyết việc khiếu nại thử nghiệm

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG NGUYÊN TẮC

V/v Đo đạc, lấy mẫu và phân tích mẫu môi trường

Số: 16/2025/NTX/HĐNT - MTX

- Căn cứ vào Bộ luật dân sự số 91/2015/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017;
- Căn cứ vào Luật bảo vệ môi trường năm 2020 được Quốc hội khoá XIV thông qua tại kỳ họp thứ 10 ngày 17 tháng 11 năm 2020, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 và các thông tư hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;
- Căn cứ vào nhu cầu của Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư xây dựng và môi trường Hà Nội Green và khả năng, năng lực hiện có của Công ty TNHH Tư vấn và Công nghệ Môi trường Xanh;

Hôm nay, ngày 02 tháng 01 năm 2025, chúng tôi gồm:

BÊN A: CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI GREEN

Địa chỉ : Lô số 9, ngách 16, ngõ 321 phố Vĩnh Hưng, phường Thanh Trì, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Mã số thuế : 0110300133

Đại diện : Ông **HOÀNG ANH ĐỨC**

Chức vụ: **Giám đốc**

BÊN B: CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG XANH

Địa chỉ : Số 54 Dương Quảng Hàm, phường Quan Hoa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

VPGD : Ô DV 04, Lô số 25, Khu đất dịch vụ, Hoàng Liệt, Hoàng Mai, HN

Mã số thuế : 0106787073

Điện thoại : 0462927328

Đại diện : Ông **LƯƠNG VĂN NINH**

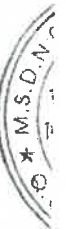
Chức vụ: **Giám đốc**

Tài khoản : 1385686868 tại Ngân hàng TMCP Á Châu - PGD Linh Đàm-CN Hà Nội

Sau khi trao đổi và bàn bạc, hai bên chúng tôi đã cùng nhau thống nhất ký kết Hợp đồng kinh tế với những điều khoản như sau:

ĐIỀU 1: NỘI DUNG HỢP ĐỒNG

- Bên A ký hợp đồng nguyên tắc với bên B về thực hiện dịch vụ Quan trắc và phân tích mẫu môi trường. Phạm vi dịch vụ bao gồm:
- Bên A thuê bên B quan trắc, đo đạc và phân tích mẫu môi trường tại các cơ sở theo yêu cầu của Bên A.



- Các chỉ tiêu quan trắc, đo đạc và phân tích của từng đợt do bên A xác định được thực hiện theo yêu cầu và thanh toán theo khối lượng thực tế trong biên bản nghiệm thu từng đợt của hợp đồng.

ĐIỀU 2: THỜI GIAN THỰC HIỆN VÀ SẢN PHẨM BÀN GIAO

1. Thời gian thực hiện

- Thời gian thực hiện theo yêu cầu và thỏa thuận của hai bên cho phù hợp thực tế.
- Khi có yêu cầu quan trắc và phân tích mẫu môi trường bên A thông báo trước cho bên B từ 7-10 ngày làm việc để bên B chuẩn bị nhân lực và thiết bị.

2. Sản phẩm bàn giao

- Phiếu kết quả phân tích chất lượng môi trường (bản gốc).

ĐIỀU 3: GIÁ TRỊ HỢP ĐỒNG VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

1. Giá trị hợp đồng

- Giá trị hợp đồng sẽ được xác định theo khối lượng nghiệm thu thực tế của đợt quan trắc và phân tích mẫu môi trường dựa trên nội dung công việc (ngày công, vật tư, xăng xe) và số lượng mẫu thực tế mà bên B thực hiện quan trắc và phân tích theo yêu cầu của bên A. (Báo giá cụ thể bên B sẽ gửi theo yêu cầu của bên A).

2. Phương thức thanh toán

- Bên A sẽ thanh toán kinh phí cho bên B theo hình thức tiền mặt hoặc chuyển khoản theo địa chỉ:

Tên tài khoản: Công ty TNHH Tư vấn và Công nghệ Môi trường Xanh;

Số tài khoản: 1385686868 tại Ngân hàng TMCP Á Châu - PGD Linh Đàm.

ĐIỀU 4: TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN

1. Trách nhiệm của bên A

- Cử cán bộ theo dõi, giám sát quá trình quan trắc, đo đạc của bên B cho đến khi hoàn thành nhiệm vụ.
- Tạo điều kiện thuận lợi cho bên B thực hiện công tác quan trắc, đo đạc, lấy mẫu.
- Thanh toán đầy đủ chi phí phục vụ quan trắc, đo đạc và phân tích cho bên B theo đúng lịch trình.

2. Trách nhiệm của bên B:

- Thực hiện đúng nội dung công việc như đã đề ra trong hợp đồng này.
- Phân tích mẫu đảm bảo đúng quy trình kỹ thuật theo các tiêu chuẩn phân tích hiện hành cho các đối tượng mẫu, chỉ tiêu yêu cầu phân tích và đảm bảo chất lượng kết quả phân tích.
- Trả kết quả phân tích mẫu đúng số lượng và thời gian quy định (Đối với các chỉ tiêu MTX có đủ năng lực phân tích thời gian trả kết quả là 15 ngày, các chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ thời

278
ÔN
H NH
V VÀ
TRÚC
ĐIÀ

gian trả kết quả là 30 ngày). Giải đáp thắc mắc về kết quả phân tích cho bên A khi có yêu cầu.

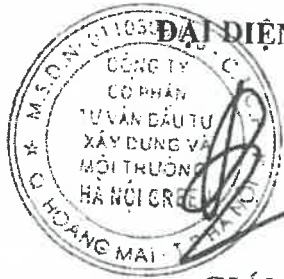
- Cung cấp hóa đơn GTGT cho bên A theo đúng giá trị thực hiện.

ĐIỀU 5: ĐIỀU KHOẢN CHUNG

- Hai bên cam kết thực hiện nghiêm chỉnh các điều khoản trong Hợp đồng đã ký.
- Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, nếu có vấn đề gì vướng mắc phát sinh, hai bên sẽ thống nhất bàn bạc và giải quyết với nhau bằng văn bản trên tinh thần hợp tác hỗ trợ lẫn nhau. Mọi bổ sung hoặc thay đổi Hợp đồng phải được hai bên nhất trí bằng văn bản và được coi như phụ lục không thể tách rời của bản hợp đồng này. Bên nào đơn phương thay đổi, không tuân theo các điều khoản của Hợp đồng, làm thiệt hại cho bên kia thì phải bồi thường theo pháp luật hiện hành.

ĐIỀU 6: HIỆU LỰC CỦA HỢP ĐỒNG

- Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký và duy trì hiệu lực cho đến hết 31/12/2025.
- Quyết định thanh lý hợp đồng sẽ được hai bên thông báo trước tối thiểu 30 ngày cho bên còn lại.
- Hợp đồng được lập thành 04 bản, có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 02 bản.



GIÁM ĐỐC
Hoàng Anh Đức



GIÁM ĐỐC
Lương Văn Ninh



**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HAI THÀNH VIÊN TRỞ LÊN**

Mã số doanh nghiệp: 0106787073

Đăng ký lần đầu: ngày 11 tháng 03 năm 2015

Đăng ký thay đổi lần thứ: 9, ngày 14 tháng 06 năm 2022

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG XANH

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

2. Địa chỉ trụ sở chính

Số 54, phố Dương Quảng Hàm, Phường Quan Hoa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0985825669

Fax:

Email:

Website:

3. Vốn điều lệ 10.000.000.000 đồng

Bằng chữ: Mười tỷ đồng

4. Danh sách thành viên góp vốn

STT	Tên thành viên	Quốc tịch	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Phần vốn góp (VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Giấy tờ pháp lý của tổ chức	Ghi chú
1	LƯƠNG VĂN NINH	Việt Nam	3828 – CT12C Khu ĐTM Kim Văn – Kim Lũ, Phường Đại Kim, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	5.500.000.000	55,000	024085000338	
2	BÙI PHƯƠNG THẢO	Việt Nam	402 Tòa HH3C Linh Đàm, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	2.500.000.000	25,000	038190004401	

3	NGUYỄN THỊ HIỀN	Việt Nam	Thôn Tự Khoát, Xã Ngũ Hiệp, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	2.000.000.000	20,000	035192001413	
---	--------------------	----------	---	---------------	--------	--------------	--

5. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: LƯƠNG VĂN NINH

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: *01/03/1985*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: *024085000338*

Ngày cấp: *28/02/2017*

Nơi cấp: *Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư*

Địa chỉ thường trú: *3828 – CT12C Khu ĐTM Kim Văn – Kim Lũ, Phường Đại Kim, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *3828 – CT12C Khu ĐTM Kim Văn – Kim Lũ, Phường Đại Kim, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

TRƯỞNG PHÒNG



PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

Trần Hà Thanh

Số: 55 /GCN-BTNMT

Hà Nội, ngày 22 tháng 12 năm 2023

GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 68/2022/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Hồ sơ đề nghị chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường của Công ty TNHH Tư vấn và Công nghệ Môi trường Xanh;

Căn cứ kết quả thẩm định về việc cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường đối với Công ty TNHH Tư vấn và Công nghệ Môi trường Xanh;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Kiểm soát ô nhiễm môi trường.

CHỨNG NHẬN:

1. Công ty TNHH Tư vấn và Công nghệ Môi trường Xanh

- Địa chỉ Văn phòng: 54 Dương Quảng Hàm, Phường Quan Hoa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội;

- Địa chỉ Phòng thí nghiệm: Ô DV – 04, Lô số 25, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

Điện thoại: 0246.2927328

Email: envirogreen.lab@gmail.com

Đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường theo phạm vi chứng nhận tại Phụ lục kèm theo.

2. Mã số chứng nhận: **VIMCERTS 276**

3. Giấy chứng nhận này có hiệu lực ba (03) năm kể từ ngày ký đến hết ngày 21. tháng 12... năm 2026.

4. Công ty TNHH Tư vấn và Công nghệ Môi trường Xanh phải thực hiện đầy đủ quy định về chứng nhận theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, các quy định pháp luật hiện hành và quan trắc theo đúng phạm vi được chứng nhận./.

Nơi nhận:

- Công ty TNHH Tư vấn và Công nghệ Môi trường Xanh;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Sở TN&MT thành phố Hà Nội;
- Lưu: VT, VPMC, KSONMT, QTMT(10).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Võ Tuấn Nhân

Phụ lục

**PHẠM VI ĐƯỢC CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN
HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG**

Công ty TNHH Tư vấn và Công nghệ Môi trường Xanh

*(Kèm theo Giấy chứng nhận số 55 /GCN-BTNMT ngày 22 tháng 12 năm 2023
của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)*

1. Nước**1.1. Nước mặt****1.1.1. Quan trắc hiện trường**

- Đo đạc tại hiện trường:

TT	Tên thông số	Tên/số hiệu phương pháp sử dụng	Phạm vi đo
1.	pH	TCVN 6492:2011	2 ÷ 12
2.	Nhiệt độ	SMEWW 2550B:2023	4 ÷ 50°C
3.	Hàm lượng oxy hòa tan (DO)	TCVN 7325:2016	0 ÷ 16 mg/L
4.	Hàm lượng chất rắn hòa tan (TDS)	HDHT.MTX.01	0 ÷ 1999 mg/L
5.	Độ dẫn điện (EC)	SMEWW 2510B:2023	0 ÷ 50 mS/cm
6.	Độ đục	TCVN 6184:2008 SMEWW 2130B:2023	0 ÷ 1000 NTU
7.	Độ muối	SMEWW 2520B:2023	0 ÷ 70‰
8.	Độ trong	HDHT.MTX.02	0 ÷ 20m

HDHT.MTX: Hướng dẫn nội bộ quy trình quan trắc tại hiện trường

- Lấy và bảo quản mẫu:

TT	Tên thông số	Tên/số hiệu phương pháp sử dụng
1.	Mẫu nước sông, suối	TCVN 6663-1:2011, TCVN 6663-3:2016, TCVN 6663-4:2020, TCVN 6663-6:2018
2.	Mẫu nước ao, hồ	TCVN 6663-4:2020
3.	Mẫu vi sinh	TCVN 8880:2011

1.1.2. Xử lý và phân tích mẫu môi trường

TT	Tên thông số	Tên/số hiệu phương pháp sử dụng	Giới hạn phát hiện
1.	Độ màu	TCVN 6185:2015 (phương pháp C)	5,0 Pt-Co

TT	Tên thông số	Tên/số hiệu phương pháp sử dụng	Giới hạn phát hiện
2.	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	TCVN 6625:2000	1,5 mg/L
3.	Độ cứng	TCVN 6224:1996	3,0 mg/L
4.	Độ kiềm (tính theo CaCO_3)	TCVN 6636-1:2000	3,0 mg/L
5.	Nhu cầu oxy hóa học (COD)	SMEWW 5220C:2023	3,0 mg/L
6.	Nhu cầu oxy sinh hóa (BOD_5)	TCVN 6001-1:2021	1,0 mg/L
7.	Nitrit (NO_2^- tính theo N)	TCVN 6178:1996	0,005 mg/L
8.	Nitrat (NO_3^- tính theo N)	TCVN 6180:1996	0,02 mg/L
9.	Photphat (PO_4^{3-} tính theo P)	TCVN 6202:2008	0,01 mg/L
10.	Amoni (NH_4^+ tính theo N)	TCVN 6179-1:1996	0,03 mg/L
11.	Tổng Photpho	TCVN 6202:2008	0,03 mg/L
12.	Tổng Nito	SMEWW 4500.N.C:2023	0,06 mg/L
13.	Florua (F^-)	SMEWW 4500 F-B&D:2023	0,05 mg/L
14.	Sunfua (S^{2-})	TCVN 6637:2000	0,05 mg/L
15.	Sunfat (SO_4^{2-})	SMEWW4500- SO_4^{2-} .E:2023	3,0 mg/L
16.	Clorua (Cl^-)	TCVN 6194:1996	6,0 mg/L
17.	Chất hoạt động bề mặt	TCVN 6622-1:2009	0,025 mg/L
18.	Tổng dầu, mỡ	SMEWW 5520B:2023	1,0 mg/L
19.	Sắt (Fe)	TCVN 6177:1996	0,03 mg/L
20.	Kẽm (Zn)	SMEWW 3111B:2023	0,04 mg/L
21.	Crom (VI)	SMEWW 3500-Cr.B:2023	0,003 mg/L
22.	Mangan (Mn)	SMEWW 3111B:2023	0,02 mg/L
23.	Chì (Pb)	SMEWW 3113B:2023	0,005 mg/L
24.	Niken (Ni)	SMEWW 3111B:2023	0,02 mg/L
25.	Kali (K)	SMEWW 3111B:2023	0,04 mg/L
26.	Canxi (Ca)	TCVN 6198:1996	2,0 mg/L

TT	Tên thông số	Tên/số hiệu phương pháp sử dụng	Giới hạn phát hiện
27.	Đồng (Cu)	SMEWW 3111B:2023	0,03 mg/L
28.	Cadimin (Cd)	SMEWW 3113B:2023	0,0005 mg/L
29.	Tổng Crom (Cr)	SMEWW 3113B:2023	0,001 mg/L
30.	Asen (As)	SMEWW 3114B:2023	0,001 mg/L
31.	Thủy ngân (Hg)	SMEWW 3112B: 2023	0,0002 mg/L
32.	Antimon (Sb)	SMEWW 3114B:2023	0,001 mg/L
33.	Coliform	SMEWW 9221 B:2023	2 MPN/100 mL
34.	E.coli	SMEWW 9221B&F:2023	2 MPN/100 mL
35.	Hoá chất bảo vệ thực vật Clo	US EPA method 3510C + US EPA method 3620C + US EPA method 8270D	
	<i>Aldrin</i>		0,01 µg/L
	<i>4,4'-DDD</i>		0,01 µg/L
	<i>4,4'-DDE</i>		0,01 µg/L
	<i>α-HCH</i>		0,01 µg/L
	<i>β-HCH</i>		0,01 µg/L
	<i>γ-HCH</i>		0,01 µg/L
36.	Hoá chất bảo vệ thực vật photpho	US EPA Method 3510C + US EPA Method 3620C + US EPA Method 8270D	
	<i>Dichlorvos</i>		0,02 µg/L
	<i>Diazinon</i>		0,02 µg/L
	<i>Disulfoton</i>		0,02 µg/L
	<i>Chlorpyrifos</i>		0,02 µg/L
	<i>Fenthion</i>		0,02 µg/L
	<i>Parathion</i>		0,02 µg/L
	<i>Bromphos methyl</i>		0,02 µg/L

TT	Tên thông số	Tên/số hiệu phương pháp sử dụng	Giới hạn phát hiện
	<i>Ethion</i>		0,02 µg/L
37.	PCBs	US EPA Method 3510C + US EPA Method 3620C + US EPA Method 8270D	
	<i>PCB28</i>		0,03 µg/L
	<i>PCB52</i>		0,03 µg/L
	<i>PCB101</i>		0,03 µg/L
	<i>PCB138</i>		0,03 µg/L
	<i>PCB153</i>		0,03 µg/L
	<i>PCB180</i>		0,03 µg/L

1.2. Nước thải

1.2.1. Quan trắc hiện trường

- Đo đạc tại hiện trường:

TT	Tên thông số	Tên/ số hiệu phương pháp sử dụng	Phạm vi đo
1.	pH	TCVN 6492:2011	2 ÷ 12
2.	Nhiệt độ	SMEWW 2550B:2023	4 ÷ 50°C
3.	Hàm lượng chất rắn hòa tan (TDS)	HDHT.MTX.01	0 ÷ 1999 mg/L
4.	Lưu lượng	ISO 748:2007	-
5.	Vận tốc	ISO 748:2007	0,1 ÷ 6,1m/s

HDHT.MTX.01: Quy trình nội bộ hướng dẫn đo tại hiện trường

- Lấy mẫu và bảo quản mẫu:

TT	Tên thông số	Tên/ số hiệu phương pháp sử dụng
1.	Mẫu nước thải	TCVN 6663-1:2011, TCVN 5999:1995, TCVN 6663-3:2016
2.	Mẫu vi sinh	TCVN 8880:2011

1.2.2. Xử lý và phân tích mẫu môi trường

TT	Tên thông số	Tên/ số hiệu phương pháp sử dụng	Giới hạn phát hiện
1.	pH	SMEWW 4500 H ⁺ .B:2023	2 ÷ 12
2.	Nhu cầu oxy hóa học (COD)	SMEWW 5220C:2023	4,0 mg/L
3.	Nhu cầu oxy sinh hóa (BOD ₅)	TCVN 6001-1:2021	2,0 mg/L
4.	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	TCVN 6625:2000	5,0 mg/L
5.	Photphat (PO ₄ ³⁻ tính theo P)	TCVN 6202:2008	0,01 mg/L
6.	Amoni (NH ₄ ⁺ tính theo N)	TCVN 6179-1:1996	0,03 mg/L
7.	Nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N)	TCVN 6178:1996	0,005 mg/L
8.	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N)	SMEWW 4500-NO ₃ ⁻ .E:2023	0,02 mg/L
9.	Tổng Nitơ	TCVN 6638:2000	3,0 mg/L
10.	Tổng Photpho	TCVN 6202:2008	0,03 mg/L
11.	Độ màu	TCVN 6185C:2015	5,0 Pt-Co
12.	Florua (F ⁻)	SMEWW 4500-F-B&D:2023	0,05 mg/L
13.	Clorua (Cl ⁻)	TCVN 6194:1996	6,0 mg/L
14.	Chất hoạt động bề mặt	TCVN 6622-1:2009	0,025 mg/L
15.	Sunfua (S ²⁻)	TCVN 6637:2000	0,05 mg/L
16.	Tổng dầu, mỡ khoáng	SMEWW 5520B&F:2023	1,0 mg/L
17.	Dầu mỡ động thực vật	SMEWW 5520B&F:2023	1,0 mg/L
18.	Clo dư	TCVN 6225-1:2012	0,3 mg/L
		TCVN 6225-2:2021	0,03 mg/L
19.	Xyanua (CN ⁻)	SMEWW4500.CN.C&E:2023	0,0015 mg/L
20.	Tổng phenol	SMEWW 5530B&C:2023	0,006 mg/L
21.	Sắt (Fe)	TCVN 6177:1996	0,03 mg/L
22.	Kẽm (Zn)	SMEWW 3111B:2023	0,04 mg/L
23.	Mangan (Mn)	SMEWW 3111B:2023	0,02 mg/L
24.	Chì (Pb)	SMEWW 3113B:2023	0,002 mg/L
25.	Niken (Ni)	SMEWW 3111B:2023	0,02 mg/L
26.	Đồng (Cu)	SMEWW 3111B:2023	0,04 mg/L
27.	Cadimin (Cd)	SMEWW 3113B:2023	0,0005 mg/L
28.	Tổng Crom	SMEWW 3111B:2023	0,05 mg/L
29.	Crom (VI)	SMEWW 3500-Cr.B:2023	0,003 mg/L

TT	Tên thông số	Tên/ số hiệu phương pháp sử dụng	Giới hạn phát hiện
30.	Crom (III)	SMEWW 3500-Cr.B:2023	0,04 mg/L
31.	Thủy ngân (Hg)	SMEWW 3112B:2023	0,0005 mg/L
32.	Asen (As)	SMEWW 3114B:2023	0,001 mg/L
33.	Coliform	SMEWW 9221B:2023	2 MPN/100 mL
34.	Hoa chất bảo vệ thực vật Clo	US EPA method 3510C + US EPA method 3620C + US EPA method 8270D	
	<i>Aldrin</i>		0,01 µg/L
	<i>4,4'-DDD</i>		0,01 µg/L
	<i>4,4'-DDE</i>		0,01 µg/L
	α -HCH		0,01 µg/L
	β -HCH		0,01 µg/L
	γ -HCH		0,01 µg/L
35.	Hoa chất bảo vệ thực vật photpho	US EPA Method 3510C + US EPA Method 3620C + US EPA Method 8270D	
	<i>Dichlorvos</i>		0,02 µg/L
	<i>Diazinon</i>		0,02 µg/L
	<i>Disulfoton</i>		0,02 µg/L
	<i>Chlorpyrifos</i>		0,02 µg/L
	<i>Fenthion</i>		0,02 µg/L
	<i>Parathion</i>		0,02 µg/L
	<i>Bromphos methyl</i>		0,02 µg/L
	<i>Ethion</i>		0,02 µg/L
36.	PCBs	US EPA Method 3510C + US EPA Method 3620C + US EPA Method 8270D	
	<i>PCB28</i>		0,03 µg/L
	<i>PCB52</i>		0,03 µg/L
	<i>PCB101</i>		0,03 µg/L
	<i>PCB138</i>		0,03 µg/L
	<i>PCB153</i>		0,03 µg/L
	<i>PCB180</i>		0,03 µg/L

1.3. Nước dưới đất

1.3.1. Quan trắc hiện trường

- Đo đạc tại hiện trường:

TT	Tên thông số	Tên/ số hiệu phương pháp sử dụng	Phạm vi đo
1.	pH	TCVN 6492:2011	2 ÷ 12
2.	Nhiệt độ	SMEWW 2550B:2023	4 ÷ 50°C
3.	Hàm lượng oxy hòa tan (DO)	TCVN 7325:2016	0 ÷ 16 mg/L
4.	Hàm lượng chất rắn hòa tan (TDS)	HDHT.MTX.01	0 ÷ 1999 mg/L
5.	Độ dẫn điện (EC)	SMEWW 2510B:2023	0 ÷ 50 mS/cm
6.	Độ đục	SMEWW 2130B:2023	0 ÷ 1000 NTU
7.	ORP	SMEWW 2580B:2023	-2000 ÷ 2000mV
8.	Độ muối	SMEWW 2520B:2023	0 ÷ 70‰

HDHT.MTX.01: Quy trình nội bộ hướng dẫn đo tại hiện trường

- Lấy mẫu và bảo quản mẫu:

TT	Tên thông số	Tên/ số hiệu phương pháp sử dụng
1.	Mẫu nước dưới đất	TCVN 6663-1:2011, TCVN 6663-11:2011, TCVN 6663-3:2016
2.	Mẫu vi sinh	TCVN 8880:2011

1.3.2. Xử lý và phân tích mẫu môi trường:

TT	Tên thông số	Tên/ số hiệu phương pháp sử dụng	Giới hạn phát hiện
1.	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	TCVN 6625:2000	5,0 mg/L
2.	Nhu cầu oxy hóa học (COD)	SMEWW 5220C:2023	3,0 mg/L
3.	Nhu cầu oxy sinh hóa (BOD ₅)	TCVN 6001-1:2021	2,0 mg/L
4.	Độ cứng tổng số (tính theo CaCO ₃)	TCVN 6224:1996	3,0 mg/L
5.	Độ kiềm (tính theo CaCO ₃)	TCVN 6636-1:2000	3,0 mg/L
6.	Chỉ số pemanganat	TCVN 6186:1996	0,5 mg/L
7.	Nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N)	TCVN 6178:1996	0,005 mg/L
8.	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N)	TCVN 6180:1996	0,02 mg/L
9.	Photphat (PO ₄ ³⁻ tính theo P)	TCVN 6202:2008	0,01 mg/L
10.	Amoni (NH ₄ ⁺ tính theo N)	TCVN 6179-1:1996	0,02 mg/L
11.	Tổng Photpho	TCVN 6202:2008	0,03 mg/L

TT	Tên thông số	Tên/ số hiệu phương pháp sử dụng	Giới hạn phát hiện
12.	Tổng Nitơ	SMEWW 4500N.C:2023	0,06 mg/L
13.	Độ màu	TCVN 6185C:2015 (phương pháp C)	5,0 Pt-Co
14.	Florua (F^-)	SMEWW 4500-F-B&D:2023	0,06 mg/L
15.	Sunfua (S^{2-})	TCVN 6637:2000	0,05 mg/L
16.	Sunfat (SO_4^{2-})	SMEWW4500-SO ₄ ²⁻ .E:2023	3,0 mg/L
17.	Clorua (Cl^-)	TCVN 6194:1996	6,0 mg/L
18.	Chất hoạt động bề mặt anion	TCVN 6622-1:2009	0,025 mg/L
19.	Sắt (Fe)	TCVN 6177:1996	0,03 mg/L
20.	Crom (VI)	SMEWW 3500-Cr.B:2023	0,003 mg/L
21.	Kẽm (Zn)	SMEWW 3111B:2023	0,04 mg/L
22.	Mangan (Mn)	SMEWW 3111B:2023	0,02 mg/L
23.	Canxi (Ca)	TCVN 6198:1996	2,0 mg/L
24.	Kali (K)	SMEWW 3111B:2023	0,04 mg/L
25.	Chì (Pb)	SMEWW 3113B:2023	0,002 mg/L
26.	Niken (Ni)	SMEWW 3113B:2023	0,002 mg/L
27.	Đồng (Cu)	SMEWW 3111B:2023	0,04 mg/L
28.	Cadimin (Cd)	SMEWW 3113B:2023	0,0005 mg/L
29.	Tổng Crom (Crom)	SMEWW 3111B:2023	0,015 mg/L
30.	Selen (Se)	SMEWW 3114B:2023	0,003 mg/L
31.	Coban (Co)	SMEWW 3111B:2023	0,04 mg/L
32.	Asen (As)	SMEWW 3114B:2023	0,001 mg/L
33.	Thủy ngân (Hg)	SMEWW 3112B:2023	0,0002 mg/L
34.	Coliform	SMEWW 9221B:2023	2 MPN/100 mL
35.	E.coli	SMEWW 9221B&F:2023	2 MPN/100 mL
36.	Tổng dầu, mỡ	SMEWW 5520B:2023	1,0 mg/L

1.4. Nước biển

1.4.1. Quan trắc hiện trường

- Đo đạc tại hiện trường:

TT	Tên thông số	Tên/ số hiệu phương pháp sử dụng	Phạm vi đo
1.	Nhiệt độ	SMEWW 2550B:2023	4 ÷ 50°C

TT	Tên thông số	Tên/ số hiệu phương pháp sử dụng	Phạm vi đo
2.	pH	TCVN 6492:2011	2 ÷ 12
3.	Hàm lượng oxy hòa tan (DO)	TCVN 7325:2016	0 ÷ 16 mg/L
4.	Hàm lượng chất rắn hòa tan (TDS)	HDHT.MTX.01	0 ÷ 1999 mg/L
5.	Độ dẫn điện (EC)	SMEWW 2510B:2023	0 ÷ 50 mS/cm
6.	Độ đục	SMEWW 2130.B:2023	0 ÷ 1000 NTU
7.	Độ muối	SMEWW 2520B:2023	0 ÷ 70‰
8.	Độ trong	HDHT.MTX.02	0 ÷ 10m

HDHT.MTX: Quy trình nội bộ hướng dẫn đo tại hiện trường

- Lấy mẫu và bảo quản mẫu:

TT	Tên thông số	Tên/ số hiệu phương pháp sử dụng
1.	Mẫu nước biển	TCVN 6663-1:2011, TCVN 5998:1995, TCVN 6663-3:2016, TCVN 8880:2011

1.4.2. Xử lý và phân tích mẫu môi trường:

TT	Tên thông số	Tên/ số hiệu phương pháp sử dụng	Giới hạn phát hiện
1.	Nhu cầu oxy sinh hóa (BOD ₅)	TCVN 6001-1:2021	2,0 mg/L
2.	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	TCVN 6625:2000	5,0 mg/L
3.	Nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N)	TCVN 6178:1996	0,005 mg/L
4.	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N)	SMEWW 4500-NO ₃ ⁻ .E:2023	0,02 mg/L
5.	Photphat (PO ₄ ³⁻ tính theo P)	TCVN 6202:2008	0,01 mg/L
6.	Amoni (NH ₄ ⁺ tính theo N)	TCVN 6179-1:1996	0,02 mg/L
7.	Florua (F ⁻)	SMEWW 4500F ⁻ .B&D:2023	0,05 mg/L
8.	Sunfua (S ²⁻)	TCVN 6637:2000	0,05 mg/L
9.	Tổng Photpho	TCVN 6202:2008	0,03 mg/L
10.	Tổng Nito	TCVN 6638:2000	3,0 mg/L

TT	Tên thông số	Tên/ số hiệu phương pháp sử dụng	Giới hạn phát hiện
11.	Crom (VI)	SMEWW 3500-Cr.B:2023	0.003 mg/L
12.	Coliform	SMEWW 9221B:2023	2 MPN/100 mL
13.	Sắt (Fe)	TCVN 6177:1996	0,03 mg/L
14.	Tổng dầu. mỡ	SMEWW 5520B:2023	1,0 mg/L
15.	Tổng dầu mỡ khoáng	SMEWW 5520B&F:2023	1,0 mg/L

1.5. Nước mưa

1.5.1. Quan trắc hiện trường

- Do đạc tại hiện trường:

TT	Tên thông số	Tên/ số hiệu phương pháp sử dụng	Phạm vi đo
1.	pH	TCVN 6492:2011	2 ÷ 12
2.	Nhiệt độ	SMEWW 2550B:2023	4 ÷ 50°C
3.	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	HDPT.MTX.01	0 ÷ 1999 mg/L
4.	Độ dẫn điện (EC)	SMEWW 2510B:2023	0 ÷ 50 mS/cm

HDPT.MTX: Quy trình nội bộ hướng dẫn đo tại hiện trường

- Lấy mẫu và bảo quản mẫu:

TT	Tên thông số	Tên/ số hiệu phương pháp sử dụng
1.	Mẫu nước mưa	TCVN 6663-1: 2011; TCVN 6663-3:2016, TCVN 5997:1995

1.5.2. Xử lý và phân tích mẫu môi trường:

TT	Tên thông số	Tên/ số hiệu phương pháp sử dụng	Giới hạn phát hiện
1.	Nitrit (NO_2^- tính theo N)	TCVN 6178:1996	0,005 mg/L
2.	Nitrat (NO_3^- tính theo N)	TCVN 6180:1996	0,02 mg/L
3.	Photphat (PO_4^{3-} tính theo P)	TCVN 6202:2008	0,01 mg/L
4.	Amoni (NH_4^+ tính theo N)	TCVN 6179-1:1996	0,02 mg/L
5.	Florua (F^-)	SMEWW 4500-F-B&D:2023	0,05 mg/L

2. Khí

2.1. Không khí xung quanh

2.1.1. Quan trắc hiện trường:

- Đo đạc tại hiện trường:

TT	Tên thông số	Tên/số hiệu phương pháp sử dụng	Dải đo
1	Nhiệt độ	QCVN 46: 2022/BTNMT	0,1 ÷ 60°C
2	Độ ẩm	QCVN 46: 2022/BTNMT	10 ÷ 95% RH
3	Tốc độ gió	QCVN 46: 2022/BTNMT	0,4 ÷ 40 m/s
4	Hướng gió	QCVN 46:2022/BTNMT	0 ÷ 360°
5	Áp suất	QCVN 46:2022/BTNMT	850 ÷ 1.100 hPa
6	Tiếng ồn	TCVN 7878-2:2018	30 ÷ 130 dB
7	Độ rung	TCVN 6963:2001	30 ÷ 130 dB

- Lấy và bảo quản mẫu:

TT	Tên thông số	Tên/số hiệu phương pháp lấy mẫu
1.	NO ₂	TCVN 6137:2009
2.	SO ₂	TCVN 5971:1995
3.	CO	MTX.HT.KK-05
4.	NH ₃	TCVN 5293:1995
5.	Cl ₂	MASA 202
6.	Tổng hạt bụi lơ lửng (TSP)	TCVN 5067:1995
7.	H ₂ S	MASA 701
8.	As	NIOSH Method 7900
9.	Ni	NIOSH Method 7300
10.	Cd	NIOSH Method 7048
11.	Cr(VI)	NIOSH Method 7600
12.	Chì bụi	TCVN 5067:1995
13.	Thủy ngân (Hg)	NIOSH Method 6009
14.	Coban (Co)	OSHA Method ID 121
15.	Kẽm (Zn)	OSHA Method ID 121
16.	Đồng (Cu)	OSHA Method ID 121
17.	Metan (CH ₄)	MASA 101
18.	Formaldehyt	NIOSH Method 2541
19.	Phenol	NIOSH Method 2546
20.	Vinyl Chloride	NIOSH Method 1007

TT	Tên thông số	Tên/số hiệu phương pháp lấy mẫu
21.	Tổng Hydrocacbon (C_nH_{2n+2})	NIOSH Method 1500
	<i>n-heptane</i>	
	<i>n-hexane</i>	
	<i>n-octane</i>	
	<i>Cyclohexan</i>	
	<i>Methylcyclohexane</i>	
	<i>n-nonane</i>	
	<i>n-decane</i>	
	<i>n-undecane</i>	
	<i>n-decane</i>	
	<i>n-undecane</i>	
	<i>n-dedocane</i>	
22.	VOCs	NIOSH Method 1501
	<i>Benzen</i>	
	<i>Etylbenzen</i>	
	<i>Styren</i>	
	<i>Toluen</i>	
	<i>Xylen</i>	
	<i>o_Xylen</i>	
	<i>m_Xylen</i>	
	<i>p_Xylen</i>	
23.	Tetracloetylen	NIOSH Method 1003
24.	Acetonitril	NIOSH Method 1606
25.	Benzidin	NIOSH Method 5509
26.	Naphtalen	OSHA Method 35
27.	Acetaldehyde	NIOSH Method 2538
28.	Anilin	NIOSH Method 2002
29.	Cloroform	NIOSH Method 1003
30.	Mercaptan (tính theo Methyl mercaptan)	OSHA Method 26
31.	Acrylonitril	NIOSH Method 1604
32.	Xyanua	MASA 808
33.	HF	NIOSH method 7906
34.	Acrolein	NIOSH Method 2501
35.	HBr	NIOSH Method 7907

TT	Tên thông số	Tên/số hiệu phương pháp lấy mẫu
36.	HNO ₃	NIOSH Method 7907
37.	HCl	NIOSH Method 7907
38.	H ₂ SO ₄	NIOSH Method 7908
39.	H ₃ PO ₄	NIOSH Method 7908
40.	HCN	NIOSH Method 6010

MTX.HT.KK-05: Quy trình nội bộ hướng dẫn lấy và bảo quản mẫu

2.1.2. Xử lý và phân tích mẫu môi trường

TT	Tên thông số	Tên/số hiệu phương pháp sử dụng	Giới hạn phát hiện
1	Tổng hạt bụi lơ lửng (TSP)	TCVN 5067:1995	15,0 µg/Nm ³
2	NO ₂	TCVN 6137: 2009	5,0 µg/Nm ³
3	CO	MTX.PT.KK-05	3200 µg/Nm ³
4	SO ₂	TCVN 5971:1995	12,0 µg/Nm ³
5	H ₂ S	MASA Method 701	6,0 µg/Nm ³
6	NH ₃	TCVN 5293:1995	7,0 µg/Nm ³
7	Asen (As)	NIOSH Method 7300	0,005 µg/Nm ³
8	Niken (Ni)	NIOSH 7 Method 7300	0,05 µg/Nm ³
9	Cadmi (Cd)	NIOSH method 7048	0,01 µg/Nm ³
10	Chì (Pb)	TCVN 6152:1996	0,03 µg/Nm ³
11	Hợp chất hữu cơ (VOCs)	NIOSH Method 1501	
	<i>Benzen</i>		5,0 µg/Nm ³
	<i>Toluen</i>		5,0 µg/Nm ³
	<i>Xylen</i>		5,0 µg/Nm ³
12	Tổng Hydrocacbon (C _x H _y)	NIOSH Method 1500	
	<i>n-heptan</i>		70,0 µg/Nm ³
	<i>n-hexan</i>		70,0 µg/Nm ³
	<i>cyclohexan</i>		70,0 µg/Nm ³

MTX.HT.KK-05: Quy trình nội bộ hướng dẫn phân tích khí CO trong không khí

2.2. Khí thải

2.2.1. Quan trắc hiện trường:

- Đo đạc tại hiện trường:

TT	Tên thông số	Tên/số hiệu phương pháp sử dụng	Phạm vi đo
1	Xác định vị trí lấy mẫu	US EPA Method 1	-
2	Vận tốc	US EPA Method 2	0 ÷ 70 m/s
3	Hàm ẩm	US EPA Method 4	0 ÷ 100 %
4	Nhiệt độ	US EPA Method 4	0 ÷ 1.000°C
5	Khối lượng mol phân tử khí khô	US EPA Method 3	-
6	Lưu lượng	US EPA Method 2	0 ÷ 2.533.387 m³/h
7	Áp suất	MTX.IIT.KT-05.1 & MTX.IIT.KT-05.2	850 ÷ 1.100 mBar
8	O ₂	MTX.IIT.KT-06.1 & MTX.IIT.KT-06.2	0 ÷ 25 %
9	SO ₂	MTX.IIT.KT-06.1 & MTX.IIT.KT-06.2	0 ÷ 13.100 mg/Nm³
10	NO _x (tính theo NO ₂)	MTX.IIT.KT-06.1 & MTX.IIT.KT-06.2	
	NO		0 ÷ 4.920 mg/Nm³
	NO ₂		0 ÷ 940 mg/Nm³
11	CO	MTX.IIT.KT-06.1 & MTX.IIT.KT-06.2	0 ÷ 11.400 mg/Nm³
12	CO ₂	MTX.IIT.KT-06.2	0 ÷ 25 %

MTX.HT.KT: Quy trình nội bộ hướng dẫn quan trắc các thông số tại hiện trường.

- Lấy và bảo quản mẫu:

TT	Tên thông số	Tên/số hiệu phương pháp lấy mẫu
1.	Bụi tổng (PM)	US EPA Method 5
2.	Bụi Silic	US EPA Method 5
3.	SO ₂	TCVN6750:2005 US EPA Method 8
4.	H ₂ S	JIS K 0108:2010
5.	NH ₃	JIS K 0099:2020
6.	HF	US EPA Method 26A
7.	Cl ₂	US EPA Method 26A
8.	HCl	US EPA Method 26A
9.	HBr	US EPA Method 26A

TT	Tên thông số	Tên/số hiệu phương pháp lấy mẫu
10.	Br ₂	US EPA Method 26A
11.	H ₂ SO ₄	US EPA Method 8
12.	Bery (Be)	US EPA Method 29
13.	Asen	US EPA Method 29
14.	Chì	US EPA Method 29
15.	Bari	US EPA Method 29
16.	Cadimi	US EPA Method 29
17.	Crom	US EPA Method 29
18.	Coban	US EPA Method 29
19.	Đồng	US EPA Method 29
20.	Mangan	US EPA Method 29
21.	Niken	US EPA Method 29
22.	Selen	US EPA Method 29
23.	Bạc	US EPA Method 29
24.	Kẽm	US EPA Method 29
25.	Thủy ngân	US EPA Method 29
26.	Tổng các kim loại nặng (Pb, Ba, Cd, Hg, Se, Ag, As, Ni, Co, Cu, Cr, Mn, Zn)	US EPA Method 29
27.	Hợp chất hữu cơ (VOCs)	PD CEN/TS 13649:2014
	<i>Benzen</i>	
	<i>Toluen</i>	
	<i>o-Xylen</i>	
28.	Tổng Hydrocacbon (C _x H _y)	PD CEN/TS 13649:2014
	<i>n-heptan</i>	
	<i>n-hexan</i>	
	<i>cylcohexan</i>	

2.2.2. Xử lý và phân tích mẫu môi trường:

TT	Tên thông số	Tên/số hiệu phương pháp sử dụng	Giới hạn phát hiện
1	Bụi tổng	US EPA Method 5	3,0 mg/Nm ³
2	Tổng các kim loại (Pb, Ba, Cd, Hg, Se, Ag, As, Ni, Co, Cu, Cr, Mn, Zn)	US EPA Method 29	0,35 mg/Nm ³
3	Asen và hợp chất, tính theo As	US EPA Method 29	0,0001 mg/Nm ³
4	Chì và hợp chất, tính theo Pb	US EPA Method 29	0,001 mg/Nm ³

TT	Tên thông số	Tên/số hiệu phương pháp sử dụng	Giới hạn phát hiện
5	Bari và hợp chất, tính theo Ba	US EPA Method 29	0,15 mg/Nm ³
6	Cadimi và hợp chất, tính theo Cd	US EPA Method 29	0,0005 mg/Nm ³
7	Crom và hợp chất, tính theo Cr	US EPA Method 29	0,05 mg/Nm ³
8	Coban và hợp chất, tính theo Co	US EPA Method 29	0,03 mg/Nm ³
9	Đồng và hợp chất, tính theo Cu	US EPA Method 29	0,054 mg/Nm ³
10	Mangan và hợp chất, tính theo Mn	US EPA Method 29	0,02 mg/Nm ³
11	Niken và hợp chất, tính theo Ni	US EPA Method 29	0,04 mg/Nm ³
12	Selen và hợp chất, tính theo Se	US EPA Method 29	0,001 mg/Nm ³
13	Bạc và hợp chất, tính theo Ag	US EPA Method 29	0,02 mg/Nm ³
14	Kẽm và hợp chất, tính theo Zn	US EPA Method 29	0,04 mg/Nm ³
15	Thủy ngân và hợp chất, tính theo Hg	US EPA Method 29	0,001 mg/Nm ³
16	Hợp chất hữu cơ (VOCs)	PD CEN/TS 13649:2014	
	<i>Benzen</i>		0,3 mg/Nm ³
	<i>Toluen</i>		0,3 mg/Nm ³
	<i>o-Xylen</i>		0,3 mg/Nm ³
17	Tổng Hydrocacbon (CxHy)	PD CEN/TS 13649:2014	
	<i>n-heptan</i>		0,2 mg/Nm ³
	<i>n-hexan</i>		0,2 mg/Nm ³
	<i>cylcohexan</i>		0,2 mg/Nm ³

3. Đất

3.1. Quan trắc hiện trường:

- Lấy và bảo quản mẫu:

TT	Tên thông số	Tên/số hiệu phương pháp lấy mẫu
1.	Mẫu đất	TCVN 4046:1985; TCVN 7538-2:2005, TCVN 7538-1:2006, TCVN 7538-4:2007, TCVN 7538-5:2007; TCVN 5297:1995

3.2. Xử lý và phân tích mẫu môi trường:

TT	Tên thông số	Tên/số hiệu phương pháp sử dụng	Giới hạn phát hiện/Phạm vi đo
1.	pH	TCVN 5979:2021	2 ÷ 12

TT	Tên thông số	Tên/số hiệu phương pháp sử dụng	Giới hạn phát hiện/Phạm vi đo
2.	Độ ẩm	TCVN 4048:2011	1,0 %
3.	Tổng K	US EPA Method 3051A+SMEWW 3111B:2023	8,0 mg/kg
4.	Tổng Photpho	TCVN 8940:2011	1,0 mg/kg
5.	Cacbon hữu cơ	TCVN 8941:2011	0,2%
6.	Độ dẫn điện	TCVN 6650:2000	0 ÷ 100mS/cm
7.	Tổng Nito	TCVN 6498:1999	10,0 mg/kg
8.	Asen (As)	US EPA Method 3051A + US EPA Method 7010	0,5 mg/kg
9.	Đồng (Cu)	US EPA Method 3051A + US EPA Method 7000B	4,0 mg/kg
10.	Chì (Pb)	US EPA Method 3051A + US EPA Method 7010	0,5 mg/kg
11.	Kẽm (Zn)	US EPA Method 3051A + US EPA Method 7000B	5,0 mg/kg
12.	Tổng Crom (Cr)	US EPA Method 3051A + US EPA Method 7000B	4,0 mg/kg
13.	Cadmi (Cd)	US EPA Method 3051A + US EPA Method 7010	0,5 mg/kg
14.	Thủy ngân (Hg)	US EPA Method 3051A + TCVN 8882:2011	0,2 mg/kg
15.	Niken (Ni)	US EPA Method 3050B + US EPA Method 7000B	4,0 mg/kg

4. Trầm tích

4.1. Quan trắc hiện trường:

- Lấy và bảo quản mẫu:

TT	Tên thông số	Tên/số hiệu phương pháp lấy mẫu
1.	Mẫu trầm tích	TCVN 6663-19:2015; TCVN 6663-15:2004

4.2. Xử lý và phân tích mẫu môi trường:

TT	Tên thông số	Tên/số hiệu phương pháp sử dụng	Giới hạn phát hiện/Phạm vi đo
1.	pH	TCVN 5979:2021	2 ÷ 12
2.	Asen (As)	US EPA Method 3051A + US EPA Method 7010	0,5 mg/kg
3.	Đồng (Cu)	US EPA Method 3051A + US EPA Method 7000B	4,0 mg/kg
4.	Chì (Pb)	TCVN 8963:2021 + US EPA Method 7000B	0,5 mg/kg
5.	Kẽm (Zn)	US EPA Method 3051A + US EPA Method 7000B	5,0 mg/kg
6.	Tổng Crom (Cr)	US EPA Method 3051A + US EPA Method 7000B	4,0 mg/kg
7.	Cadimi (Cd)	US EPA Method 3051A + US EPA Method 7010	0,5 mg/kg
8.	Thủy ngân (Hg)	US EPA Method 7471B	0,2 mg/kg

TT	Tên thông số	Tên/số hiệu phương pháp sử dụng	Giới hạn phát hiện/Phạm vi đo
9.	Niken (Ni)	US EPA Method 3051A + US EPA Method 7000B	5,0 mg/kg
10.	Sắt (Fe)	US EPA Method 3051A + US EPA Method 7000B	5,0 mg/kg

5. Bùn

5.1. Quan trắc hiện trường:

- Lấy và bảo quản mẫu:

TT	Tên thông số	Tên/số hiệu phương pháp lấy mẫu
1.	Mẫu bùn	TCVN 6663-13:2015; TCVN 6663-15:2004

5.2. Xử lý và phân tích mẫu môi trường:

TT	Tên thông số	Tên/số hiệu phương pháp sử dụng	Giới hạn phát hiện/Phạm vi đo
1.	pH	US EPA 9040C + US EPA 9045D	0 ÷ 14
2.	Asen (As)	TCVN 8963:2011 + US EPA Method 7062	0,5 mg/Kg
3.	Cadimi (Cd)	TCVN 8963:2011 + US EPA Method 7010	0,5 mg/Kg
4.	Chì (Pb)	TCVN 8963:2011 + US EPA Method 7000B	0,5 mg/Kg
5.	Bạc (Ag)	US EPA 3050B + US EPA Method 7000B	6,0 mg/Kg
6.	Coban (Co)	TCVN 8963:2011 + US EPA Method 7000B	4,0 mg/Kg
7.	Đồng (Cu)	TCVN 8963:2011 + US EPA Method 7000B	4,0 mg/Kg
8.	Kẽm (Zn)	TCVN 8963:2011 + US EPA Method 7000B	5,0 mg/Kg
9.	Niken (Ni)	TCVN 8963:2011 + US EPA Method 7000B	3,0 mg/Kg
10.	Thủy ngân (Hg)	US EPA Method 7471B	0,2 mg/Kg
11.	Selen	TCVN 8963:2011 + US EPA Method 7062	0,1 mg/Kg
12.	Crom	TCVN 8963:2011 + US EPA Method 7000B	4,0 mg/Kg
13.	Bari (Ba)	TCVN 8963:2011 + US EPA Method 7000B	9,0 mg/Kg
14.	Crom (VI)	US EPA Method 3060A + US EPA Method 7196A	2,5 mg/kg

6. Chất thải

6.1. Quan trắc hiện trường:

- Lấy và bảo quản mẫu:

TT	Tên thông số	Tên/số hiệu phương pháp lấy mẫu
1.	Mẫu chất thải	TCVN 9466:2021

6.2. Xử lý và phân tích mẫu môi trường:

TT	Tên thông số	Tên/số hiệu phương pháp sử dụng	Giới hạn phát hiện/Phạm vi đo
1.	pH	US EPA 9040C + US EPA 9045D	0 ÷ 14
2.	Asen (As)	TCVN 8963:2011 + US EPA Method 7062	0,5 mg/Kg
3.	Cadimi (Cd)	TCVN 8963:2011 + US EPA Method 7010	0,5 mg/Kg
4.	Chì (Pb)	TCVN 8963:2011 + US EPA Method 7000B	0,5 mg/Kg
5.	Bạc (Ag)	US EPA 3050B + US EPA Method 7000B	6,0 mg/Kg
6.	Coban (Co)	TCVN 8963:2011 + US EPA Method 7000B	4,0 mg/Kg
7.	Đồng (Cu)	TCVN 8963:2011 + US EPA Method 7000B	4,0 mg/Kg
8.	Kẽm (Zn)	TCVN 8963:2011 + US EPA Method 7000B	5,0 mg/Kg
9.	Niken (Ni)	TCVN 8963:2011 + US EPA Method 7000B	3,0 mg/Kg
10.	Thủy ngân (Hg)	US EPA Method 7471B	0,2 mg/Kg
11.	Selen	TCVN 8963:2011 + US EPA Method 7062	0,1 mg/Kg
12.	Crom	TCVN 8963:2011 + US EPA Method 7000B	4,0 mg/Kg
13.	Bari (Ba)	TCVN 8963:2011 + US EPA Method 7000B	9,0 mg/Kg
14.	Crom (VI)	US EPA Method 3060A + US EPA Method 7196A	2,5 mg/kg

101 TR

PHỤ LỤC 3

HỒ SƠ THAM VẤN Ý KIẾN CỘNG ĐỒNG CỦA DỰ ÁN

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ PHỤ DỤC**

Số: 332/UBND-KT

V/v lấy ý kiến tham vấn trong quá trình
thực hiện đánh giá tác động môi trường
của Dự án: Xây dựng hạ tầng khu dân
cư Năm Thành, xã An Ninh, huyện
Quỳnh Phụ

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Phụ Dục, ngày 17 tháng 11 năm 2025

Kính gửi: Ủy ban Mặt trận tổ quốc xã Phụ Dục

Thực hiện Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020, Ủy ban nhân dân (UBND) xã Phụ Dục đã thực hiện đánh giá tác động môi trường của Dự án: Xây dựng hạ tầng khu dân cư Năm Thành, xã An Ninh, huyện Quỳnh Phụ tại xã Phụ Dục, tỉnh Hưng Yên.

UBND xã Phụ Dục xin trân trọng gửi đến Ủy ban Mặt trận tổ quốc (UBMTTQ) xã Phụ Dục báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án và rất mong nhận được ý kiến đóng góp của Quý Cơ quan về các nội dung: (1) Vị trí thực hiện dự án đầu tư; (2) Tác động môi trường của dự án đầu tư; (3) Biện pháp giảm thiểu tác động xấu đến môi trường; (4) Chương trình quản lý và giám sát môi trường; (5) Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường và (6) Các nội dung khác có liên quan đến dự án đầu tư.

Ý kiến tham vấn của UBMTTQ xã Phụ Dục về các nội dung trên xin được gửi về UBND xã Phụ Dục trong thời gian không quá 15 ngày, kể từ ngày nhận được Hồ sơ đề nghị tham vấn để UBND xã Phụ Dục hoàn thiện báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án theo quy định của pháp luật.

Xin trân trọng cảm ơn sự hợp tác và giúp đỡ của UBMTTQ xã Phụ Dục. 

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu VT, KT, ĐTD.



**KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Phạm Đức Thuận

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Phụ Dực, ngày 18 tháng 11 năm 2025

BIÊN BẢN NIÊM YẾT CÔNG KHAI

1. Căn cứ

Điểm b, Mục 3, Khoản 8, Điều 1 Nghị định 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ về Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

2. Thành phần

Hôm nay, vào hồi 8.. giờ 00.. phút ngày 18. tháng 11 năm 2025, UBND xã Phụ Dực tổ chức niêm yết công khai Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án: Xây dựng hạ tầng khu dân cư Năm Thành, xã An Ninh, huyện Quỳnh Phụ.

• **Đại diện Chủ dự án: UBND xã Phụ Dực**

- | | |
|---------------------------|-----------------------------------|
| 1. Ông/Bà: Nguyễn Văn Chu | Chức vụ: Chủ tịch UBND..... |
| 2. Ông/Bà: Đinh Thanh Đạt | Chức vụ: P.P... kinh tế - Hạ tầng |

3. Tổ chức thực hiện

- Thời gian bắt đầu niêm yết công khai: Ngày 18 tháng 11 năm 2025.
- Thời gian kết thúc niêm yết công khai: Sau khi kết thúc phiên họp tham vấn cộng đồng.
- Địa điểm niêm yết: Bảng tin tại trụ sở UBND xã Phụ Dực.

Biên bản kết thúc cùng ngày, đại diện các bên nhất trí ký tên dưới đây./.

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ PHỤ DỰC**



CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Chu

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ PHỤ DỤC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 60/GM-UBND

Phụ Dục, ngày 02 tháng 12 năm 2025

GIẤY MỜI

Thực hiện Công văn số 332/UBND-KT ngày 17/11/2025 của UBND xã Phụ Dục về việc lấy ý kiến tham vấn trong quá trình thực hiện đánh giá tác động môi trường của dự án: Xây dựng hạ tầng khu dân cư Năm Thành, xã An Ninh, huyện Quỳnh Phụ.

Ủy ban nhân dân xã Phụ Dục phối hợp với Ủy ban mặt trận tổ quốc xã, tổ chức hội nghị lấy ý kiến tham vấn cộng đồng trong quá trình thực hiện đánh giá tác động môi trường dự án: Xây dựng hạ tầng khu dân cư Năm Thành, xã An Ninh, huyện Quỳnh Phụ. Cụ thể như sau:

I. Thành phần gồm:

1. Đại diện xã

- Lãnh đạo UBND xã;
- Chủ tịch Ủy ban Mặt trận tổ quốc
- Công chức Địa chính xây dựng, nông nghiệp và môi trường xã.

2. Đại diện chủ đầu tư

- Ông: Nguyễn Văn Chu: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã.

3. Đại diện đơn vị tư vấn

- Ông Nguyễn Quang Nam: Trưởng phòng chuyên môn và các cán bộ chuyên môn Công ty Cổ phần tư vấn Đầu tư Xây dựng và Môi trường Hà Nội Green.

4. Ở thôn, xóm:

- Bí thư, Trưởng thôn, đại diện đoàn thể thôn Năm Thành
- Mời Đại diện các hộ gia đình chịu tác động trực tiếp của dự án

(Có danh sách kèm theo).

II. Thời gian và địa điểm:

1. Thời gian: Vào hồi 14 giờ 00 phút, ngày 04 tháng 12 năm 2025

2. Địa điểm: Tại Nhà văn hóa thôn Năm Thành.

Nhận được giấy mời này đề nghị các thành phần bố trí công việc tham dự đầy đủ đúng thời gian để buổi làm việc đạt kết quả./.

Nơi nhận:

- Như thành phần;
- CT, các PCT UBND xã;
- Lưu: VT, KT, ĐTĐ.

**TL. CHỦ TỊCH
CHÍNH VĂN PHÒNG**



Lương Quý Phái

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN
HỌP THAM VẤN CỘNG ĐỒNG DÂN CƯ, CÁ NHÂN
CHỊU TÁC ĐỘNG TRỰC TIẾP BỞI DỰ ÁN

Tên dự án: Xây dựng hạ tầng khu dân cư Năm Thành, xã An Ninh, huyện Quỳnh Phụ

Địa điểm triển khai dự án: Xã Phụ Dực, tỉnh Hưng Yên.

Thời gian họp: Từ 14 h 00 đến 15 h 30 ngày 04 tháng 12 năm 2025.

Địa chỉ nơi họp: NVH thôn Năm Thành.

1. Thành phần tham dự cuộc họp

1.1. Chủ đầu tư dự án: Chính quyền xã Phụ Dực

- Thường trực Đảng ủy, HĐND, UBND, UB MTTQVN xã;
- Công chức Địa chính xây dựng, nông nghiệp và môi trường xã.

1.2. Đơn vị tư vấn lập báo cáo ĐTM: Đại diện Công ty cổ phần tư vấn Đầu tư xây dựng và môi trường Hà Nội Green, các cán bộ chuyên môn kỹ thuật,...

1.3. Đại diện cộng đồng dân cư chịu tác động bởi dự án: Các hộ gia đình chịu tác động, ảnh hưởng từ dự án trên địa bàn xã Phụ Dực; đại diện các hộ gia đình bị thu hồi đất; đại diện các chủ cơ sở, sản xuất kinh doanh bị thu hồi đất;...

2. Nội dung và diễn biến cuộc họp

2.1. Đại diện UBND xã Phụ Dực tuyên bố lý do của cuộc họp và giới thiệu các thành phần tham dự cuộc họp, mục đích của cuộc họp về vấn đề tác động môi trường khi thực hiện Dự án: Xây dựng hạ tầng khu dân cư Năm Thành, xã An Ninh, huyện Quỳnh Phụ.

2.2. Đại diện đơn vị tư vấn trình bày nội dung tóm tắt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án.

2.3. Ý kiến của cộng đồng dân cư với Chủ dự án về nội dung tham vấn, cụ thể như sau:

.....

.....

.....

.....

..... Ông... Nguyễn... Minh... Đăng... thôn... Năm... Thành.....
..... -... Hiện... nay... có... nh:.. h:.. gia... đình... đã... lại... thu... h:.. hết... đất.....
..... nông... nghiệp... không... th:.. tiếp... tục... canh... tác.....
..... -... Nếu... dư... án... gây... h:.. bản... tiếng... ôn... ảnh... hưởng... tới... người...
..... dân... thì... người... dân... sẽ... có... ý... kiến... phản... ánh... tới... CĐT.....

..... Ông... Lê... Trung... Quỳnh... thôn... Đức... Linh... 1.....
..... -... Sau... khi... các... dư... án... thực... hiện... cần... đảm... bảo... chất... lượng...
..... nước... thải... đạt... tiêu... chuẩn... trước... khi... xả... ra... môi... trường....
..... =>... Đã... phải... làm... ĐTM... để... đánh... giá... xem... dư... án... có... ~~đạt~~...
..... chất... lượng... nước... thải... đạt... tiêu... chuẩn... quy... định... sau... khi...
..... xử... lý... không.....

..... Ông... Lê... Văn... Lãng.....
..... -... Dư... án... đã... thực... hiện... GPMB... đầu... mà... đã... đánh... giá... về...
..... môi... trường.....
..... =>... VD... thu... hồi... đất... sẽ... được... t:.. chức... ở... các... cuộc... họp... sau...
..... h:.. đầu... giá... đất... sẽ... ợc... trích... lại... để... xây... dựng... hạ... tầng...
..... để... phục... vụ... người... dân... trong... xã... (qua... thông... tin... học...
..... nhà... văn... hóa...).



.....
.....
.....
.....
.....

3. Đại diện chủ dự án đề xuất việc tham vấn cộng đồng dân cư, cá nhân không tham gia cuộc họp tham vấn thông qua hình thức gửi phiếu lấy ý kiến

- Dự kiến thời gian gửi phiếu lấy ý kiến: ..không...thực...hiện.....

- Dự kiến thời điểm kết thúc lấy ý kiến: ..không...thực...hiện.....

Sau thời điểm kết thúc lấy ý kiến, Chủ dự án là UBND xã Phú Dục sẽ cung cấp thông tin và số lượng phiếu lấy ý kiến tham vấn đã gửi và số lượng phiếu lấy ý kiến tham vấn nhận được trong Văn bản trả lời tham vấn theo quy định tại điểm c và d khoản 3 Điều 26 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 8 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP.

4. Kết luận của đại diện UBND xã Phú Dục:

.....Chủ...đầu...tư...cơ...kết...sẽ...thực...hiện...các...hiện...pháp...khai...về...
...môi...trường...đồ...chỉ...ạ.....

.....
.....
.....
.....
.....

Cuộc họp kết thúc vào hồi 15 h 30 cùng ngày, Biên bản cuộc họp tham vấn này được đọc lại cho mọi người tham dự cùng nghe và nhất trí.

**ĐẠI DIỆN
UBND XÃ PHÚ DỤC**



CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Chu



**DANH SÁCH THAM GIA HỘI NGHỊ THAM VẤN CỘNG ĐỒNG DÂN CƯ CHỊU TÁC ĐỘNG TRỰC TIẾP
BỒI ĐÃN XÂY DỰNG HẠ TẦNG KHU DÂN CƯ NĂM THÀNH, XÃ AN NINH, HUYỆN QUỲNH PHÚ**

TT	Tên hộ gia đình	Người tham dự (Đại diện hộ)	Địa chỉ	ĐỐI TƯỢNG THAM VẤN (Tích dấu x vào đúng đối tượng)			Ký tên
				Hộ bị thu hồi đất	Hộ bị ảnh hưởng bởi dự án	Các đối tượng khác	
1	Nguyễn Văn Chu		Chủ tịch UBND				
2	Lương Xuân Đường		Phó CT UB MTTQ				
3	Đinh Thanh Đạt		PP kinh tế HT xã				
4	Nguyễn Minh Đăng		Năm Thành				
5	Nguyễn Văn Hiệt		"				
6	Nguyễn Văn Giang		"				
7	Phạm Xuân Chiến		"				
8		Trình Thị Dục	"				
9		Nguyễn Thị Nụ	"				
10		Ngô Thị Diễm	Phó Lầu				
11	Ngô Văn Năm		Dục Ninh 2				

TT	Tên họ gia đình	Người tham dự (Đại diện hộ)	Địa chỉ	ĐỐI TƯỢNG THAM VẤN (Tích dấu × vào đúng đối tượng)			Ký tên
				Hộ bị thu hồi đất	Hộ bị ảnh hưởng bởi dự án	Các đối tượng khác	
12	Lê Xuân Lãng		Năm Thành				Lãng
13	Phạm Xuân Trường		Dục Ninh 2				Trường
14	Nguyễn Minh Tuấn		Năm Thành				Tuấn
15	Nguyễn Văn Nguyễn		Dục Ninh 2				Nguyễn
16		# Vũ Thị Bưởi	Năm Thành				Bưởi
17	Lê Doãn Quỳnh		Dục Ninh 1				Quỳnh
18	Lê Văn Doãn		Năm Thành				Doãn
19	Phạm Văn Duẩn		# "				Duẩn
20	Nguyễn Duy Hoat		"				Hoat
21	Vũ Văn Duyệt		Dục Ninh 2				Duyệt
22	Nguyễn Xuân Chuyên		Năm Thành				Chuyên
23	Nguyễn Văn Cày		"				Cày
24	Nguyễn Văn Thủ		"				Thủ

TT	Tên hộ gia đình	Người tham dự (Đại diện hộ)	Địa chỉ	ĐỐI TƯỢNG THAM VẤN (Tích dấu x vào đúng đối tượng)			Ký tên
				Hộ bị thu hồi đất	Hộ bị ảnh hưởng bởi dự án	Các đối tượng khác	
25	Trần Xuân Vinh		Huỳnh Thành				Vinh
26	Nguyễn Văn Thành		"				Thành
27		Phùng Thị Diệp	"				Diệp
28		Vũ Thị Thanh	"				Thanh
29		Bu Thị Tuất	"				Tuất
30		Chu Thị Thanh	"				Thanh
31		Bu Thị Thiệt	"				Thiệt
32		Đoàn Thị Lát	"				Lát
33		Trần Thị Tiên	"				Tiên
34		Vũ Thị Diu	"				Diu
35		Nguyễn Thị Cai	"				Cai
36	Nguyễn Văn Khang		"				Khang
37		Nguyễn Thị Tinh	"				Tinh

TT	Tên họ gia đình	Người tham dự (Đại diện hộ)	Địa chỉ	ĐỐI TƯỢNG THAM VẤN (Tích dấu x vào đúng đối tượng)			Ký tên
				Hộ bị thu hồi đất	Hộ bị ảnh hưởng bởi dự án	Các đối tượng khác	
38	Nguyễn Văn Kén		Thôn Năm Thôn				Kén
39	Nguyễn Văn Hy		"				Hy
40	Phạm Minh Đông		"				Đông
41	"	Phạm Thị Nghĩa	"				Nghĩa
42	Nguyễn Văn Huân		"				Huân
43	Phạm Xuân Dũng		"				Dũng
44	"	Nguyễn Thị Loan	"				Loan
45	"	Nguyễn Thị Tuyết	"				Tuyết
46	Lê Văn Vinh						Vinh
47	Phạm Ngọc Khuông						Khuông
48	Phạm Văn Lữ						Lữ
49	Nguyễn Văn Mai						Mai
50	Nguyễn Văn Giảng						Giảng

TT	Tên hộ gia đình	Người tham dự (Đại diện hộ)	Địa chỉ	ĐỐI TƯỢNG THAM VẤN (Tích dấu x vào đúng đối tượng)			Ký tên
				Hộ bị thu hồi đất	Hộ bị ảnh hưởng bởi dự án	Các đối tượng khác	
51		Lương Thị Thùy	Năm Thành				Thùy
52	Lê Văn Cui		"				Cui
53	Hoàng Xuân Hương		"				Hương
54	Đào Minh Thanh		Phong KT				Thanh
55		Lương Thị Choang	Năm Thành				Choang
56		Lê Nguyễn Thị Nang	"				Nang
57	Trình Văn Quang		"				Quang
58		Phạm Thị Thiêm	"				Thiêm
59		Nguyễn Thị Lố	"				Lố
60	Ô Xuân Đào		"				Đào

TT	Tên hộ gia đình	Người tham dự (Đại diện hộ)	Địa chỉ	ĐỐI TƯỢNG THAM VẤN (Tích dấu x vào đúng đối tượng)			Ký tên
				Hộ bị thu hồi đất	Hộ bị ảnh hưởng bởi dự án	Các đối tượng khác	
61	Nguyễn Văn Thấu		Thôn Năm Thanh				Thấu
62	Hoàng Văn Triệu						Triệu
63		Phạm Thị Tây	Đục lias 2				Tây
		Nguyễn Thị Tuấn	Năm Thanh				Tuấn

**ỦY BAN MẶT TRẬN TỔ QUỐC
XÃ PHỤ DỤC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /CV-MTTQ

Phụ Dục, ngày tháng 12 năm 2025

V/v ý kiến tham vấn về quá trình thực hiện
đánh giá tác động môi trường của Dự án:
Xây dựng hạ tầng khu dân cư Năm Thành,
xã An Ninh, huyện Quỳnh Phụ

Kính gửi: Ủy ban nhân dân xã Phụ Dục

Ủy ban Mặt trận tổ quốc (UBMTTQ) xã Phụ Dục đã nhận được Công văn số 332/UBND-KT ngày 17 tháng 11 năm 2025 của UBND xã Phụ Dục, kèm theo Hồ sơ tham vấn báo cáo đánh giá tác động môi trường (báo cáo ĐTM) của Dự án: Xây dựng hạ tầng khu dân cư Năm Thành, xã An Ninh, huyện Quỳnh Phụ để xin ý kiến tham vấn. Sau khi nghiên cứu hồ sơ gửi kèm, UBMTTQ xã Phụ Dục có ý kiến như sau:

1. Về vị trí thực hiện dự án đầu tư: Nhất trí với vị trí thực hiện Dự án: Xây dựng hạ tầng khu dân cư Năm Thành, xã An Ninh, huyện Quỳnh Phụ. Dự án được xây dựng tại vị trí thuận lợi, đảm bảo khả năng đáp ứng nhu cầu đất ở mới trên địa bàn xã Phụ Dục nói riêng, cũng như tỉnh Hưng Yên nói chung.

2. Về tác động môi trường của dự án đầu tư: Nhất trí với nội dung tác động đến môi trường khi triển khai dự án đã nêu trong hồ sơ báo cáo đánh giá tác động môi trường gửi kèm.

3. Về biện pháp giảm thiểu tác động xấu đến môi trường: Về cơ bản, nhất trí với các biện pháp giảm thiểu tác động xấu đến môi trường khi triển khai dự án đã được trình bày trong hồ sơ báo cáo đánh giá tác động môi trường gửi kèm.

4. Về chương trình quản lý và giám sát môi trường; phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường: Nhất trí với chương trình quản lý và giám sát môi trường; phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường đã được trình bày trong hồ sơ báo cáo đánh giá tác động môi trường gửi kèm.

5. Về các nội dung khác: Để đảm bảo dự án phát triển bền vững song vẫn đảm bảo được mục tiêu bảo vệ môi trường, UBMTTQ xã Phụ Dục có các ý kiến góp ý gửi tới Chủ dự án là UBND xã Phụ Dục như sau:

- Đề nghị Chủ dự án thực hiện đầy đủ các quy định về bảo vệ môi trường khi triển khai dự án trên địa bàn khu vực. Khi kết thúc thi công xây dựng, đề nghị các đơn vị dọn dẹp, hoàn trả mặt bằng khu vực xung quanh công trường.

- Đề nghị sau khi báo cáo ĐTM được phê duyệt, Chủ dự án công khai Quyết định phê duyệt theo quy định của pháp luật để nhân dân có thể giám sát việc thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường của dự án.

- Bố trí đủ nguồn vốn, nhân lực, vật lực để thực hiện dự án theo đúng tiến độ đã được phê duyệt, sớm đưa dự án đi vào sử dụng

- Chủ dự án phải trồng đủ diện tích cây xanh theo quy hoạch, phải hoàn thành các hạng mục công trình hạ tầng, công trình bảo vệ môi trường của Dự án trước khi đi vào vận hành, đảm bảo hoạt động của Dự án không ảnh hưởng đến đời sống, môi trường, kinh tế - xã hội của địa phương.

- Đề nghị Chủ dự án tiến hành đấu nối hệ thống thoát nước thải, thoát nước mưa của khu dân cư theo đúng thoả thuận đấu nối hạ tầng kỹ thuật.

- Chủ dự án cần phối hợp chặt chẽ công an khu vực và người dân xung quanh để nhanh chóng giải quyết các vấn đề phát sinh, vướng mắc khi triển khai dự án.

Trên đây là những ý kiến của UBMTTQ xã Phụ Dực gửi UBND xã Phụ Dực để nghiên cứu, hoàn thiện báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu VT.

TM. ỦY BAN MTTQ XÃ



Đường Xuân Dương

THÔNG BÁO

Về việc kết quả công tác lấy ý kiến tham vấn của các cá nhân chịu tác động trực tiếp bởi Dự án: Xây dựng hạ tầng khu dân cư Năm Thành, xã An Ninh, huyện Quỳnh Phụ

Theo quy định tại điểm c và d khoản 3 Điều 26 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 8 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP, Ủy ban nhân dân (UBND) xã Phụ Dục thông báo kết quả thực hiện tham vấn cộng đồng dân cư, cá nhân chịu tác động trực tiếp bởi Dự án Xây dựng hạ tầng khu dân cư Năm Thành, xã An Ninh, huyện Quỳnh Phụ như sau:

1. Kết quả thực hiện

- UBND xã Phụ Dục đã niêm yết hồ sơ báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án để lấy ý kiến tham vấn tại trụ sở UBND xã từ ngày 18/11/2025 đến ngày 04/12/2025. Thứ năm, ngày 04/12/2025, UBND xã Phụ Dục đã tổ chức hội nghị lấy kiến các cá nhân chịu tác động trực tiếp từ dự án tại NVH thôn Năm Thành.

- Các hộ gia đình chịu ảnh hưởng trực tiếp bởi dự án khoảng 77 hộ, chủ yếu sinh sống trên địa bàn xã Phụ Dục.

- Số hộ gia đình tham gia hội nghị tham vấn ngày 04/12/2025 (Có danh sách kèm theo Biên bản phiên họp tham vấn) là: 63 người, đại diện cho 63 hộ.

- Số hộ gia đình được phát phiếu lấy ý kiến tham vấn là: 100 hộ. Số phiếu thu về sau 05 ngày kể từ ngày phát phiếu là: 100 phiếu.

2. Nội dung tham gia ý kiến tham vấn

Các ý kiến của các đối tượng chịu tác động trực tiếp bởi dự án tại Hội nghị tham vấn ngày 04/12/2025 được ghi chi tiết tại Biên bản họp hội nghị tham vấn kèm theo. Các ý kiến của đối tượng được phát phiếu tham vấn được ghi chi tiết trong từng phiếu tham vấn.

Trên đây là Thông báo kết quả công tác lấy ý kiến tham vấn của các cá nhân, hộ gia đình chịu tác động trực tiếp khi thực hiện dự án.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên (để thực hiện);
- Lưu: VP.

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ PHỤ DỤC



CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Châu

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ PHỤ DỤC**

Số: 372/UBND-KT

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Phụ Dục, ngày 05 tháng 12 năm 2025

V/v đề nghị đăng tải báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án: Xây dựng hạ tầng khu dân cư Năm Thành, xã An Ninh, huyện Quỳnh Phụ trên cổng thông tin điện tử của Sở Nông nghiệp và Môi trường Hưng Yên để xin ý kiến tham vấn

Kính gửi: Sở Nông nghiệp và Môi trường Hưng Yên

Ủy ban nhân dân (UBND) xã Phụ Dục là Chủ đầu tư thực hiện dự án: Xây dựng hạ tầng khu dân cư Năm Thành, xã An Ninh, huyện Quỳnh Phụ tại xã Phụ Dục, tỉnh Hưng Yên. Dự án đã được Hội đồng nhân dân huyện Quỳnh Phụ phê duyệt chủ trương đầu tư dự án tại Nghị quyết số 31/NQ-HĐND ngày 17/09/2024, được UBND huyện Quỳnh Phụ phê duyệt quy hoạch chi tiết 1/500 ngày 12/7/2023 và bàn giao dự án tại Quyết định số 7319/QĐ-UBND ngày 30/6/2025.

Theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH15 của Quốc hội ngày 17/11/2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ ngày 10/01/2022, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP của Chính phủ ngày 06/01/2025, UBND xã Phụ Dục đã phối hợp với đơn vị tư vấn lập báo cáo đánh giá tác động môi trường (báo cáo ĐTM) của dự án: Xây dựng hạ tầng khu dân cư Năm Thành, xã An Ninh, huyện Quỳnh Phụ.

Thực hiện quy định tham vấn thông qua đăng tải trên trang thông tin điện tử tại Điều 26 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ ngày 10/01/2022 về việc “*Hướng dẫn thi hành chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường*” và Khoản 8 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP của Chính phủ ngày 06/01/2025 về “*Sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của chính phủ quy định chi tiết một số điều của luật bảo vệ môi trường*”.

UBND xã Phụ Dục xin trân trọng gửi tới Sở Nông nghiệp và Môi trường Hưng Yên hồ sơ báo cáo ĐTM của dự án để Quý Sở đăng tải, xin ý kiến tham vấn trên trang thông tin điện tử theo quy định của pháp luật.

Kết quả tham vấn xin gửi về:

- Người nhận: Ông Đinh Thành Đạt – Phó trưởng phòng Kinh tế xã
- Địa chỉ: Số 121, đường Trần Hưng Đạo, xã Phụ Dục, tỉnh Hưng Yên.
- Số điện thoại: 0914.341.998

Trân trọng cảm ơn sự giúp đỡ của Quý Sở./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu VT, KT, ĐTD.

**KT CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

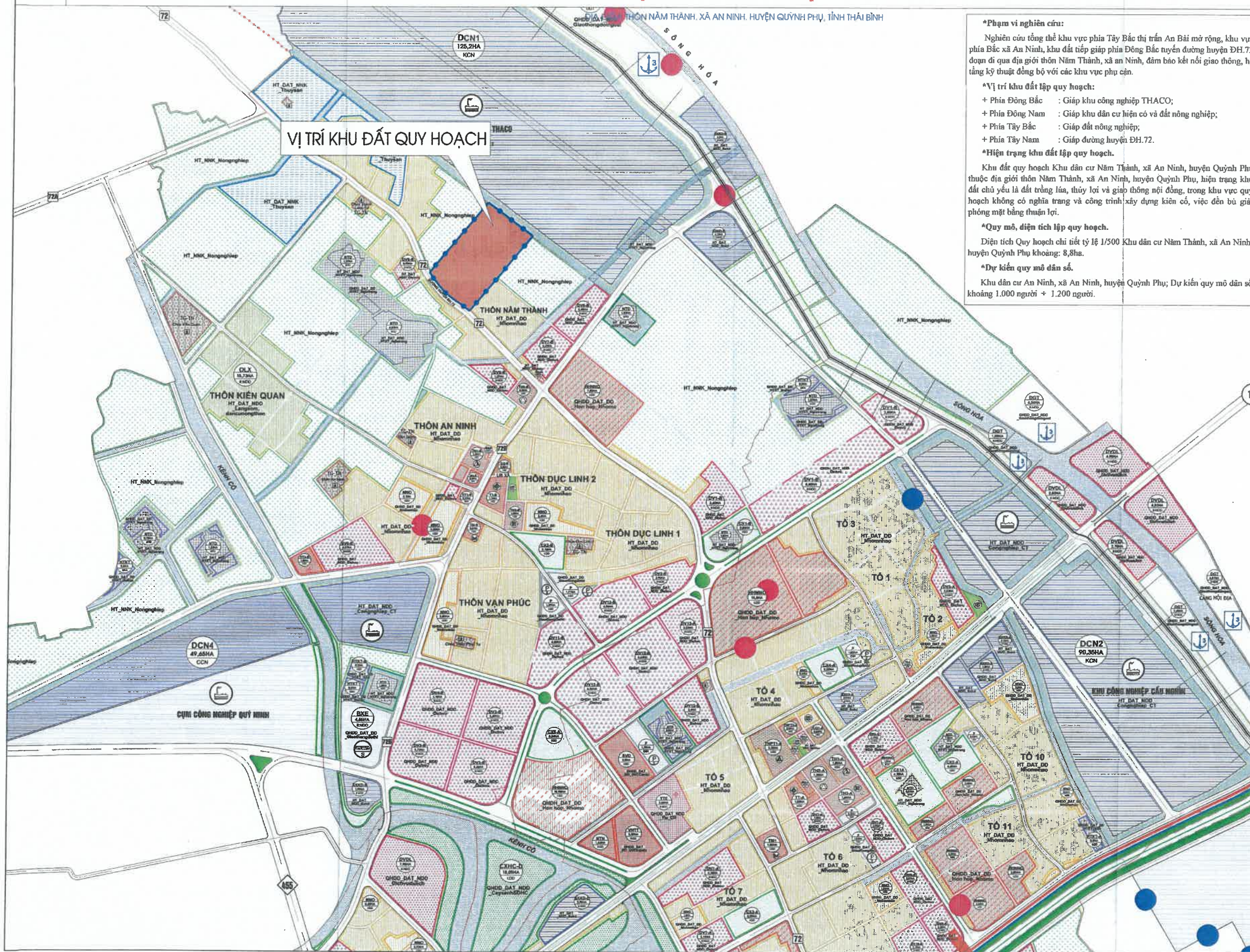
Phạm Đức Thuận

PHỤ LỤC 4

CÁC BẢN VẼ QUY HOẠCH VÀ THIẾT KẾ CÓ LIÊN QUAN ĐẾN DỰ ÁN



QUY HOẠCH CHI TIẾT TỶ LỆ 1/500 KHU DÂN CƯ NĂM THÀNH, XÃ AN NINH, HUYỆN QUỲNH PHỤ
SƠ ĐỒ VỊ TRÍ VÀ GIỚI HẠN KHU ĐẤT



VỊ TRÍ KHU ĐẤT QUY HOẠCH

***Phạm vi nghiên cứu:**
Nghiên cứu tổng thể khu vực phía Tây Bắc thị trấn An Bái mở rộng, khu vực phía Bắc xã An Ninh, khu đất tiếp giáp phía Đông Bắc huyện đường huyện ĐH.72 đoạn đi qua địa giới thôn Năm Thành, xã An Ninh, đảm bảo kết nối giao thông, hạ tầng kỹ thuật đồng bộ với các khu vực phụ cận.

***Vị trí khu đất lập quy hoạch:**
+ Phía Đông Bắc : Giáp khu công nghiệp THACO;
+ Phía Đông Nam : Giáp khu dân cư hiện có và đất nông nghiệp;
+ Phía Tây Bắc : Giáp đất nông nghiệp;
+ Phía Tây Nam : Giáp đường huyện ĐH.72.

***Hiện trạng khu đất lập quy hoạch.**
Khu đất quy hoạch Khu dân cư Năm Thành, xã An Ninh, huyện Quỳnh Phụ thuộc địa giới thôn Năm Thành, xã An Ninh, huyện Quỳnh Phụ, hiện trạng khu đất chủ yếu là đất trồng lúa, thủy lợi và giao thông nội đồng, trong khu vực quy hoạch không có nghĩa trang và công trình xây dựng kiên cố, việc đền bù giải phóng mặt bằng thuận lợi.

***Quy mô, diện tích lập quy hoạch.**
Diện tích Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu dân cư Năm Thành, xã An Ninh, huyện Quỳnh Phụ khoảng: 8,8ha.

***Dự kiến quy mô dân số.**
Khu dân cư An Ninh, xã An Ninh, huyện Quỳnh Phụ; Dự kiến quy mô dân số khoảng 1.000 người ÷ 1.200 người.

CƠ QUAN PHÊ DUYỆT:
ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH PHỤ
BAN HÀNH THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 10/2023/QĐ-UBND NGÀY 12 THÁNG 7 NĂM 2023

CHỦ TỊCH
Nguyễn Văn Bình

CƠ QUAN THỎA THUẬN:
SỞ XÂY DỰNG
HÀNG VIÊN THỎA THUẬN SỐ 10/2023/ST-UBND NGÀY 01 THÁNG 7 NĂM 2023

CƠ QUAN THẨM ĐỊNH:
PHÒNG KINH TẾ VÀ HẠ TẦNG HUYỆN QUỲNH PHỤ
HÀNG VIÊN THẨM ĐỊNH SỐ 10/2023/ST-UBND NGÀY 01 THÁNG 7 NĂM 2023

PHÒNG KINH TẾ VÀ HẠ TẦNG
Nguyễn Văn Bình

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ AN NINH
BAN HÀNH THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 10/2023/QĐ-UBND NGÀY 12 THÁNG 7 NĂM 2023

CHỦ TỊCH UBND XÃ
Nguyễn Văn Bình

CÔNG TRÌNH - DẠ ĐIỂM:
QUY HOẠCH CHI TIẾT TỶ LỆ 1/500 KHU DÂN CƯ
NĂM THÀNH, XÃ AN NINH, HUYỆN QUỲNH PHỤ
DẠ ĐIỂM THÔN NĂM THÀNH, XÃ AN NINH, HUYỆN QUỲNH PHỤ, THỊ TRẤN AN BÀI

TÊN BẢN VẼ:
SƠ ĐỒ VỊ TRÍ VÀ GIỚI HẠN KHU ĐẤT

BẢN VẼ:	CHỌI:	CHỌI:	TỶ LỆ:	NGÀY:
THIẾT KẾ	KTS. NGUYỄN VĂN BÌNH		1/500	1/2023
CHỦ NẾM	KTS. NGUYỄN VĂN BÌNH			
CHỦ NẾM	KTS. NGUYỄN VĂN BÌNH			
CHỦ NẾM	KTS. NGUYỄN VĂN BÌNH			

ĐƠN VỊ TƯ VẤN:
CÔNG TY TNHH TƯ VẤN KINH TẾ VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG

NGÀY ... THÁNG ... NĂM ...

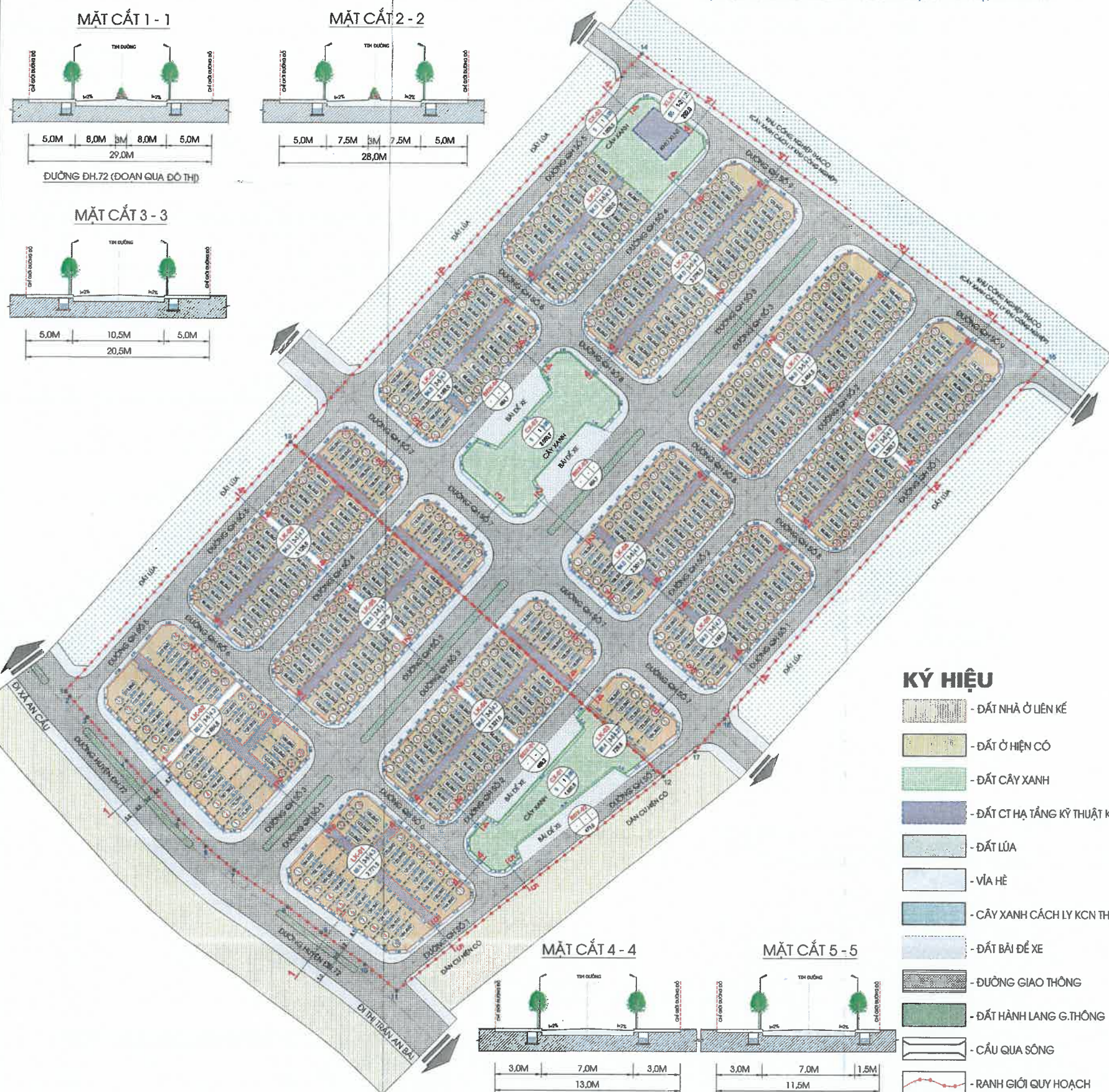
CHỦ TỊCH
Nguyễn Văn Bình



QUY HOẠCH CHI TIẾT TỶ LỆ 1/500 KHU DÂN CƯ NĂM THÀNH, XÃ AN NINH, HUYỆN QUỲNH PHỤ **BẢN ĐỒ QUY HOẠCH TỔNG MẶT BẰNG SỬ DỤNG ĐẤT**



ĐỊA ĐIỂM: THÔN NĂM THÀNH, XÃ AN NINH, HUYỆN QUỲNH PHỤ, TỈNH THÁI BÌNH



KÝ HIỆU

- ĐẤT NHÀ Ở LIÊN KẾ
- ĐẤT Ở HIỆN CÓ
- ĐẤT CÂY XANH
- ĐẤT CT HẠ TẦNG KỸ THUẬT KHÁC
- ĐẤT LÚA
- VÍA HÈ
- CÂY XANH CÁCH LY KCN THẠCO
- ĐẤT BÀI ĐỂ XE
- ĐƯỜNG GIAO THÔNG
- ĐẤT HÀNH LANG G. THÔNG
- CẦU QUA SÔNG
- RANH GIỚI QUY HOẠCH

STT	Tên loại đất	Ký hiệu	Diện tích (m²)	Tỷ lệ (%)	Mật độ XD tối đa	Tổng cao tầng tối đa	Hệ số SDD tối đa	Số lô
1	Đất nhà ở	LK-01	35.638,2	40,29	86,0	5	4,3	330
	Đất ở liên kế 1	LK-01	2.771,9		86,0	5	4,3	20
	Đất ở liên kế 2	LK-02	3.664,8		86,0	5	4,3	25
	Đất ở liên kế 3	LK-03	729,8		83,4	5	4,27	5
	Đất ở liên kế 4	LK-04	3.321,0		94,0	5	4,7	32
	Đất ở liên kế 5	LK-05	3.321,0		94,0	5	4,7	32
	Đất ở liên kế 6	LK-06	3.128,0		94,0	5	4,7	32
	Đất ở liên kế 7	LK-07	2.168,0		94,0	5	4,7	22
	Đất ở liên kế 8	LK-08	2.301,0		94,0	5	4,7	22
	Đất ở liên kế 9	LK-09	2.168,0		94,0	5	4,7	22
	Đất ở liên kế 10	LK-10	3.393,7		94,0	5	4,7	34
	Đất ở liên kế 11	LK-11	3.464,5		94,0	5	4,7	33
	Đất ở liên kế 12	LK-12	3.276,5		94,0	5	4,7	31
	Đất ở liên kế 13	LK-13	1.920,0		94,0	5	4,7	20
2	Đất công trình hạ tầng xã hội	HTXH	4.741,0	5,36				
	Đất cây xanh sử dụng công cộng	CX	4.741,0		5	1	0,05	
3	Đất giao thông	GT	41.195,9	46,59				
4	Đất bãi đỗ xe	BDX	1.871,6	2,12				
5	Đất công trình hạ tầng kỹ thuật khác		4.982,5	5,64				
	Đất khu xử lý nước thải	XLNT	292,0					
	Đất khác hợp tổng	KHT	4.690,5					
	TỔNG		88.419,2	100,00				

STT	Tên loại đất	Ký hiệu	Diện tích (m²)	Tỷ lệ (%)	Mật độ XD tối đa	Tổng cao tầng tối đa	Hệ số SDD tối đa	Số lô
1	Đất nhà ở	LK-01	14.238,7	43,13	86,0	5	4,3	123
	Đất ở liên kế 1	LK-01	2.771,9		86,0	5	4,3	20
	Đất ở liên kế 2	LK-02	3.664,8		86,0	5	4,3	25
	Đất ở liên kế 3	LK-03	2.653,0		94,0	5	4,7	26
	Đất ở liên kế 4	LK-04	2.653,0		94,0	5	4,7	26
	Đất ở liên kế 5	LK-05	2.496,0		94,0	5	4,7	26
2	Đất công trình hạ tầng xã hội	HTXH	1.680,8	5,89				
	Đất cây xanh sử dụng công cộng	CX	1.680,8		5	1	0,05	
3	Đất giao thông	GT	14.454,2	43,78				
4	Đất bãi đỗ xe	BDX	942,2	2,85				
5	Đất công trình hạ tầng kỹ thuật khác		1.697,9	5,14				
	Đất khu xử lý nước thải	XLNT	0,0					
	Đất khác hợp tổng	KHT	1.697,9					
	TỔNG		33.013,8	100,00				

STT	Tên loại đất	Ký hiệu	Diện tích (m²)	Tỷ lệ (%)	Mật độ XD tối đa	Tổng cao tầng tối đa	Hệ số SDD tối đa	Số lô
1	Đất nhà ở	LK-01	21.389,5	36,61	83,4	5	4,27	287
	Đất ở liên kế 3	LK-03	729,8		94,0	5	4,7	6
	Đất ở liên kế 4	LK-04	668,0		94,0	5	4,7	6
	Đất ở liên kế 5	LK-05	668,0		94,0	5	4,7	6
	Đất ở liên kế 6	LK-06	632,0		94,0	5	4,7	6
	Đất ở liên kế 7	LK-07	2.168,0		94,0	5	4,7	22
	Đất ở liên kế 8	LK-08	2.301,0		94,0	5	4,7	22
	Đất ở liên kế 9	LK-09	2.168,0		94,0	5	4,7	22
	Đất ở liên kế 10	LK-10	3.393,7		94,0	5	4,7	34
	Đất ở liên kế 11	LK-11	3.464,5		94,0	5	4,7	33
	Đất ở liên kế 12	LK-12	3.276,5		94,0	5	4,7	31
	Đất ở liên kế 13	LK-13	1.920,0		94,0	5	4,7	20
2	Đất công trình hạ tầng xã hội	HTXH	3.060,2	5,52				
	Đất cây xanh sử dụng công cộng	CX	3.060,2		5	1	0,05	
3	Đất giao thông	GT	26.741,7	48,27				
4	Đất bãi đỗ xe	BDX	929,4	1,68				
5	Đất công trình hạ tầng kỹ thuật khác		3.284,6	5,93				
	Đất khu xử lý nước thải	XLNT	292,0					
	Đất khác hợp tổng	KHT	2.992,6					
	TỔNG		55.405,4	100,00				

GHI CHÚ

KÍ HIỆU LÔ ĐẤT: **LK-01**

TẦNG CAO: **3-5**

MẬT ĐỘ XD TỐI ĐA: **80-100**

HỆ SỐ SDD: **3-5**

DIỆN TÍCH: **2.771,9**

ĐIỂM	X(M)	Y(M)	CẠNH(M)
1	2286418.357	594777.996	3,03
2	2286416.044	594779.954	12,29
3	2286406.662	594787.891	26,23
4	2286387.181	594805.450	35,54
5	2286360.893	594829.361	17,21
6	2286348.871	594841.675	16,31
7	2286338.260	594854.060	29,00
8	2286321.674	594877.843	18,81
9	2286310.146	594892.704	24,13
10	2286295.799	594912.103	18,34
11	2286284.193	594926.299	153,69
12	2286380.701	595045.916	225,08
13	2286530.439	594877.865	225,06
1	2286418.357	594777.996	150,12

ĐIỂM	X(M)	Y(M)	CẠNH(M)
12	2286380.701	595045.916	225,08
13	2286530.439	594877.865	225,06
14	2286704.799	595033.225	228,80
15	2286567.433	595216.206	215,20
16	2286406.769	595073.041	19,89
17	2286391.910	595059.809	17,85
12	2286380.701	595045.916	

CƠ QUAN PHÊ DUYỆT:
ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH PHỤ
Ban hành theo Quyết định số 10/2023/QĐ-UBND ngày 10 tháng 1 năm 2023

CHỦ TỊCH Ủy ban Nhân dân Huyện Quỳnh Phụ
Nguyễn Văn Sơn

CƠ QUAN PHÊ DUYỆT:
SỞ XÂY DỰNG
HƯỚNG DẪN VÀ PHẪU HỒ SƠ KỸ THUẬT THI CÔNG VÀ THI CÔNG 1 NĂM 2023

CƠ QUAN THẨM ĐỊNH:
PHÒNG KINH TẾ VÀ HẠ TẦNG HUYỆN QUỲNH PHỤ
Đề nghị ban hành theo Quyết định số 10/2023/QĐ-UBND ngày 10 tháng 1 năm 2023

CHỦ TỊCH Ủy ban Nhân dân Huyện Quỳnh Phụ
Nguyễn Văn Sơn

CHỦ TỊCH Ủy ban Nhân dân Xã An Ninh
Ban hành theo Quyết định số 10/2023/QĐ-UBND ngày 10 tháng 1 năm 2023

CHỦ TỊCH Ủy ban Nhân dân Xã An Ninh
Nguyễn Văn Sơn

CÔNG TRÌNH - ĐỊA ĐIỂM:
QUY HOẠCH CHI TIẾT TỶ LỆ 1/500 KHU DÂN CƯ NĂM THÀNH, XÃ AN NINH, HUYỆN QUỲNH PHỤ
ĐỊA ĐIỂM: THÔN NĂM THÀNH, XÃ AN NINH, HUYỆN QUỲNH PHỤ, TỈNH THÁI BÌNH

TÊN BẢN VẼ:
BẢN ĐỒ QUY HOẠCH TỔNG MẶT BẰNG SỬ DỤNG ĐẤT

BẢN VẼ: QH-03	GHÉP 01: A0	TỶ LỆ: 1/1	NGÀY: / / 2023
THIẾT KẾ	KTS. NGUYỄN HỮU SƠN		
CHỦ THIẾT	KTS. NGUYỄN NGỌC DIỄN		
CHỈ ĐẠO THIẾT	KTS. NGUYỄN NGỌC DIỄN		
CHỈ ĐẠO THIẾT	KTS. NGUYỄN NGỌC DIỄN		

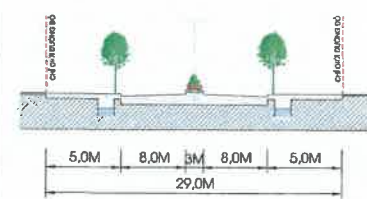
ĐƠN VỊ TƯ VẤN:
CÔNG TY TNHH TƯ VẤN KỸ THUẬT VÀ ĐẦU TƯ XD THÁI BÌNH
Ngày ... tháng ... năm 2023

CHỦ TỊCH Ủy ban Nhân dân Xã An Ninh
Nguyễn Văn Sơn

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN KỸ THUẬT VÀ ĐẦU TƯ XD THÁI BÌNH
Số 10/2023/QĐ-UBND ngày 10 tháng 1 năm 2023

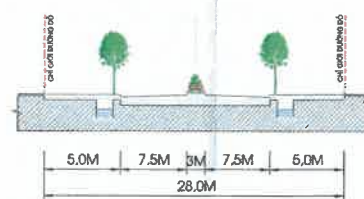


MẮT CẮT 1 - 1

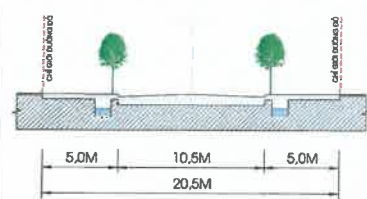


ĐƯỜNG ĐH.72 (ĐOẠN QUA ĐỒ THỊ)

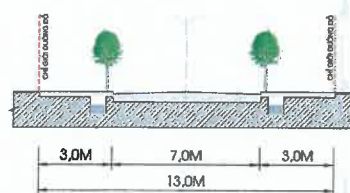
MẮT CẮT 2-2



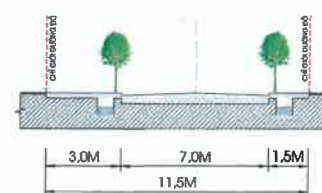
MẮT CẮT 3 - 3



MẮT CẮT 4 - 4



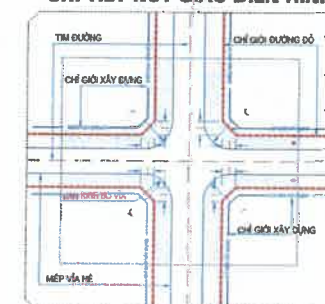
MẶT CẮT 5-5



BẢNG THỐNG KÊ HỆ THỐNG GIAO THÔNG VÀ CÁC CHỈ TIÊU KỸ THUẬT CHÍNH

STT	MẬT CẮT	TÊN ĐƯỜNG	VỊ TRÍ	CHỈ TIÊU QUY HOẠCH				TỔNG CHIẾU DÀI
				ĐƯỜNG	ĐƯỜNG	ĐƯỜNG	ĐƯỜNG	
1	MẬT CẮT 1	ĐƯỜNG MẶT ĐƯỜNG	TRẠC TUYẾN NAM HƯỚNG	20,0m (5,0+5,0+5,0+5,0)	5,0m x 2	5,0m x 2	-	870,5m
2	MẬT CẮT 2	ĐƯỜNG QUY HOẠCH SỐ 1	TRẠC TUYẾN NAM HƯỚNG	26,0m (5,0+5,0+5,0+5,0)	7,5m x 2	5,0m x 2	3,0m	395,5m
3	MẬT CẮT 3	ĐƯỜNG QUY HOẠCH SỐ 2	TRẠC TUYẾN NAM HƯỚNG	20,5m (5,0+5,0+5,0)	10,5m x 1	5,0m x 2	-	215,0m
4	MẬT CẮT 4	ĐƯỜNG QUY HOẠCH SỐ 3	TRẠC TUYẾN NAM HƯỚNG	13,0m (3,0+7,0+3,0)	7,0m x 1	3,0m x 2	-	1,872,25m
5	MẬT CẮT 5	ĐƯỜNG QUY HOẠCH SỐ 4	TRẠC TUYẾN NAM HƯỚNG	11,5m (3,0+7,0+1,5)	7,0m x 1	3,0 x 8	-	185,0m

CHI TIẾT NÚT GIAO ĐIỂN HÌNH



GHI CHÚ:

- VẬT GÓC VUÔNG: $L = 4\text{M}$
- BÀN KÍNH BÓ VÍA GIAO NHAU ĐƯỜNG NỘI BỘ: $R = 10\text{M}$
- BÀN KÍNH BÓ VÍA GIAO VỚI ĐƯỜNG CHÍNH: $R = 12\text{M}$

BẢNG KÊ TOA ĐỘ NÚT GIAO THÔNG

ĐIỂM	X(M)	Y(M)
1	2286413.345	594782.237
2	2286339.122	594853.053
3	2286332.974	594861.639
4	2286287.435	594922.334
5	2286327.560	594971.773
6	2286349.234	594947.565
7	2286384.659	594907.691
8	2286391.644	594900.034
9	2286427.069	594860.095
10	2286459.666	594823.610
11	2286550.193	594904.173
12	2286517.596	594940.757
13	2286482.171	594980.514
14	2286475.186	594998.354
15	2286439.761	595028.111
16	2286407.164	595064.695
17	2286472.306	595122.739
18	2286504.903	595086.154
19	2286540.328	595046.397
20	2286547.313	595038.558
21	2286582.738	594998.800
22	2286615.336	594962.216
23	2286696.013	595034.102
24	2286666.491	595073.427
25	2286634.409	595116.162
26	2286628.083	595124.589
27	2286596.001	595167.325
28	2286566.479	595206.650

SỐ THỨ TƯ NÚT

CAO ĐỘ QUY HOẠCH

CAO ĐỘ HIỆN TRẠNG

N01

+1.60

+1.50

CHỈ GIỚI XÂY DỰNG

CƠ QUAN PHÉ DUYỆT:
ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH PHỤ
BAN HÀNH THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 487/QĐ-UBND NGÀY 12 THÁNG 7 NĂM 2020

CƠ QUAN THỎA THUẬN:
SỞ XÂY DỰNG
THỜI ĐIỂM BÀN THỎA THUẬN SỐ: 1406/STĐ-KCH-PT NGÀY 04 THÁNG 7 NĂM 2003

CƠ QUAN THẨM ĐỊNH:
PHÒNG KINH TẾ VÀ HẠ TẦNG HUYỆN QUỲNH PHU
ĐIỀU VẤN BÀN THẨM ĐỊNH: NGÀY THÁNG NĂM 2000

LÝ BẠCH NHÃN DẪN XÃ AN NINH

CÔNG TRÌNH - ĐỊA ĐIỂM:

QUY HOẠCH CHI TIẾT TỶ LỆ 1/500 KHU DÂN CƯ
NĂM THÁNH, XÃ AN NINH, HUYỆN GIỠNH PHÚ
ĐỊA ĐIỂM THÔN NĂM THÁNH, XÃ AN NINH, HUYỆN GIỠNH PHÚ, TỈNH THÁI BÌNH

TÊN BẢN VẼ:
BẢN ĐỒ QH HỆ THỐNG GIAO THÔNG
CHỈ GIỚI ĐƯỜNG ĐỎ VÀ CHỈ GIỚI XD

BẢN VẼ: CH-04	GHÉP DẪI: A0	TỶ LỆ: 1/	NGÀY: / /
---------------	--------------	-----------	-----------

THIẾT KẾ	KTS. NGUYỄN HẢI SƠN	
----------	---------------------	--

CHỦ TRÌ	KTS. NGUYỄN NGỌC PHÚM	
---------	-----------------------	---

CHỦ TÀI	KTS. NGUYỄN NGỌC DUYỀN	
CHỦ NHÌM	KTS. NGUYỄN NGỌC DUYỀN	

Chức vụ	TS. NGUYEN NGOC DUAN	
Chức vụ	TS. NGUYEN NGOC DUAN	

KY THUẬT	XTS. NGUYEN NGOC DUAN	
ĐƠN VỊ TƯ VẤN		

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG VÀ ĐẦU TƯ XD THÁI BÌNH

NGÀY ... THÁNG ... NĂM 2020



 GIÁM ĐỐC
 Nguyễn Văn Tuấn




CÔNG TY TNHH TƯ VẤN KIẾN TRÚC VÀ THIẾT KẾ XÂY DỰNG THẠNH
TẠI CHỖ: 09 NGUYỄN VĂN HỘ, PHƯỜNG 8, QUẬN 7, TP. HCM • TELEPHONE: 0906 123 456 • EMAIL: info@thanh.vn

PHỤ LỤC 5

BẢN VẼ TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI

DANH MỤC BẢN VẼ TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI

STT	TÊN BẢN VẼ	KÝ HIỆU	TỈ LỆ	KHỔ BV	LẦN SỬA ĐỔI
CÁC THÔNG TIN CHUNG					
1	DANH MỤC BẢN VẼ	DMBV-001	KTL	A3	
SƠ ĐỒ DÂY CHUYỀN CÔNG NGHỆ					
2	SƠ ĐỒ DÂY CHUYỀN CÔNG NGHỆ 1/3	TXL-CN-001	KTL	A3	
3	SƠ ĐỒ DÂY CHUYỀN CÔNG NGHỆ 2/3	TXL-CN-002	KTL	A3	
4	SƠ ĐỒ DÂY CHUYỀN CÔNG NGHỆ 3/3	TXL-CN-003	KTL	A3	
MẶT BẰNG, MẶT CẮT TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI					
5	MẶT BẰNG VỊ TRÍ TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI	TXL-CN-004	KTL	A3	
6	MẶT BẰNG CỤM BỂ XỬ LÝ NƯỚC THẢI HỢP KHỐI, MẶT CẮT 1-1	TXL-CN-005	KTL	A3	
7	MẶT CẮT KHỐI BỂ XỬ LÝ 2-2, 3-3	TXL-CN-006	KTL	A3	
8	MẶT CẮT KHỐI BỂ XỬ LÝ 4-4, A-A, B-B	TXL-CN-007	KTL	A3	
9	MẶT CẮT KHỐI BỂ XỬ LÝ C-C, D-D, E-E, F-F, G-G	TXL-CN-008	KTL	A3	
10	CHI TIẾT NHÀ ĐIỀU HÀNH	TXL-CN-009	KTL	A3	
11	CHI TIẾT BỂ THU GOM	TXL-CN-010	KTL	A3	
12	MẶT BẰNG VÀ MẶT ĐỨNG NHÀ ĐIỀU HÀNH	TXL-CN-011	KTL	A3	
13	MẶT ĐỨNG NHÀ ĐIỀU HÀNH	TXL-CN-012	KTL	A3	
14	MẶT CẮT NHÀ ĐIỀU HÀNH	TXL-CN-013	KTL	A3	

CHỦ ĐẦU TƯ

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ PHỤ DỤC

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ



359 COMPANY

CÔNG TY CP TƯ VẤN THIẾT KẾ
VÀ XÂY DỰNG 359

Địa chỉ : LÔ 34 - NV4, TÔ 2, PHƯỜNG HOÀNG DIỆU
THÀNH PHỐ THÁI BÌNH

TEL : 0966.886.793
Email : tuvanthietke359@gmail.com

CÔNG TRÌNH:

XÂY DỰNG HẠ TẦNG KHU DÂN CƯ NĂM THÀNH
XÃ AN NINH, HUYỆN QUỲNH PHỤ

HẠNG MỤC:

TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI

GIÁM ĐỐC



KS: ĐÀM THỊ MẾN

CHỦ NHIỆM DỰ ÁN:



KS: TÔ ANH TUẤN

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ:



KS: ĐẶNG NGỌC MINH

THIẾT KẾ



KS: ĐẶNG VĂN HOÀNG

KIỂM TRA BẢN VẼ



KS: ĐẶNG NGỌC MINH

TÊN BẢN VẼ

DANH MỤC BẢN VẼ

GIẢI ĐOẠN: LẬP BÁO CÁO NGKT

PHÁT HÀNH NĂM 2025

TỈ LỆ	KÝ HIỆU BẢN VẼ
SCALE: 0/1	DMBV-001

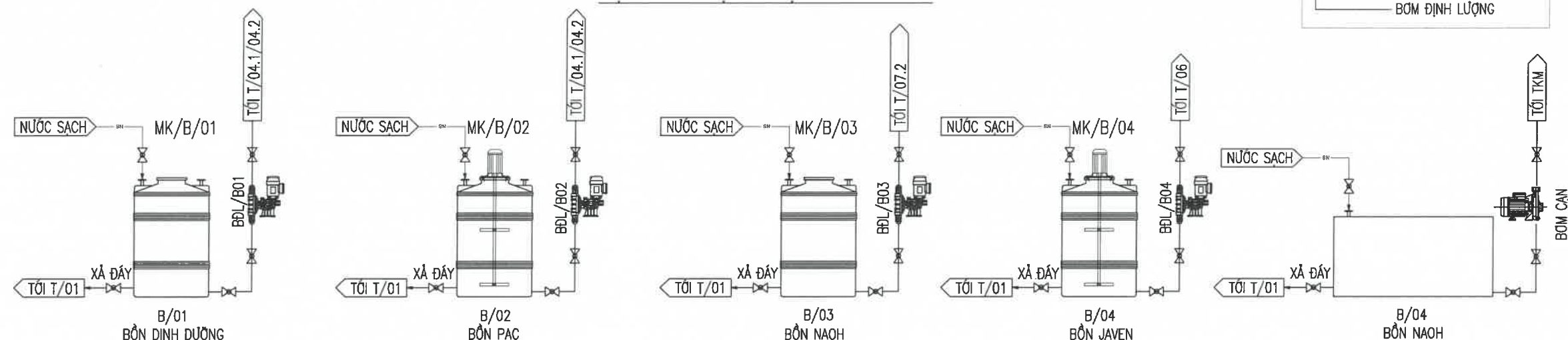
[illegible]

STT	KÝ HIỆU	CHÚ THÍCH	STT	KÝ HIỆU	CHÚ THÍCH	STT	KÝ HIỆU	CHÚ THÍCH	STT	KÝ HIỆU	CHÚ THÍCH	STT	KÝ HIỆU	CHÚ THÍCH
		ĐƯỜNG NƯỚC THẢI			ĐƯỜNG NƯỚC TUẦN HOÀN			VAN MỘT CHIỀU LÁ LẬT			THIẾT BỊ ĐO DO			TRỤC CÁCH KHUẤY HÓA CHẤT
		ĐƯỜNG CẤP KHÍ			ĐƯỜNG NƯỚC SẠCH			KHỚP NỐI MỀM CAO SU			BƠM ĐỊNH LƯỢNG			BLC BÌNH LỌC CÁT (CỘT LỌC ÁP LỰC)
		ĐƯỜNG Bùn THẢI			ĐƯỜNG XẢ RÁC			BƠM CHÌM			ĐỒNG HỒ ĐO LƯU LƯỢNG			
		ĐƯỜNG Bùn			ĐƯỜNG XẢ DẦU MỠ			MÁY THỔI KHÍ ĐẠT CẠN			ĐĨA PHÂN PHỐI KHÍ			
		ĐƯỜNG Bùn TUẦN HOÀN			ĐƯỜNG XẢ CÁT			ĐỘNG CƠ KHUẤY			ỐNG PHÂN PHỐI KHÍ			
		ĐƯỜNG NƯỚC THẢI CHẢY TRẦN			VAN BƠM KẾT NỐI KIỂU KẸP			THIẾT BỊ ĐO MỨC NƯỚC			MĂNG THU NƯỚC			
		ĐƯỜNG HÓA CHẤT			VAN BỊ KẾT NỐI REN, DÁN KEO			THIẾT BỊ ĐO PH			ỐNG PHÂN PHỐI NƯỚC			

CR : RỌ CHẦN RẮC LS : PHAO BÁO MỨC NƯỚC P : BƠM NƯỚC, BÙN ĐẶT CHÌM TCR: THÙNG CHỨA CHẤT THẢI	FM: THIẾT BỊ ĐO LƯU LƯỢNG MK: THIẾT BỊ KHUẤY TRỘN KC: MÁY KHUẤY CHÌM PH: THIẾT BỊ ĐO PH MTK: MÁY THỔI KHÍ	DO: THIẾT BỊ ĐO DO ĐVS: ĐỆM VI SINH QH: QUẠT HÚT MÙI T/01: BỂ THU GOM NƯỚC THẢI T/02: BỂ LẮNG CÁT, TÁCH DẦU MỠ	T/03: BỂ ĐIỀU HÒA T/04.1/04.2: BỂ THIẾU KHÍ 1,2 T/05.1/05.2: BỂ HIẾU KHÍ 1,2 T/06.1: BỂ LẮNG T/06.2: NGẮN BƠM BÙN DƯ, TUẦN HOÀN	T/07: BỂ KHỬ TRÙNG T/08: BỂ CHỨA BÙN TKM: THÁP KHỬ MÙI ARS/A/B: MÁY THỔI KHÍ BỂ ĐIỀU HÒA ARS/C/D: MÁY THỔI KHÍ BỂ HIẾU KHÍ
---	---	--	---	--

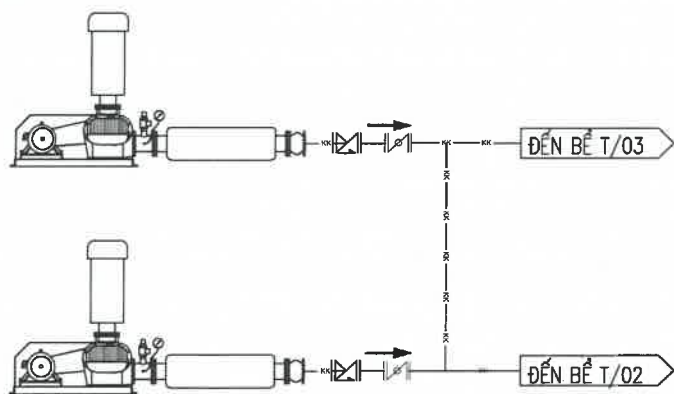
TXL-CN-001

SƠ ĐỒ DÂY CHUYỀN CÔNG NGHỆ AO

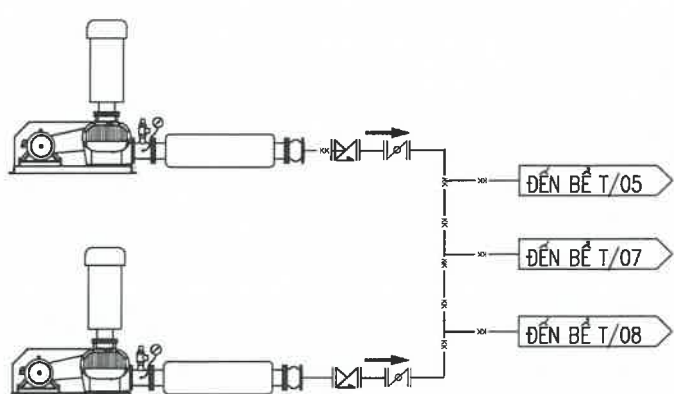


HỆ THỐNG CẤP KHÍ

MÁY THỔI KHÍ
ARS/A/B



MÁY THỔI KHÍ
ARS/C/D

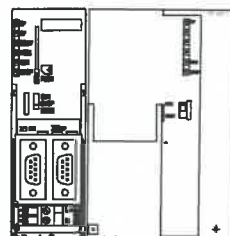


SƠ ĐỒ KHỐI ĐIỀU KHIỂN TỰ ĐỘNG

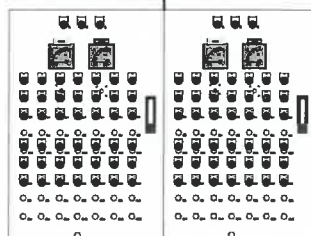
HỆ THỐNG THIẾT BỊ CHẤP HÀNH

MÁY BƠM	MÁY THỔI KHÍ	MÁY KHUẤY	BƠM ĐỊNH LƯỢNG	VAN PHAO
MÁY KHUẤY CHÌM	THIẾT BỊ ĐO	CÁC THIẾT BỊ ĐIỆN KHÁC		

TRẠM PLC



TỦ ĐIỆN ĐIỀU KHIỂN



CHỦ ĐẦU TƯ

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ PHỤ DỤC

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ

359 COMPANY
CÔNG TY CP TƯ VẤN THIẾT KẾ
VÀ XÂY DỰNG 359
ĐỊA CHỈ : LÔ 34 - NM4, TỔ 2, PHƯỜNG HOÀNG DIỆU
THÀNH PHỐ THÁI BÌNH
TEL : 0966.886.793
Email : tuvanthietke359@gmail.com

CÔNG TRÌNH:

XÂY DỰNG HẠ TẦNG KHU DÂN CƯ NĂM THÀNH
XÃ AN NINH, HUYỆN QUỲNH PHỤ

HẠNG MỤC:

TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI

GIÁM ĐỐC

KS: ĐÀM THỊ MẾN

CHỦ NHIỆM DỰ ÁN:

KS: TÔ ANH TUẤN

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ:

KS: ĐẶNG NGỌC MINH

THIẾT KẾ

KS: ĐẶNG VĂN HOÀNG

KIỂM TRA BẢN VẼ

KS: ĐẶNG NGỌC MINH

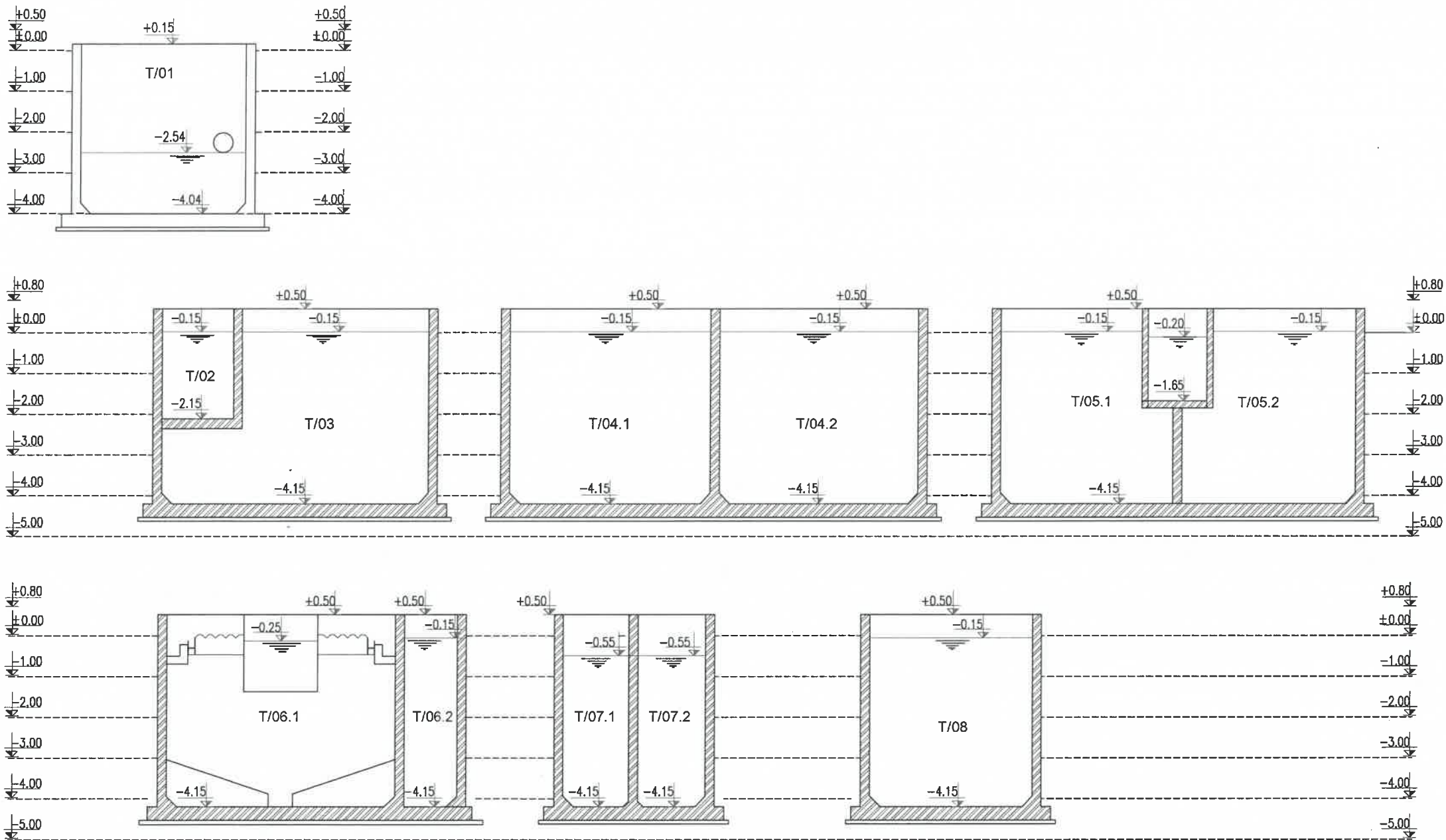
TÊN BẢN VẼ

GIẢI ĐOẠN: LẬP BÁO CÁO NCKT

PHÁT HÀNH NĂM 2025

TỈ LỆ KÝ HIỆU BẢN VẼ
SCALE/FIT TXL-CN-002

SƠ ĐỒ CAO TRÌNH CÔNG NGHỆ



T/01: BỂ THU GOM NƯỚC THẢI T/02: BỂ LẮNG CÁT, TÁCH DẦU MỖ T/03: BỂ ĐIỀU HÒA	T/04.1/04.2: BỂ THIẾU KHÍ T/05.1/05.2: BỂ HIẾU KHÍ T/06.1: BỂ LẮNG	T/06.2: NGĂN BƠM Bùn DƯ, TUẦN HOÀN T/07: BỂ KHỬ TRÙNG T/08: BỂ CHỨA Bùn	COS ±0.00 ~ COS VÍA HÈ NHÀ PHỤ TRỢ ~ COS +17.2 COS ±0.00 BỂ THU GOM ~ COS +17.13
---	--	---	---

CHỦ ĐẦU TƯ

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ PHỤ DỤC

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ


359 COMPANY
CÔNG TY CP TƯ VẤN THIẾT KẾ
VÀ XÂY DỰNG 359
Địa chỉ: Lô 34 - NV4, Tổ 2, Phường Hoàng Diệu
Thành phố Thái Bình
TEL: 0966.886.793
Email: tuvanthietke359@gmail.com

CÔNG TRÌNH:

XÂY DỰNG HẠ TẦNG KHU DÂN CƯ NĂM THÀNH
XÃ AN NINH, HUYỆN QUỲNH PHỤ

HẠNG MỤC:

TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI

GIÁM ĐỐC


KS: ĐAM THỊ MẾN

CHỦ NHIỆM DỰ ÁN:


KS: TÔ ANH TUẤN

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ:


KS: ĐẶNG NGỌC MINH

THIẾT KẾ


KS: ĐẶNG VĂN HOÀNG

KIỂM TRA BẢN VẼ


KS: ĐẶNG NGỌC MINH

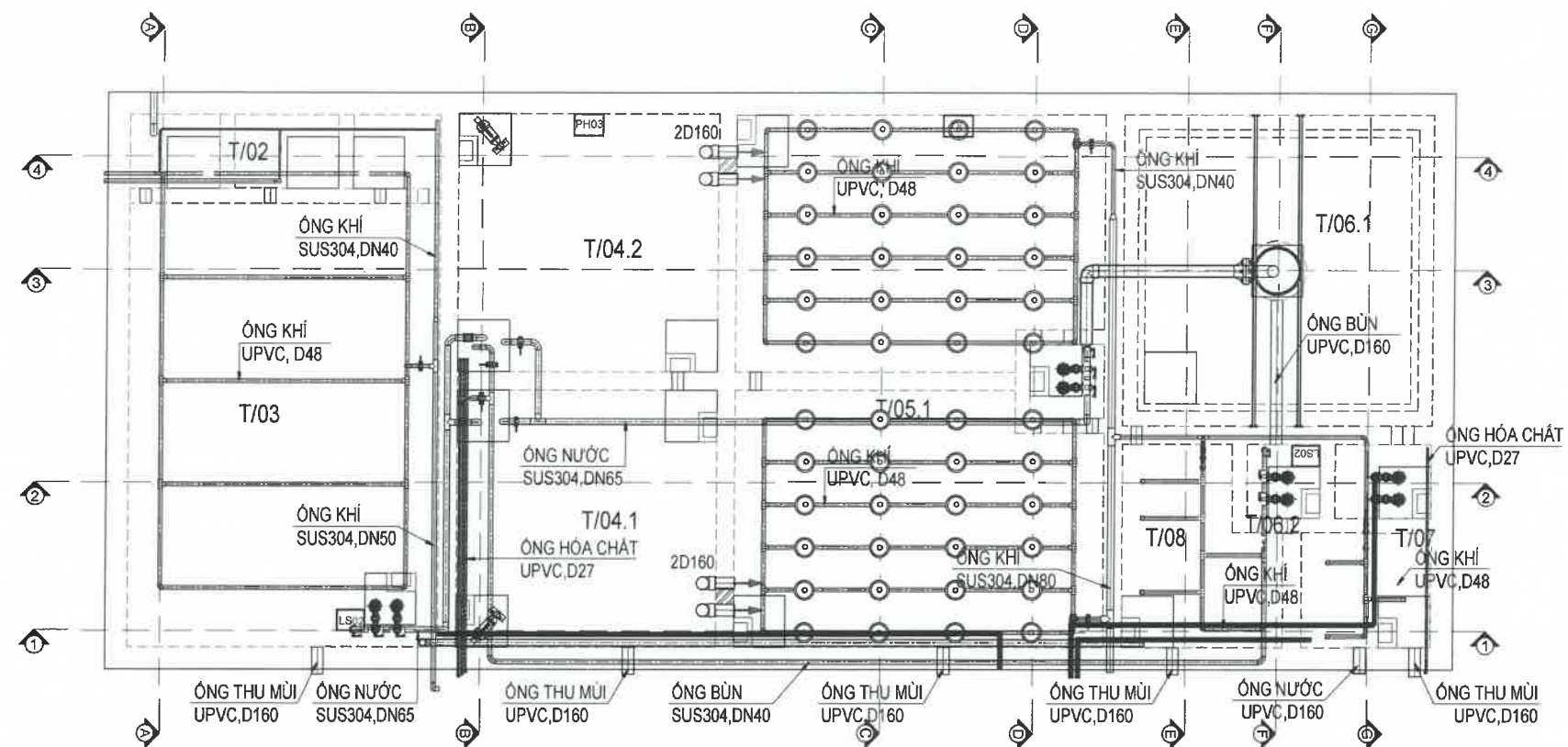
TÊN BẢN VẼ

GIẢI ĐOẠN: LẬP BÁO CÁO NCKT

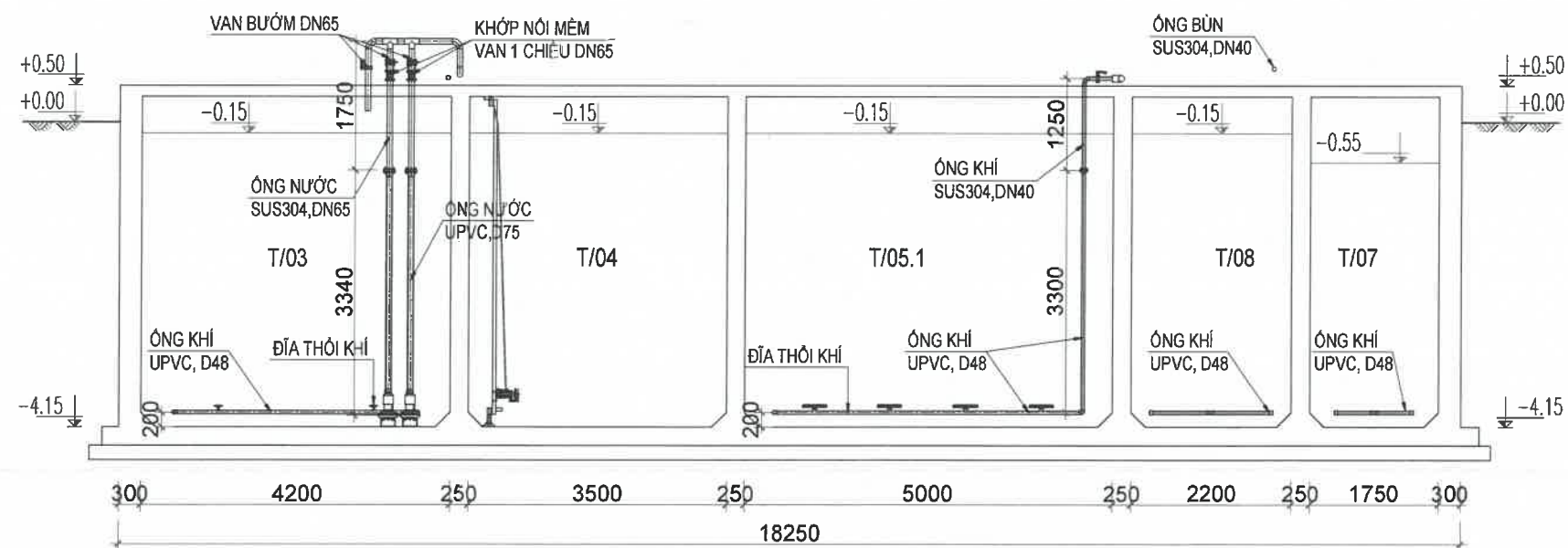
PHÁT HÀNH NĂM 2025

TỈ LỆ
SCALE: 1:100
KÝ HIỆU BẢN VẼ
TXL-CN-003

MẶT CẮT KHỐI BỂ XỬ LÝ



MẶT CẮT 1-1



T/01: BỂ THU NƯỚC THẢI ĐẦU VÀO
T/02: BỂ LẮNG CÁT, TÁCH DẦU MỠ
T/03: BỂ ĐIỀU HÒA
T/04: BỂ THIẾU KHÍ
T/05.1/05.2: BỂ HIẾU KHÍ
T/06.1: BỂ LẮNG SINH HỌC
T/06.2: NGĂN BƠM Bùn DƯ, TUẦN HOÀN
T/07: BỂ KHỬ TRÙNG
T/08: BỂ CHỨA Bùn

CHỦ ĐẦU TƯ

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ PHỤ DỤC

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ



359 COMPANY
CÔNG TY CP TƯ VẤN THIẾT KẾ
VÀ XÂY DỰNG 359

Địa chỉ: Lô 34 - NV4, Tổ 2, Phường Hoàng Diệu
Thị trấn Thái Bình
TEL: 0966.886.793
Email: tuvanthietke359@gmail.com

CÔNG TRÌNH:

XÂY DỰNG HẠ TẦNG KHU DÂN CƯ NĂM THÀNH
XÃ AN NINH, HUYỆN QUỲNH PHỤ

HẠNG MỤC:

TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI

GIÁM ĐỐC

[Signature]

KS: ĐÀM THỊ MẾN

CHỦ NHIỆM DỰ ÁN:

[Signature]

KS: TÔ ANH TUẤN

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ:

[Signature]

KS: ĐẶNG NGỌC MINH

THIẾT KẾ

[Signature]

KS: ĐẶNG VĂN HOÀNG

Kiểm tra bản vẽ

[Signature]

KS: ĐẶNG NGỌC MINH

Tên bản vẽ

MẶT BẰNG CỤM BỂ XLNT
HỢP KHỐI, MẶT CẮT 1-1

GIẢI ĐOẠN: LẬP BÁO CÁO NCKT

PHÁT HÀNH NĂM 2025

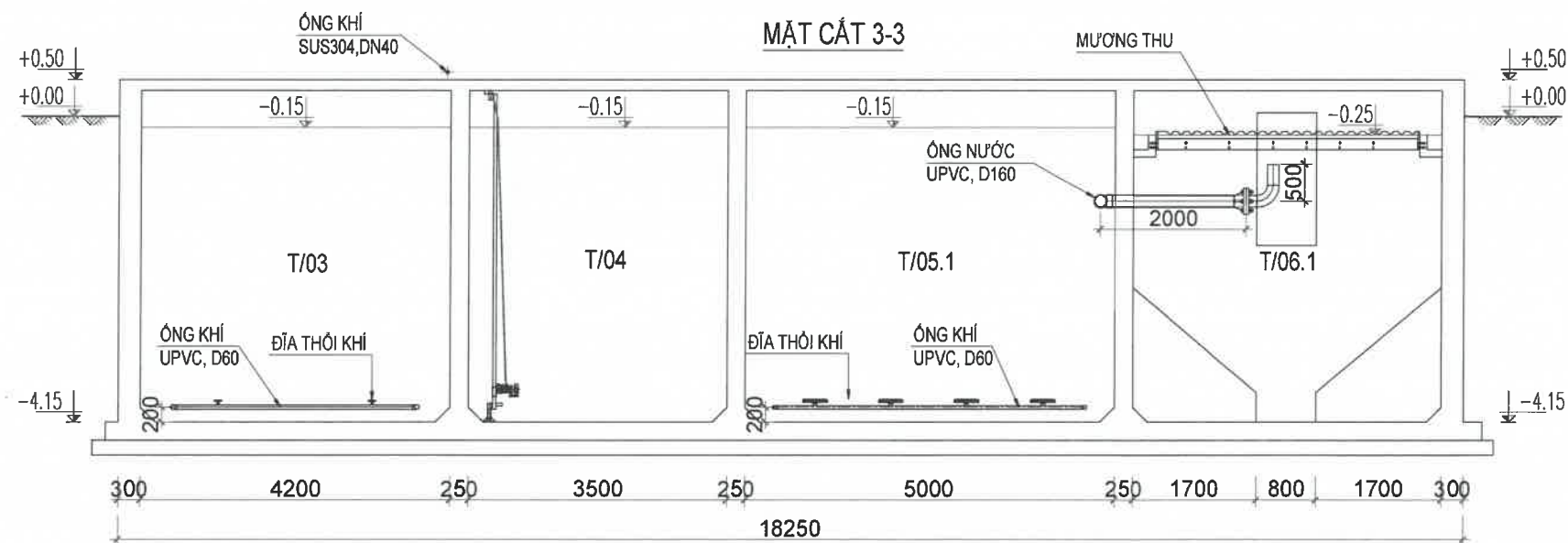
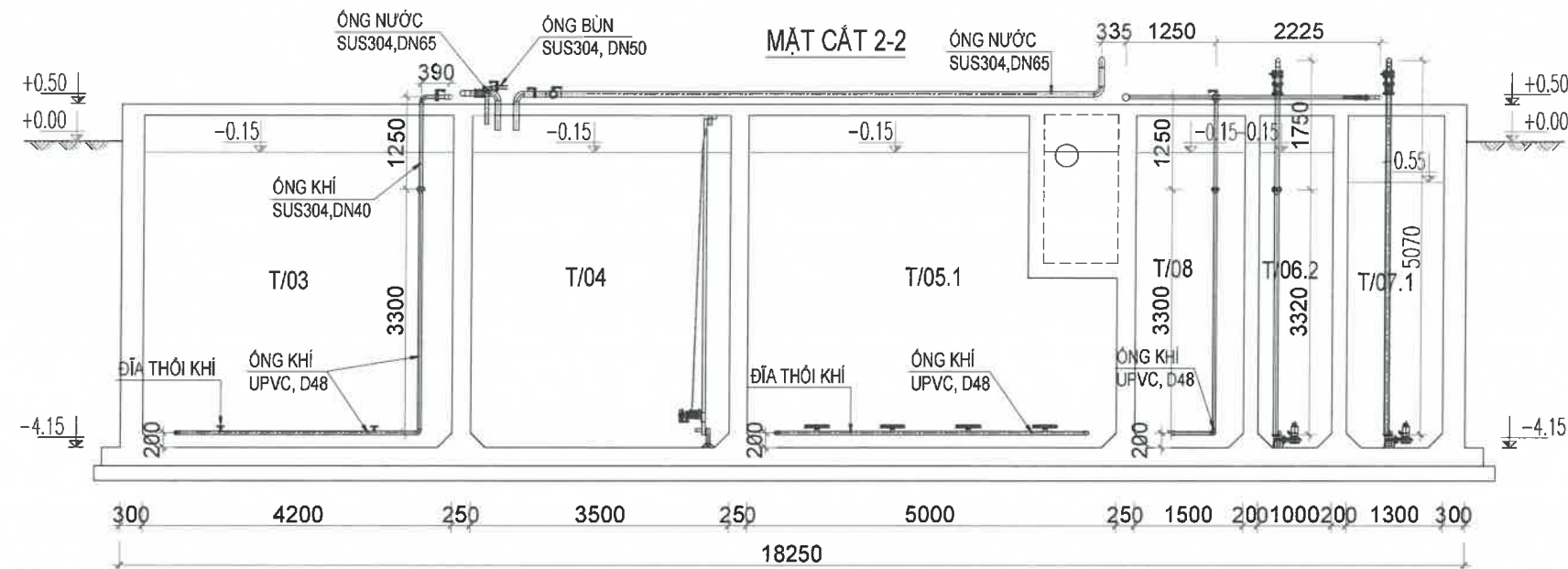
Tỉ lệ

Ký hiệu bản vẽ

SCALE: 1/50

TXL-CN-005

MẶT CẮT KHỐI BỂ XỬ LÝ



T/01: BỂ THU NƯỚC THẢI ĐẦU VÀO
T/02: BỂ LẮNG CÁT, TÁCH DẦU MỠ

T/03: BỂ ĐIỀU HÒA
T/04: BỂ THIẾU KHÍ

T/05.1/05.2: BỂ HIẾU KHÍ
T/06.1: BỂ LẮNG SINH HỌC

T/06.2: NGĂN BƠM BÙN DƯ, TUẦN HOÀN
T/07: BỂ KHỬ TRÙNG

T/07: BỂ KHỬ TRÙNG
T/08: BỂ CHỨA BÙN

CHỦ ĐẦU TƯ

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ PHỤ DỤC

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ



359 COMPANY
CÔNG TY CP TƯ VẤN THIẾT KẾ
VÀ XÂY DỰNG 359

ĐỊA CHỈ: LÔ 34 - NG4, TÔ 2, PHƯỜNG HOÀNG DIỆU
THÀNH PHỐ THÁI BÌNH
TEL: 0966.886.793
Email: tuvanthietke359@gmail.com

CÔNG TRÌNH:

XÂY DỰNG HẠ TẦNG KHU DÂN CƯ NĂM THÀNH
XÃ AN NINH, HUYỆN QUỲNH PHỤ

HẠNG MỤC:

TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI

GIÁM ĐỐC

[Signature]

KS: ĐÀM THỊ MẾN

CHỦ NHIỆM DỰ ÁN:

[Signature]

KS: TÔ ANH TUẤN

CHỦ TRÍ THIẾT KẾ:

[Signature]

KS: ĐẶNG NGỌC MINH

THIẾT KẾ

[Signature]

KS: ĐẶNG VĂN HOÀNG

KIỂM TRA BẢN VẼ

[Signature]

KS: ĐẶNG NGỌC MINH

TÊN BẢN VẼ

MẶT CẮT KHỐI BỂ XỬ LÝ 2-2, 3-3

GIẢI ĐOẠN: LẬP BÁO CÁO NCKT

PHÁT HÀNH NĂM 2025

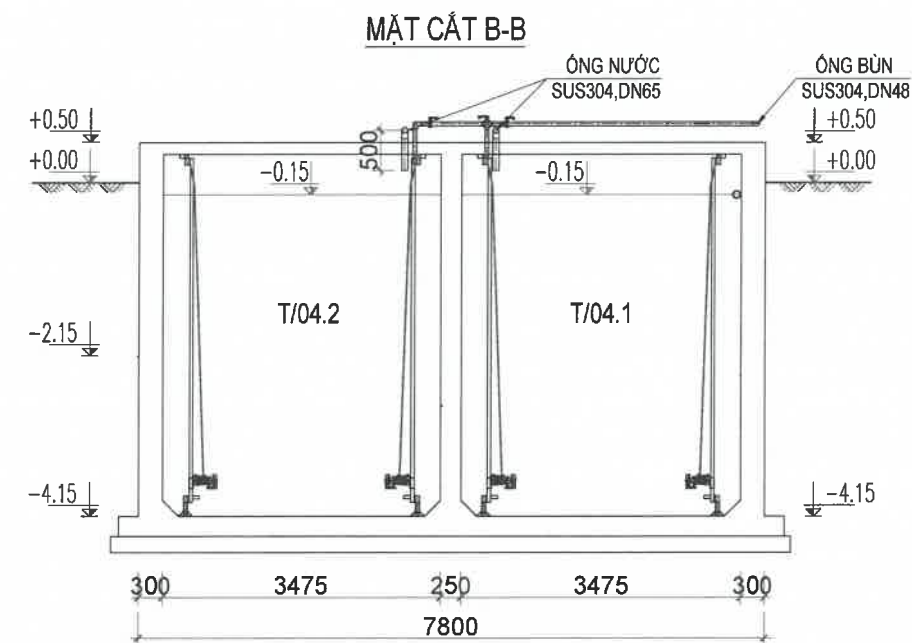
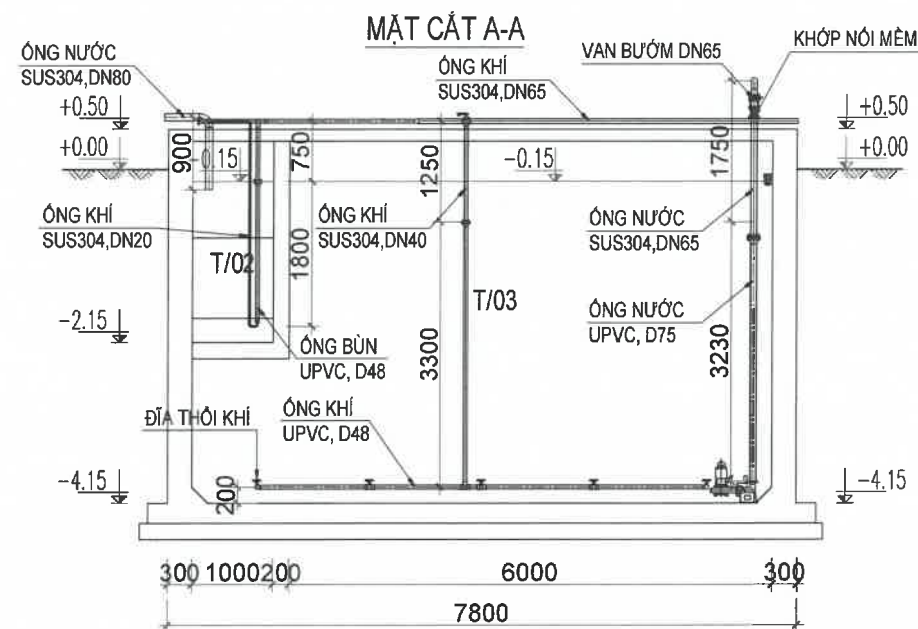
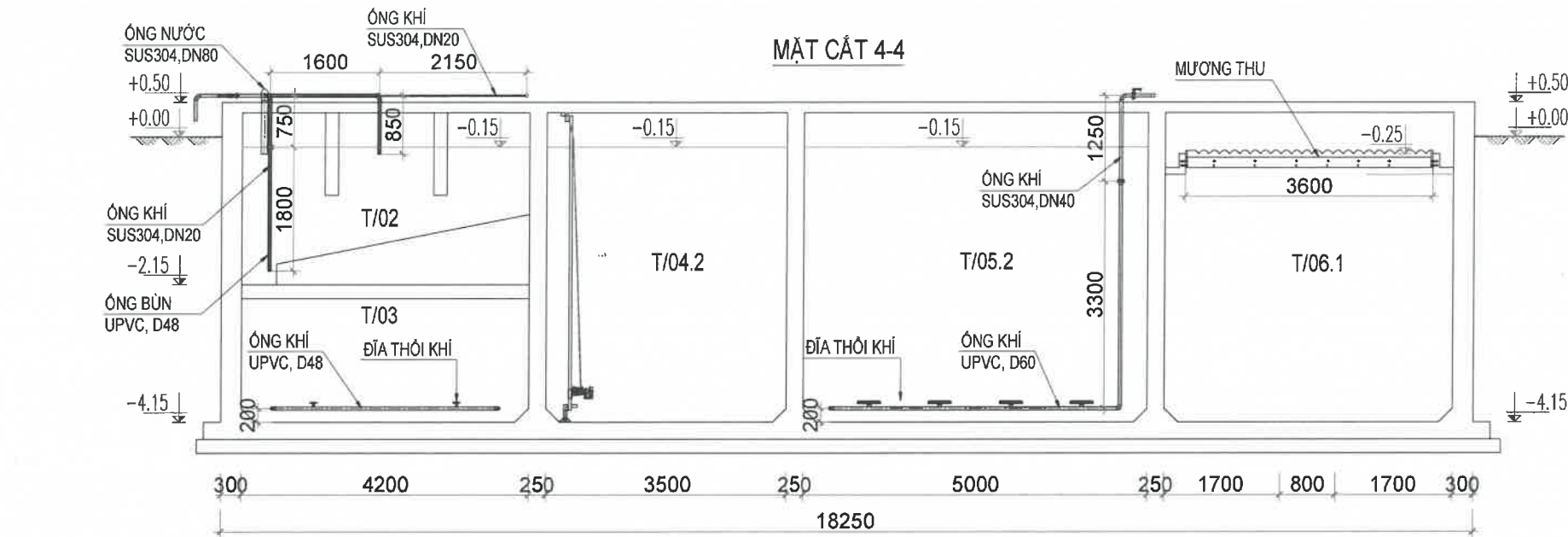
TỈ LỆ

KÝ HIỆU BẢN VẼ

SCALE: 1/50

TXL-CN-006

MẶT CẮT KHỐI BỂ XỬ LÝ



T/01: BỂ THU NƯỚC THẢI ĐẦU VÀO
T/02: BỂ LẮNG CÁT, TÁCH DẦU MỠ

T/03: BỂ ĐIỀU HÒA
T/04: BỂ THIẾU KHÍ

T/05.1/05.2: BỂ HIẾU KHÍ
T/06.1: BỂ LẮNG SINH HỌC

T/06.2: NGĂN BƠM Bùn DƯ, TUẦN HOÀN
T/07: BỂ KHỬ TRÙNG

T/07: BỂ KHỬ TRÙNG
T/08: BỂ CHỨA Bùn

CHỦ ĐẦU TƯ

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ PHỤ DỤC

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ



359 COMPANY
CÔNG TY CP TƯ VẤN THIẾT KẾ
VÀ XÂY DỰNG 359

Địa chỉ: Lô 34 - NV4, Tổ 2, Phường Hoàng Diệu
Thị trấn Thái Bình
TEL: 0966.886.793
Email: tuvanthietke359@gmail.com

CÔNG TRÌNH:

XÂY DỰNG HẠ TẦNG KHU DÂN CƯ NĂM THÀNH
XÃ AN NINH, HUYỆN QUỲNH PHỤ

HẠNG MỤC:

TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI

GIÁM ĐỐC

[Signature]

KS: ĐÀM THỊ MẾN

CHỦ NHIỆM DỰ ÁN:

[Signature]

KS: TÔ ANH TUẤN

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ:

[Signature]

KS: ĐẶNG NGỌC MINH

THIẾT KẾ

[Signature]

KS: ĐẶNG VĂN HOÀNG

KIỂM TRA BẢN VẼ

[Signature]

KS: ĐẶNG NGỌC MINH

TÊN BẢN VẼ

MẶT CẮT KHỐI BỂ XỬ LÝ
MẶT CẮT 4-4, A-A, B-B

GIẢI ĐOẠN: LẬP BẢO CÁO NCKT

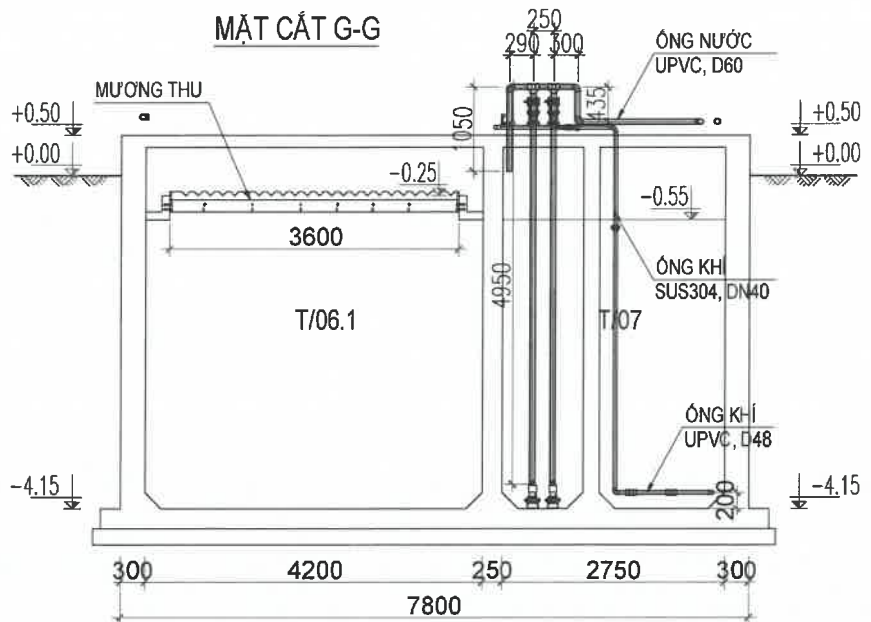
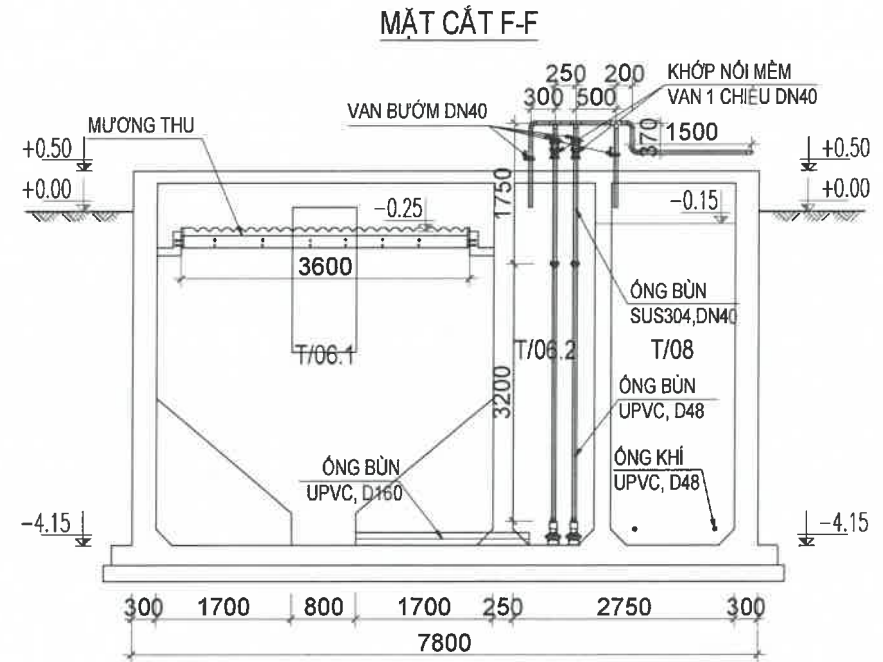
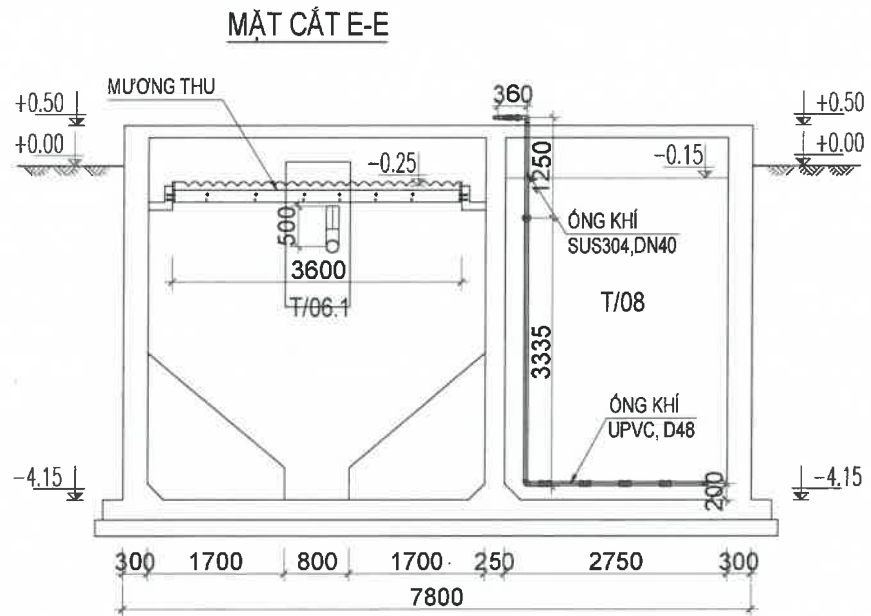
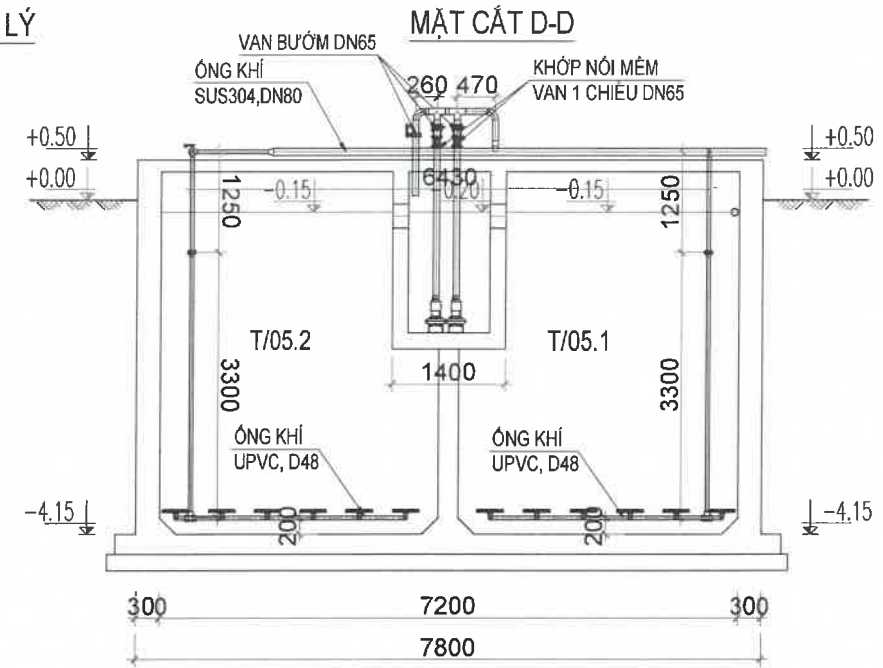
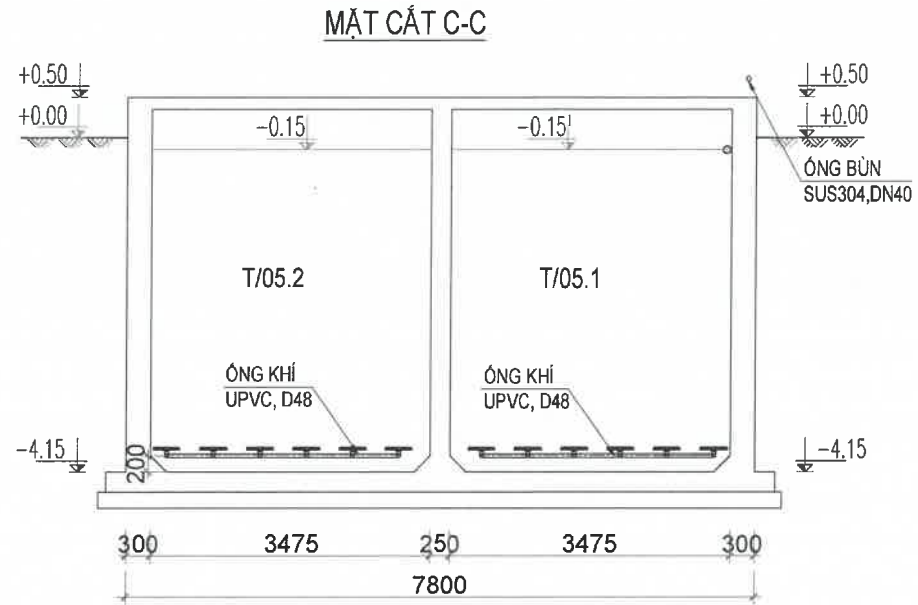
PHÁT HÀNH NĂM 2025

TỈ LỆ

SCALE TO FIT KÝ HIỆU BẢN VẼ

TXL-CN-007

MẶT CẮT KHỐI BỂ XỬ LÝ



CHỦ ĐẦU TƯ

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ PHỤ DỤC**

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ



359 COMPANY
CÔNG TY CP TƯ VẤN THIẾT KẾ
VÀ XÂY DỰNG 359

ĐỊA CHỈ: LÔ 34 - NV4, TỔ 2, PHƯỜNG HOÀNG DIỆU
THÀNH PHỐ THÁI BÌNH
TEL : 0966.886.793
Email : tuvanthietke359@gmail.com

CÔNG TRÌNH:

XÂY DỰNG HẠ TẦNG KHU DÂN CƯ NĂM THÀNH
XÃ AN NINH, HUYỆN QUỲNH PHỤ

HẠNG MỤC:

TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI

GIÁM ĐỐC

[Signature]

KS: ĐÀM THỊ MẾN

CHỦ NHIỆM DỰ ÁN:

[Signature]

KS: TÔ ANH TUẤN

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ:

Umk

KS: ĐẶNG NGỌC MINH

THIẾT KẾ

23

KS: ĐẶNG VĂN HOÀNG

KIỂM TRA BẢN VẼ

Umk

KS: ĐẶNG NGỌC MINH

TÊN BẢN VẼ

MẶT CẮT KHỐI BỀ XỬ LÝ
MẶT CẮT C-C, D-D, E-E, F-F, G-G

GIAI ĐOẠN: LẬP BÁO CÁO NCKT

PHÁT HÀNH NĂM 2025

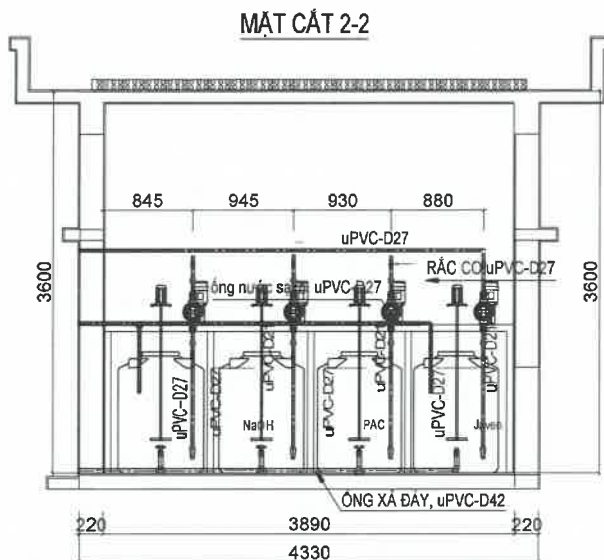
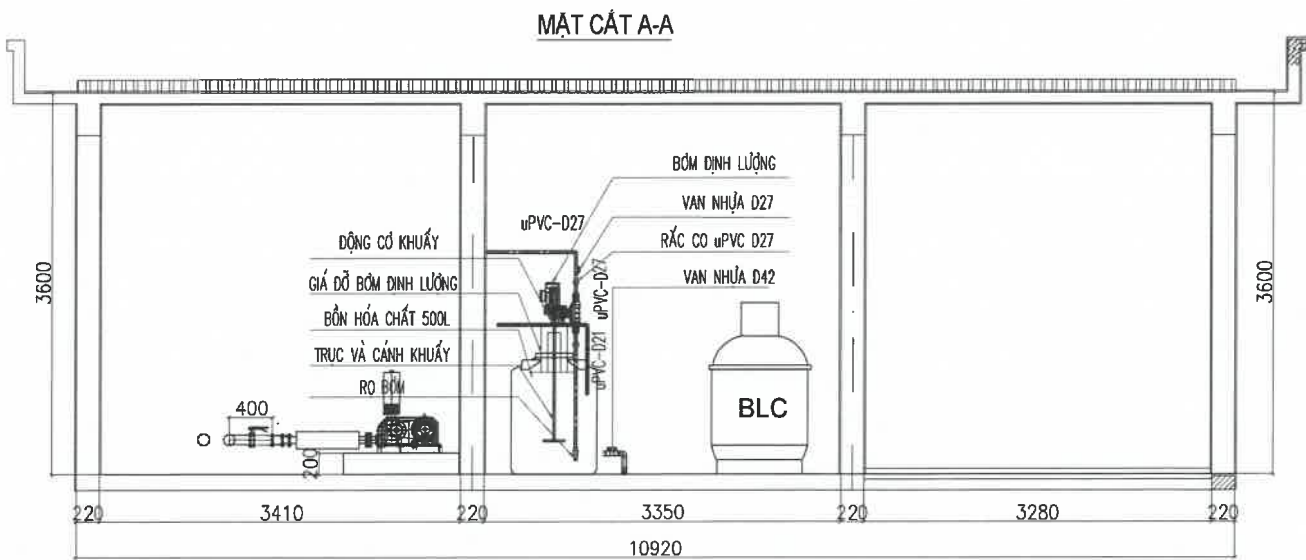
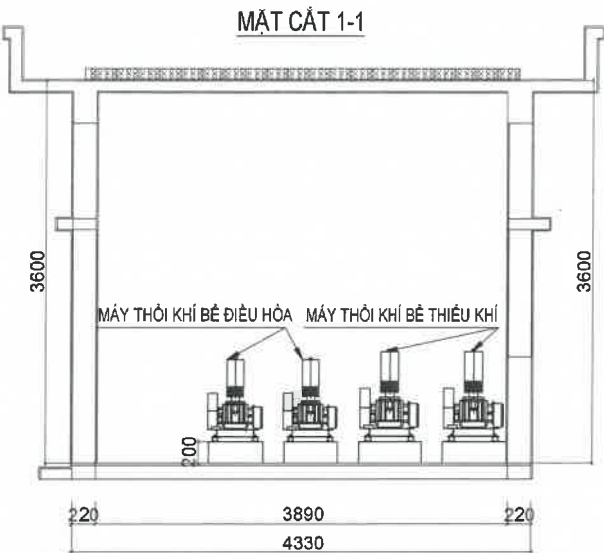
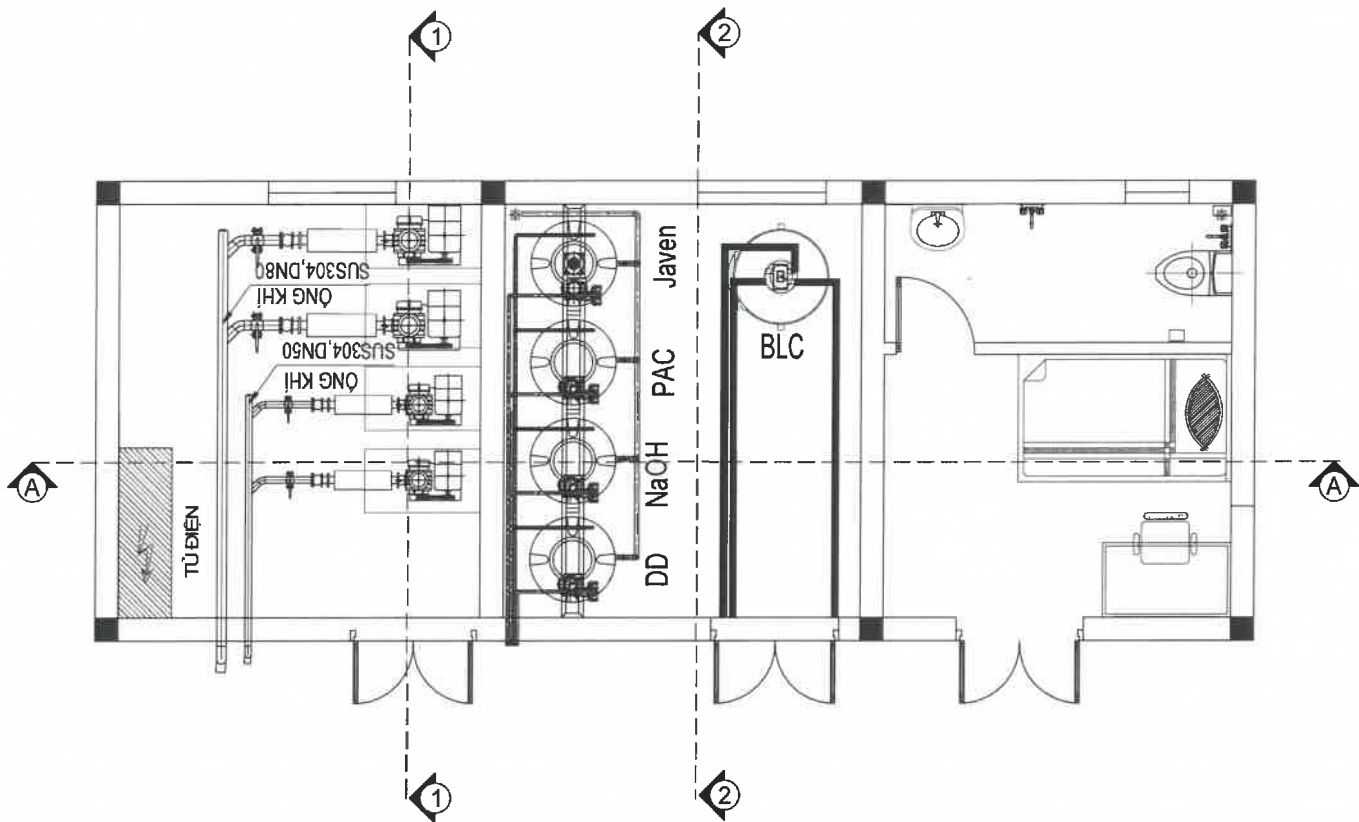
TILE

SCALE TO FIT

KÝ HIỆU BẢN VẼ

TXL-CN-008

MẶT CẮT NHÀ ĐIỀU HÀNH



CHỦ ĐẦU TƯ

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ PHỤ DỤC

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ



CÔNG TY CP TƯ VẤN THIẾT KẾ
VÀ XÂY DỰNG 359

ĐỊA CHỈ : LÔ 34 - NV4, TÔ 2, PHƯỜNG HOÀNG DIỆU
THÀNH PHỐ THÁI BÌNH
TEL : 0966.886.793
Email : tuvanthietke359@gmail.com

CÔNG TRÌNH:

XÂY DỰNG HẠ TẦNG KHU DÂN CƯ NĂM THÀNH
XÃ AN NINH, HUYỆN QUỲNH PHỤ

HẠNG MỤC:

TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI

GIÁM ĐỐC

KS: ĐAM THỊ MẾN

CHỦ NHIỆM DỰ ÁN:

KS: TÔ ANH TUẤN

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ:

KS: ĐẶNG NGỌC MINH

THIẾT KẾ

KS: ĐẶNG VĂN HOÀNG

KIỂM TRA BẢN VẼ

KS: ĐẶNG NGỌC MINH

TÊN BẢN VẼ

CHI TIẾT NHÀ VẬN HÀNH

GIẢI ĐOẠN: LẬP BẢO CÁO NCKT

PHÁT HÀNH NĂM 2025

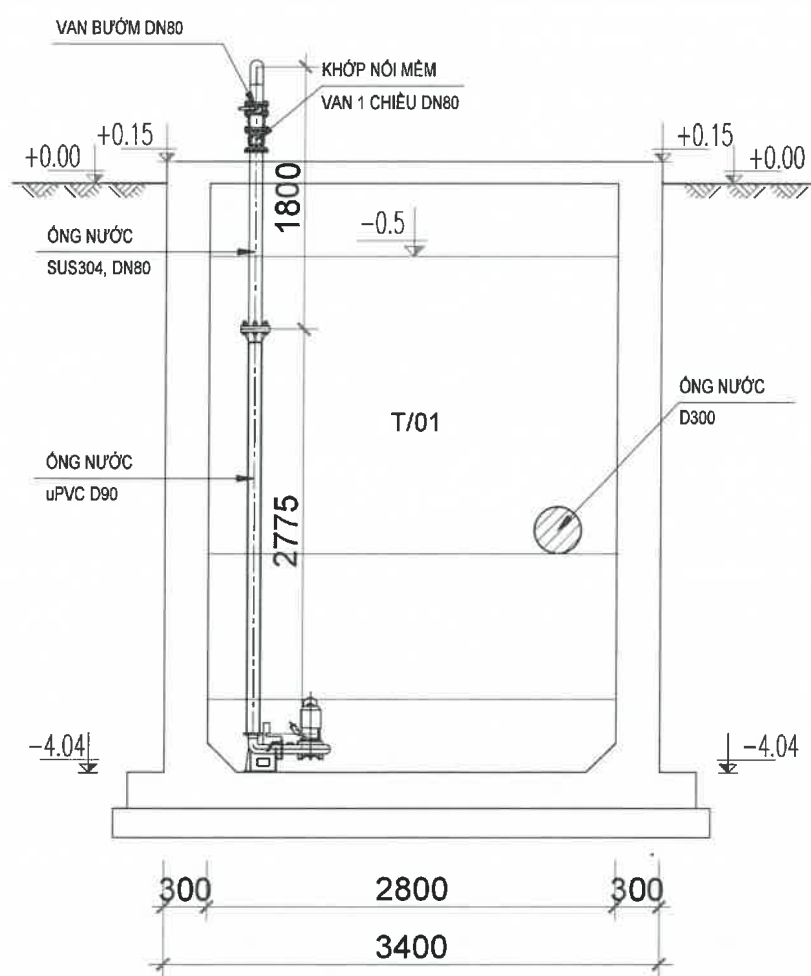
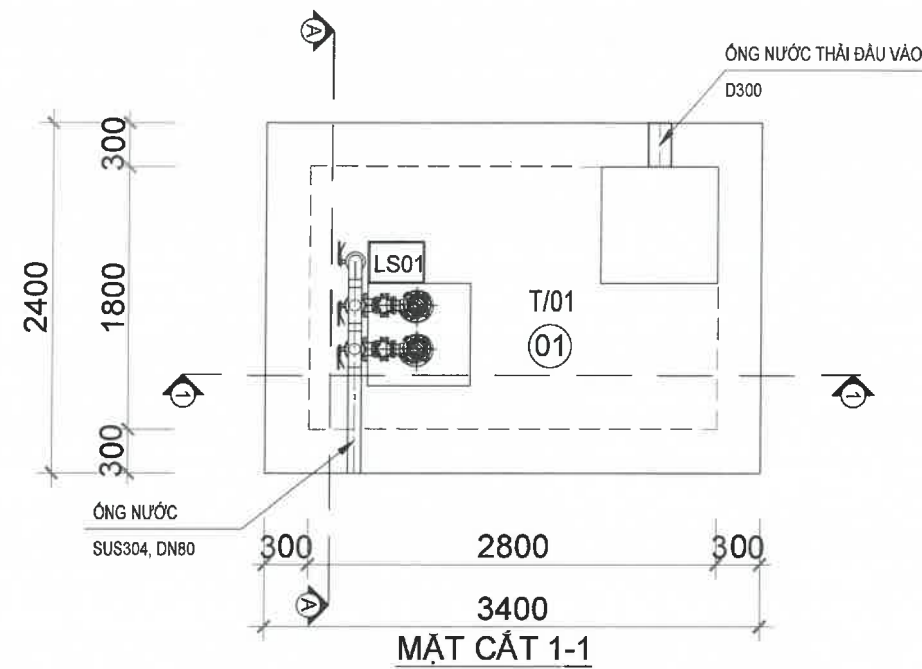
TỈ LỆ

KÝ HIỆU BẢN VẼ

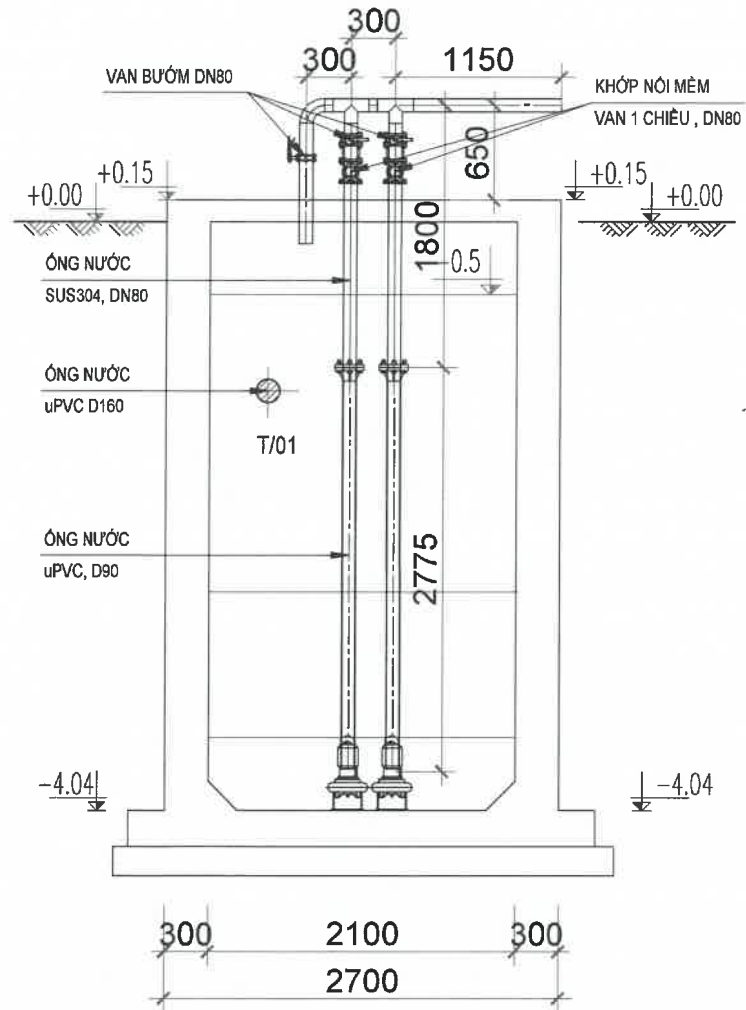
SCALE: 1/10

TXL-CN-009

MẶT CẮT BỂ THU GOM



MẶT CẮT A-A



CHỦ ĐẦU TƯ

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ PHỤ DỤC**

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ

359 COMPANY
**CÔNG TY CP TƯ VẤN THIẾT KẾ
VÀ XÂY DỰNG 359**
ĐỊA CHỈ: LÔ 34 - NH4, TỔ 2, PHƯỜNG HOÀNG DIỆU
THÀNH PHỐ THÁI BÌNH
TEL: 0966.886.793
Email: tuvanthietke359@gmail.com

CÔNG TRÌNH:

XÂY DỰNG HẠ TẦNG KHU DÂN CƯ NĂM THÀNH
XÃ AN NINH, HUYỆN QUỲNH PHỤ

HẠNG MỤC:

TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI

GIÁM ĐỐC

KS: ĐÀM THỊ MẾN
CHỦ NHIỆM DỰ ÁN:

KS: TÔ ANH TUẤN
CHỦ TRÌ THIẾT KẾ:

KS: ĐẶNG NGỌC MINH
THIẾT KẾ

KS: ĐẶNG VĂN HOÀNG
KIỂM TRA BẢN VẼ

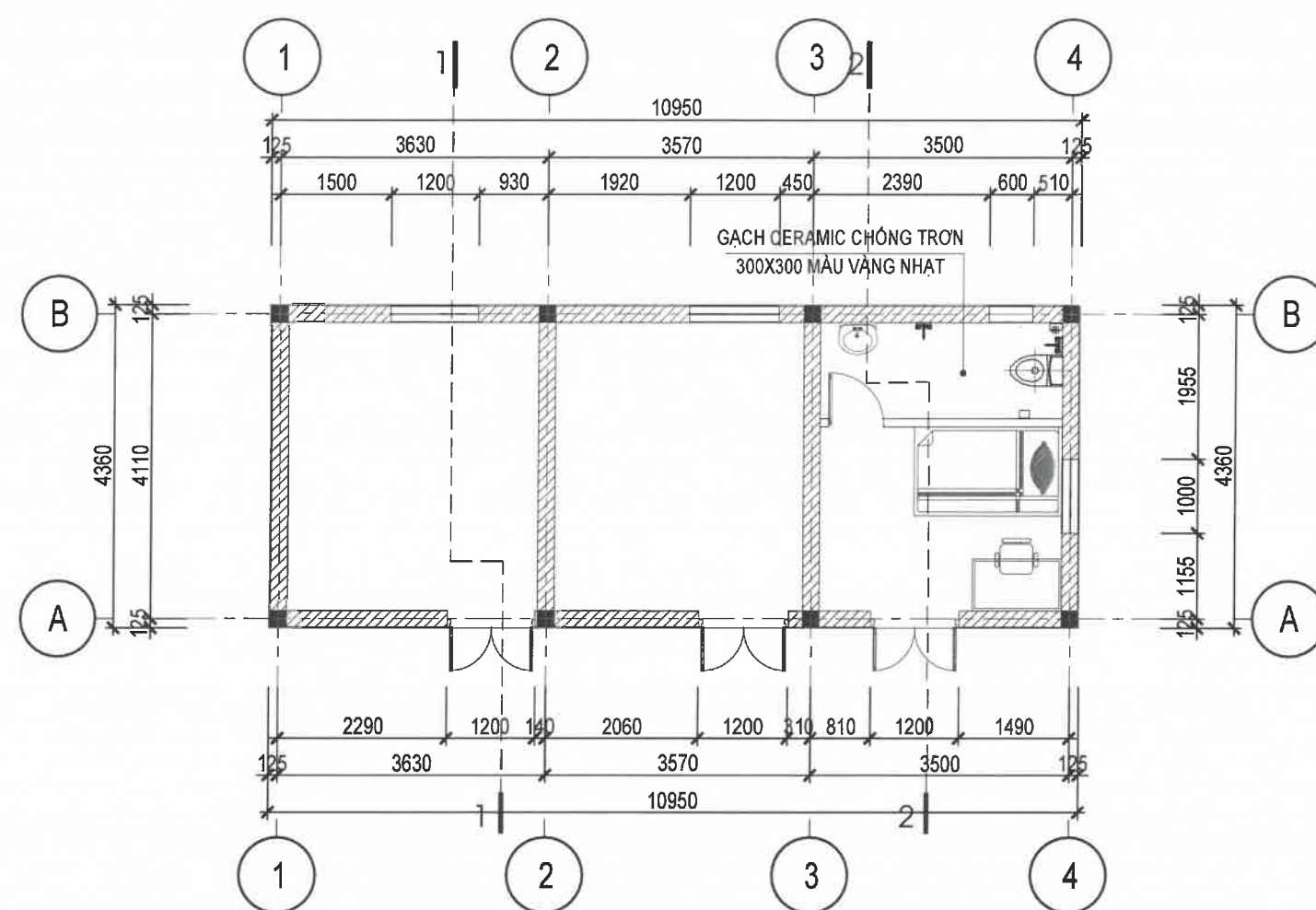
KS: ĐẶNG NGỌC MINH
TÊN BẢN VẼ

CHI TIẾT BỂ THU GOM

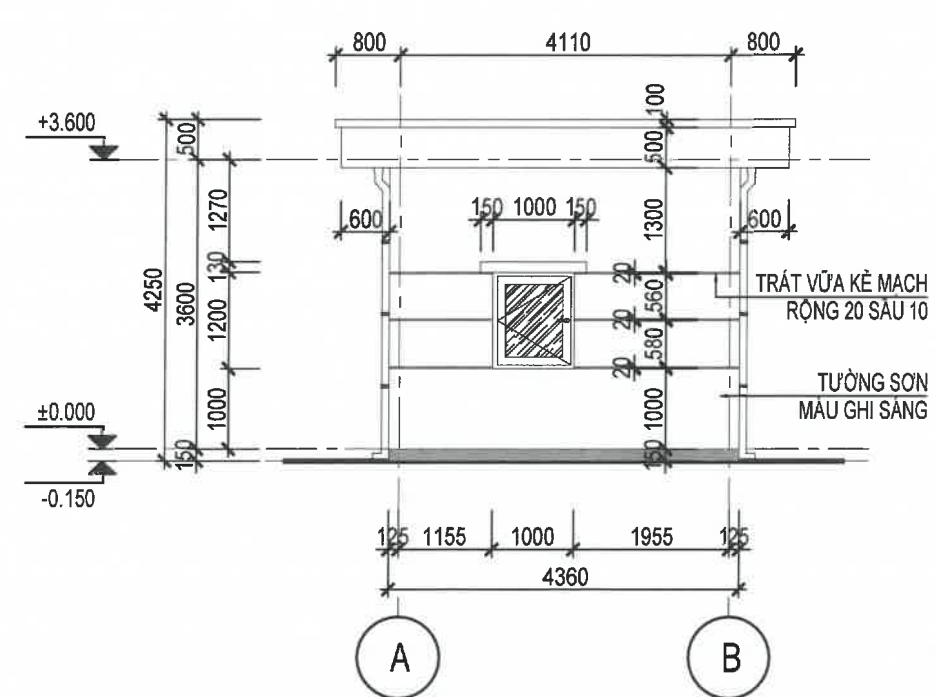
GIẢI ĐOẠN: LẬP BÁO CÁO NCKT

PHÁT HÀNH NĂM 2025

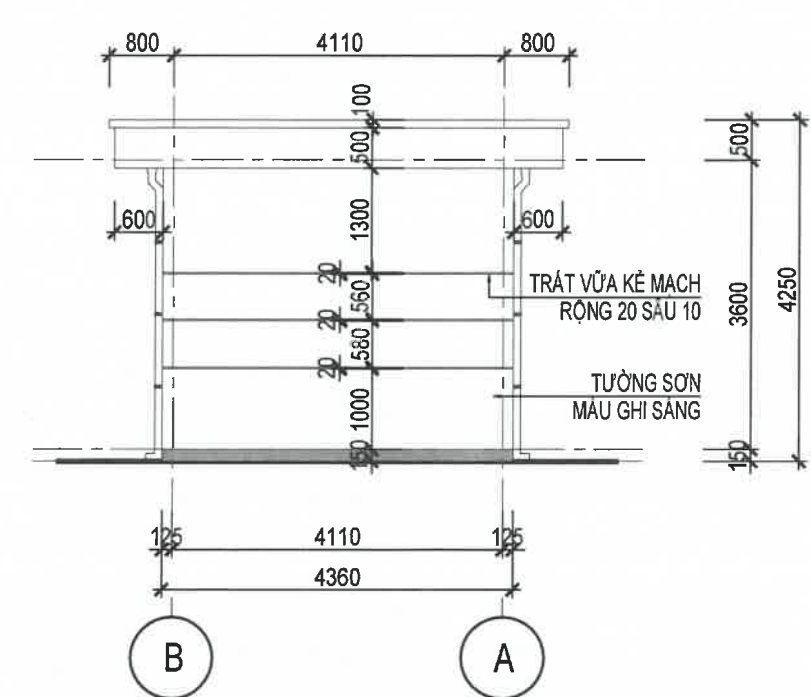
TỈ LỆ: KÝ HIỆU BẢN VẼ
SCALE: 010



MẶT BẰNG NHÀ ĐIỀU HÀNH



MẶT ĐỨNG TRỰC A-B



MẶT ĐỨNG TRỰC B-A

CHỦ ĐẦU TƯ

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ PHỤ DỤC

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ

359 COMPANY
CÔNG TY CP TƯ VẤN THIẾT KẾ
VÀ XÂY DỰNG 359
ĐỊA CHỈ: LÔ 34 - NV4, TỔ 2, PHƯỜNG HOÀNG DIỆU
THÀNH PHỐ THÁI BÌNH
TEL: 0966.886.793
Email: tuvanthietke359@gmail.com

CÔNG TRÌNH:

XÂY DỰNG HẠ TẦNG KHU DÂN CƯ NĂM THÀNH
XÃ AN NINH, HUYỆN QUỲNH PHỤ

HẠNG MỤC:

TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI

GIÁM ĐỐC

KS: ĐÀM THỊ MẾN

CHỦ NHIỆM DỰ ÁN:

KS: TÔ ANH TUẤN

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ:

KS: ĐẶNG NGỌC MINH

THIẾT KẾ

KS: ĐẶNG VĂN HOÀNG

KIỂM TRA BẢN VẼ

KS: ĐẶNG NGỌC MINH

TÊN BẢN VẼ

MẶT BẰNG VÀ MẶT ĐỨNG
NHÀ ĐIỀU HÀNH

GIẢI ĐOẠN: LẬP BÁO CÁO NCKT

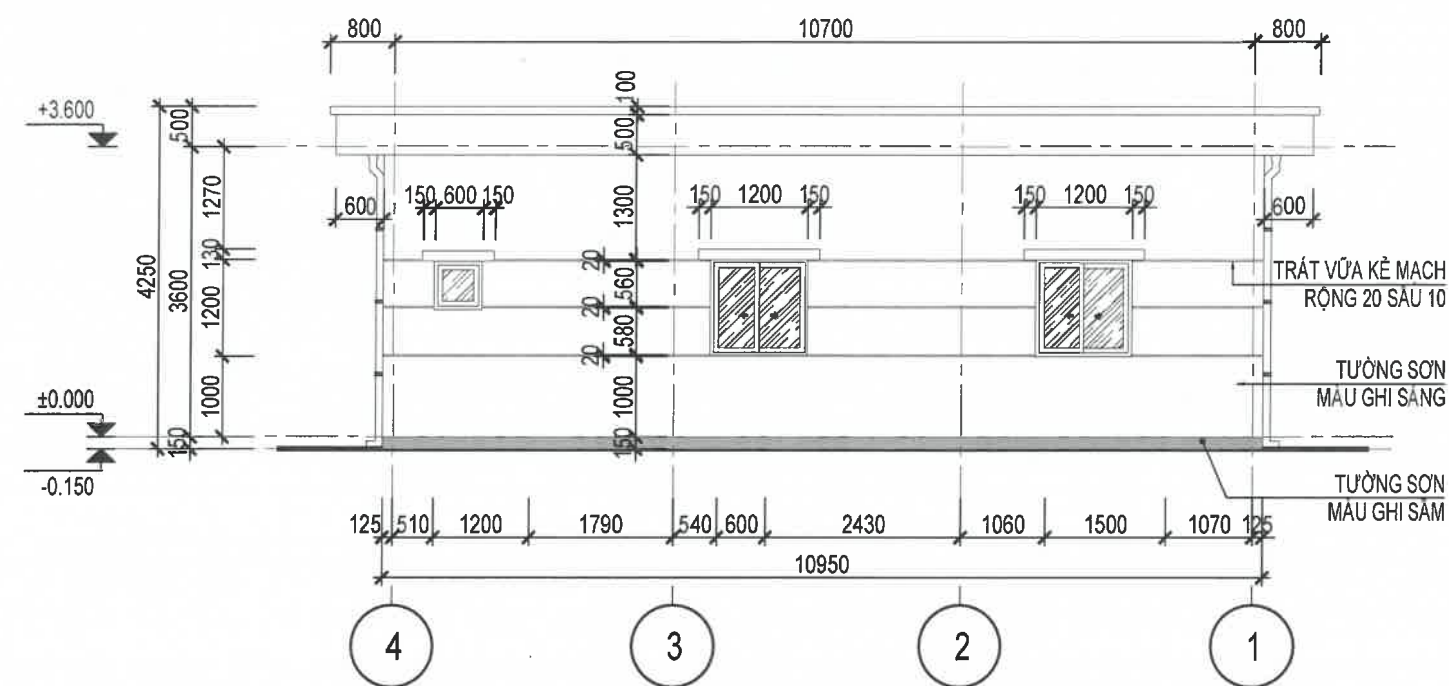
PHÁT HÀNH NĂM 2025

TỈ LỆ

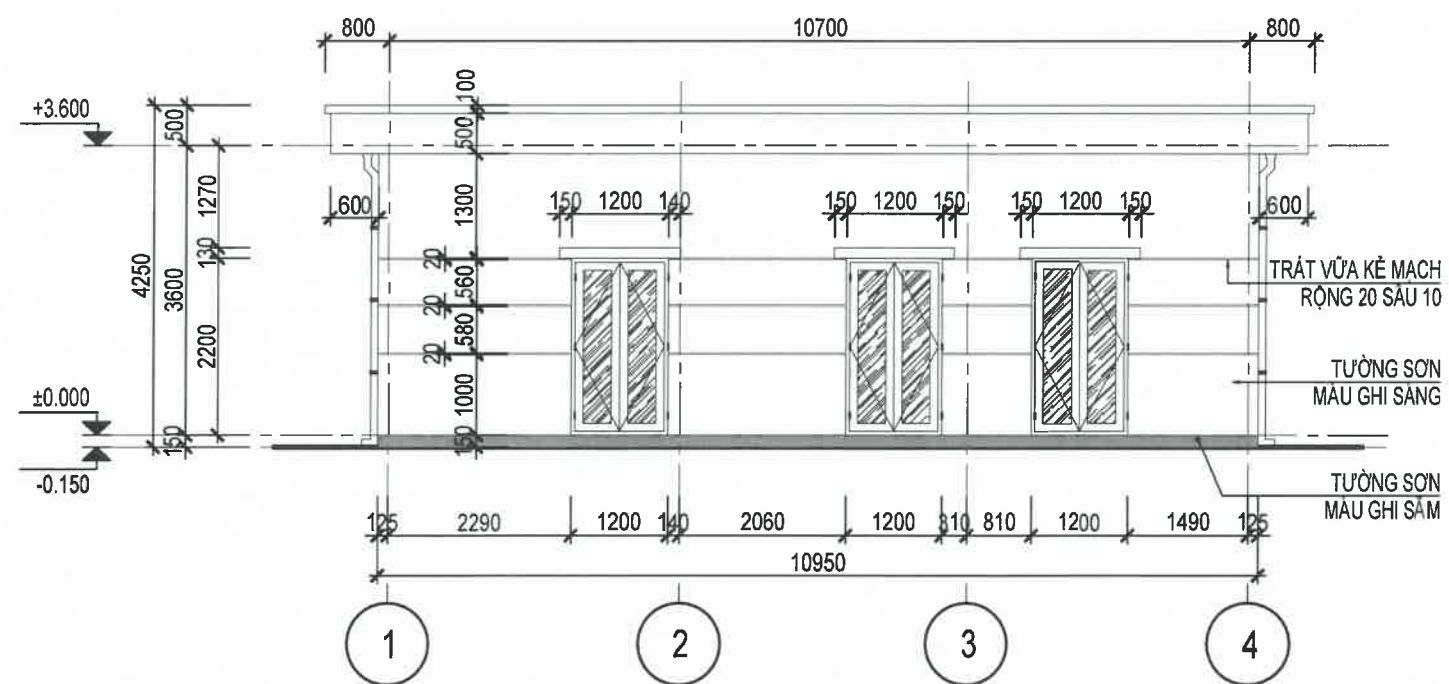
KÝ HIỆU BẢN VẼ

SCALE TO FIT

TXL-CN-011



MẶT ĐỨNG TRỰC 4-1



MẶT ĐỨNG TRỰC 1-4

CHỦ ĐẦU TƯ

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ PHỤ DỤC**

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ



359 COMPANY

**CÔNG TY CP TƯ VẤN THIẾT KẾ
VÀ XÂY DỰNG 359**

Địa chỉ: Lô 34 - NV4, Tổ 2, Phường Hoàng Diệu
Thị trấn Phú Mỹ, Huyện Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
TEL: 0946.886.793
Email: tuvanthietke359@gmail.com

CÔNG TRÌNH:

XÂY DỰNG HẠ TẦNG KHU DÂN CƯ NĂM THÀNH
XÃ AN NINH, HUYỆN QUỲNH PHỤ

HẠNG MỤC:

TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI

GIÁM ĐỐC

KS: ĐAM THỊ MẾN

CHỦ NHIỆM DỰ ÁN:

KS: TÔ ANH TUẤN

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ:

KS: ĐẶNG NGỌC MINH

THIẾT KẾ

KS: ĐẶNG VĂN HOÀNG

KIỂM TRA BẢN VẼ

KS: ĐẶNG NGỌC MINH

TÊN BẢN VẼ

MẶT ĐỨNG NHÀ ĐIỀU HÀNH

GIẢI ĐOẠN: LẬP BÁO CÁO NCKT

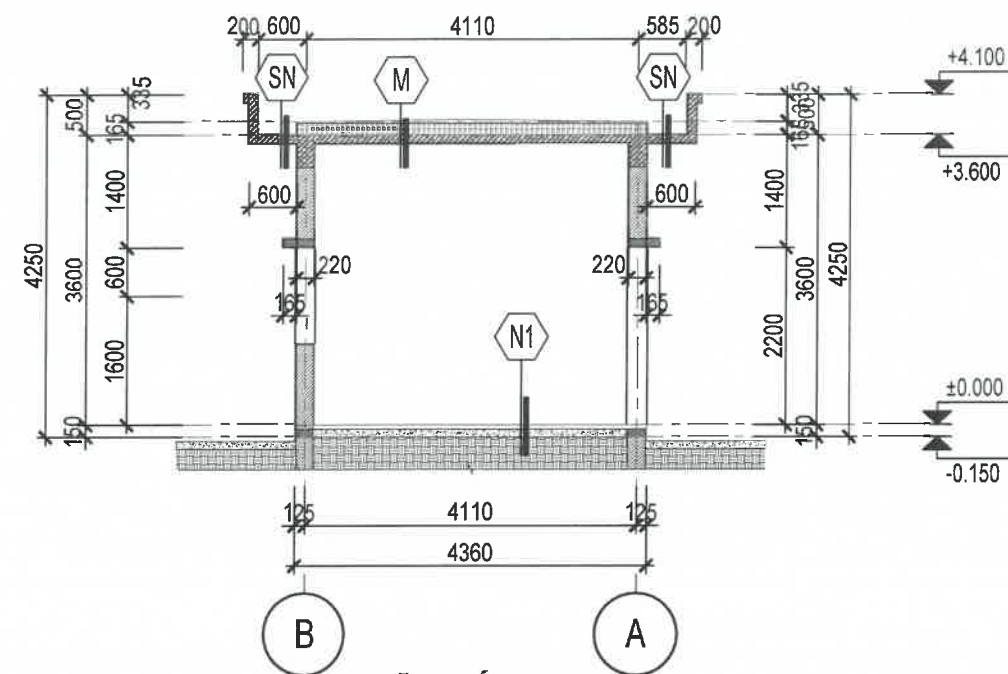
PHÁT HÀNH NĂM 2025

TỈ LỆ

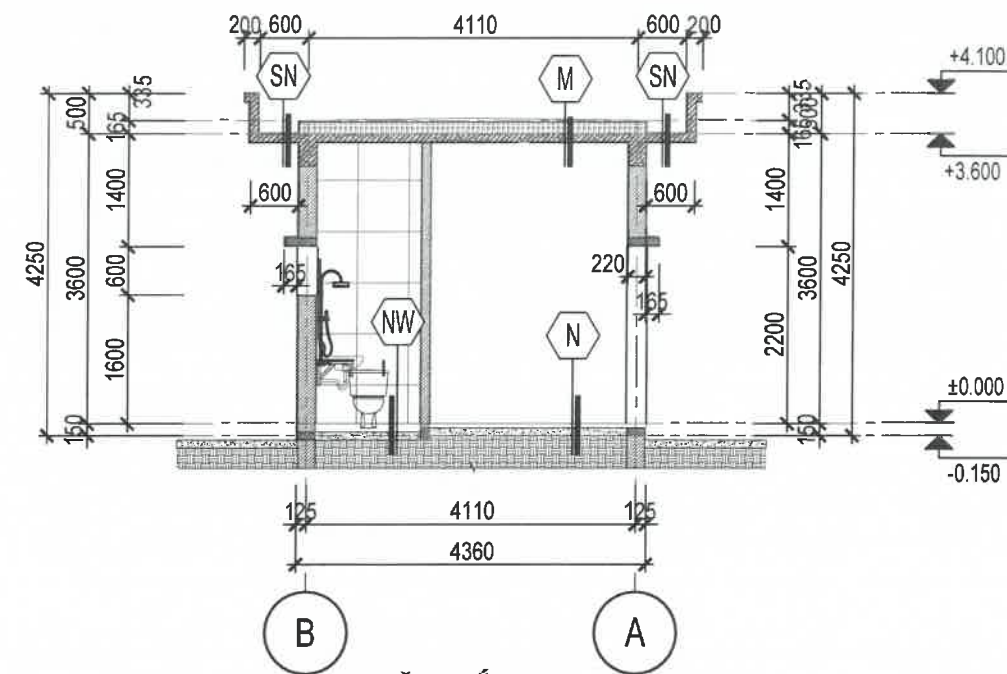
KÝ HIỆU BẢN VẼ

SCALE TO FIT

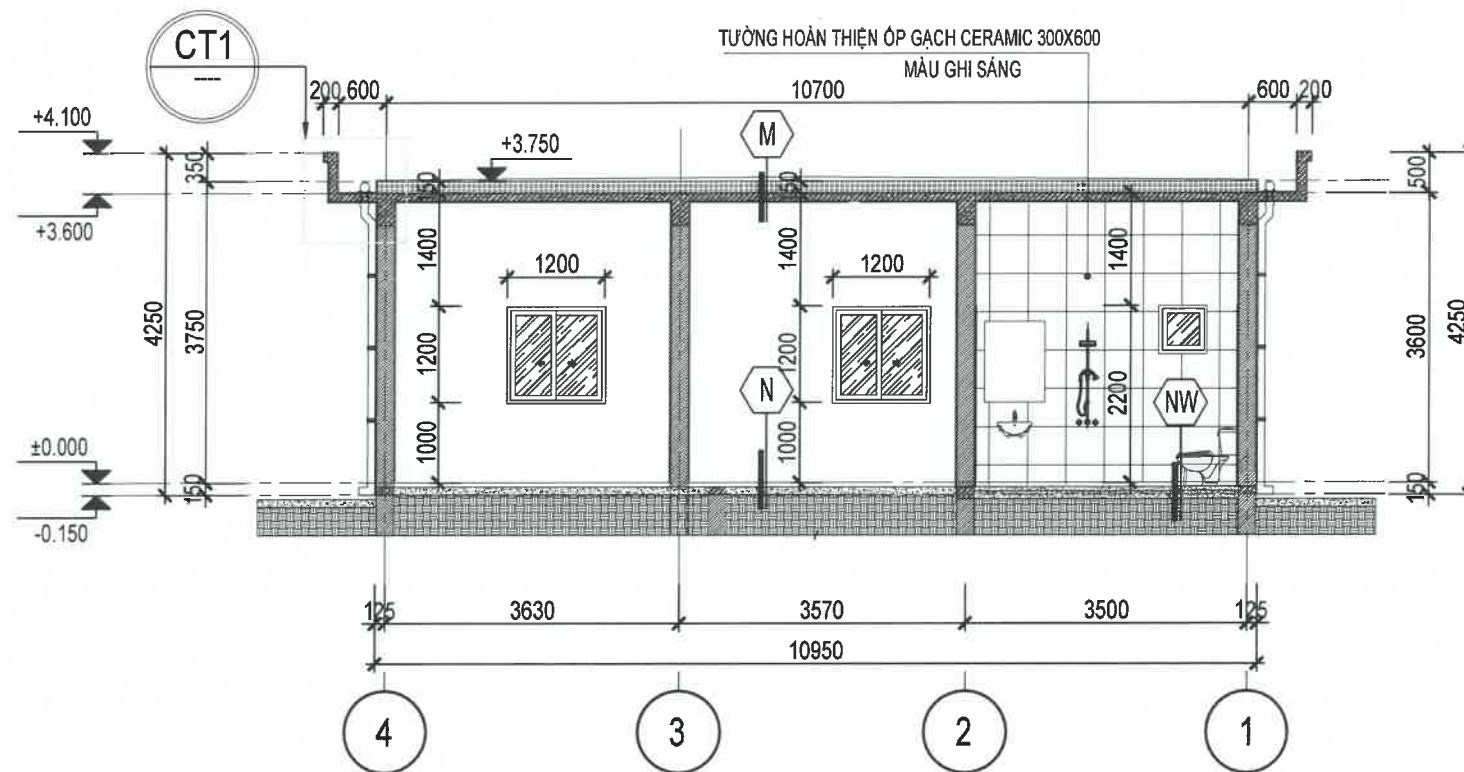
TXL-CN-012



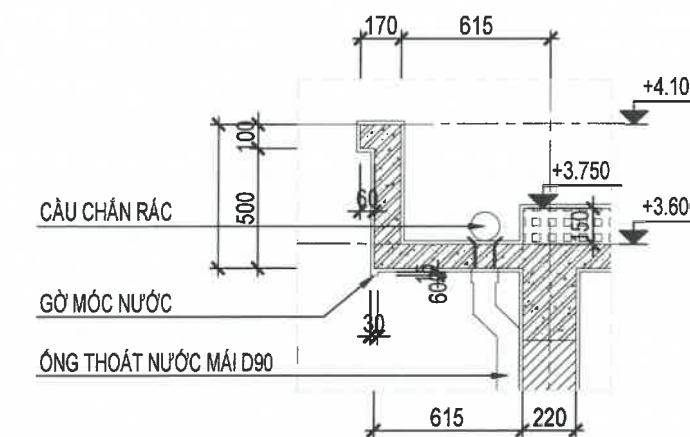
MẶT CẮT 1-1



MẶT CẮT 2-2



MẶT CẮT A-A



CHI TIẾT 1



- NỀN LÁT GẠCH GRANITE 600X600
- VỮA XI MĂNG M 75# CÁN NỀN TẠO PHẪNG
- SÀN BÊ TÔNG ĐÁ 1X2 M100#
- CÁT TÔN NỀN ĐÀM TRẬT
- ĐẤT TỰ NHIÊN



- SÀN LÁT GẠCH CERAMIC 300X600 CHỐNG TRƠN
- XI MĂNG M75# TRỘN PHỤ GIA CHỐNG THẤM CÁN NỀN ĐÁNH DỐC VỀ HƯỚNG THU NƯỚC
- QUÉT 3 LỚP CHỐNG THẤM GÓC BITUM POLYME VÉN CHÂN TƯỜNG CAO 200
- SÀN BÊ TÔNG ĐÁ 1X2 M100
- CÁT TÔN NỀN ĐÀM TRẬT
- ĐẤT TỰ NHIÊN



- LÁT GẠCH LÁ NEM 300X300
- SÀN BTCT M150# DÀY 50 LƯỚI MẮT CỎ Ø4 a 250
- VỮA XI MĂNG M75# ĐÁNH DỐC VỀ HƯỚNG THOÁT NƯỚC
- GẠCH LỖ THÔNG TÂM CHỐNG NÓNG
- VỮA XI MĂNG M75#, TẠO DỐC 1% ĐỘ DÀY TRUNG BÌNH 20MM
- QUÉT SIKA CHỐNG THẤM 3 LỚP HOẶC TƯƠNG ĐƯƠNG
- SÀN BÊ TÔNG CỐT THÉP (XEM BẢN VẼ KC)
- TRẦN TRÁT VỮA, SƠN HOÀN THIỆN THEO CHỈ ĐỊNH.



- SƠN EPOXY 3 LỚP TĂNG CỨNG BỀ MẶT.
- VỮA XI MĂNG MẮC 75 CÁN NỀN TẠO PHẪNG
- SÀN BÊ TÔNG ĐÁ 1X2 M100
- CÁT TÔN NỀN ĐÀM TRẬT
- ĐẤT TỰ NHIÊN



- LỚP VỮA XM TẠO DỐC M75#, ĐÁNH DỐC 1% VỀ GA THU, ĐỘ DÀY TRUNG BÌNH 20MM
- QUÉT SIKA CHỐNG THẤM HOẶC TƯƠNG ĐƯƠNG, VÉN CHÂN TƯỜNG CAO 200MM
- SÀN BÊ TÔNG CỐT THÉP (THEO BẢN VẼ KC)

CHỦ ĐẦU TƯ

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ PHỤ DỤC**

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ



**CÔNG TY CP TƯ VẤN THIẾT KẾ
VÀ XÂY DỰNG 359**

Địa chỉ: LÔ 34 - NV4, TỔ 2, PHƯỜNG HOÀNG DIỆU
THÀNH PHỐ TRÁI BÌNH
TEL: 0966.886.793
Email: tuvanthietke359@gmail.com

CÔNG TRÌNH:

XÂY DỰNG HẠ TẦNG KHU DÂN CƯ NĂM THÀNH
XÃ AN NINH, HUYỆN QUỲNH PHỤ

HẠNG MỤC:

TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI

GIÁM ĐỐC

[Signature]

KS: ĐÀM THỊ MẾN

CHỦ NHIỆM DỰ ÁN:

[Signature]

KS: TÔ ANH TUẤN

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ:

[Signature]

KS: ĐẶNG NGỌC MINH

THIẾT KẾ

[Signature]

KS: ĐẶNG VĂN HOÀNG

KIỂM TRA BẢN VẼ

[Signature]

KS: ĐẶNG NGỌC MINH

TÊN BẢN VẼ

MẶT CẮT NHÀ ĐIỀU HÀNH

GIẢI ĐOẠN: LẬP BÁO CÁO NCKT

PHÁT HÀNH NĂM 2025

TỈ LỆ

KÝ HIỆU BẢN VẼ

SCALE/FIG

TXL-CN-013